



CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO • Rằm tháng 4 Canh Dần • 28-5-2010

# CAO ĐÀI GIÁO LÝ

MỪNG LỄ PHẬT ĐẢN CANH DẦN 2010

Công án  
về ý thức sứ mạng

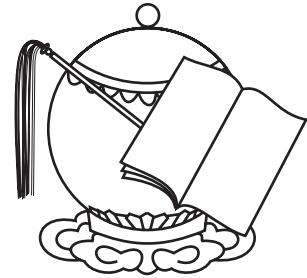
Từ luật cảm ứng đến thể Thiên nhân hiệp nhất  
**Vị thế, đặc điểm và vai trò của người tín đồ Cao Đài**  
Học tu theo tấm gương và lời dạy của đức Quán Thế Âm Bồ Tát

Bát bửu Phật đài

Những điều huyền diệu  
Ngoại giao Đại Việt



105

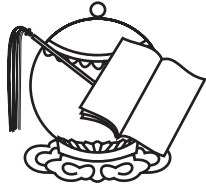


# Nội san Cao Đài Giáo Lý số 105

CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO  
171B CỐNG QUỲNH, PHƯỜNG NGUYỄN CỬ TRINH, Q1, TP.HCM.

Nội San Cao Đài Giáo Lý là một trong những chủ lực phổ thông giáo lý sau này... Bước hướng tới tương lai của Nội San là phải có chủ đạo về mặt tư tưởng Giáo Lý Đại Đạo [để] đạt đến tầm vóc thế giới. Có như vậy chư đệ muội mới làm tròn trách nhiệm.

**QUẢNG ĐỨC CHƠN TIÊN**



# Nội san Cao Đài Giáo Lý số 105

CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO  
171B CỐNG QUỲNH, PHƯỜNG NGUYỄN CỬ TRINH, Q1, TP.HCM.



## mục lục

|                                                                        |           |
|------------------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>CÔNG ÁN VỀ Ý THỨC SỬ MẠNG</b>                                       | <b>4</b>  |
| ■ Ban biên tập                                                         |           |
| <b>THẦN AN, KHÍ ĐỊNH, THÁNH LINH TỰ VỆ</b>                             | <b>5</b>  |
| ■ Đức Ngô Minh Chiêu (Thánh Truyền Trung Hưng) • Huệ Ý chú giải        |           |
| <b>TỪ LUẬT CẢM ỨNG ĐẾN THỂ THIÊN NHÂN HIỆP NHẤT</b>                    | <b>8</b>  |
| ■ Thiện Chí                                                            |           |
| <b>VỊ THẾ, ĐẶC ĐIỂM VÀ VAI TRÒ CỦA NGƯỜI TÍN ĐỒ CAO ĐÀI</b>            | <b>13</b> |
| ■ Hồng Phúc                                                            |           |
| <b>HỌC TU THEO TẤM GƯƠNG VÀ LỜI DẠY CỦA ĐỨC QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT</b>     | <b>23</b> |
| ■ Huệ Ý                                                                |           |
| <b>GIÁO SƯ LÀ NGƯỜI DẠY DỄ CHƯ TÍN ĐỒ TRONG ĐƯỜNG ĐẠO VÀ ĐƯỜNG ĐỜI</b> | <b>31</b> |
| ■ Đạt Tường                                                            |           |
| <b>KỶ NIỆM 50 NĂM RA MẮT HỘI THÁNH TAM QUAN</b>                        | <b>34</b> |
| ■ Đạt Tường                                                            |           |

|                                                                            |           |
|----------------------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>VÌ ĐẠO QUÊN MÌNH</b>                                                    | <b>38</b> |
| ■ <i>Cao Bạch Liên</i>                                                     |           |
| <b>TIẾN HÓA – GIA TỐC TIẾN HÓA</b>                                         | <b>42</b> |
| ■ <i>Ngô Nhật Quang</i>                                                    |           |
| <b>MỌI CHÚNG SANH ĐỀU BÌNH ĐẲNG</b>                                        | <b>45</b> |
| ■ <i>Nguyễn Thị Kim Ngân</i>                                               |           |
| <b>TÌM CẢNH NIẾT BÀN</b>                                                   | <b>49</b> |
| ■ <i>Hồ Thị Mộng Tuyền</i>                                                 |           |
| <b>TÌM HIỂU Ý NGHĨA DANH XƯNG “ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ”</b>                  | <b>51</b> |
| ■ <i>Trần Ngọc Tâm</i>                                                     |           |
| <b>BÁT BỬU PHẬT ĐÀI</b>                                                    | <b>55</b> |
| ■ <i>Thiện Chí trích lục</i>                                               |           |
| <b>CÂU CHUYỆN ĐỨC TIN: THÁNH THẤT THÀNH CÔNG<br/>NHỮNG ĐIỀU HUYỀN DIỆU</b> | <b>60</b> |
| ■ <i>Sen Trắng</i>                                                         |           |
| <b>BẢY DANH NHÂN ĐỜI NHÀ LÝ</b>                                            | <b>62</b> |
| ■ <i>Thu Lan s.t.</i>                                                      |           |
| <b>TƯƠNG TRI</b>                                                           | <b>66</b> |
| ■ <i>Huệ Khải</i>                                                          |           |
| <b>TÌM HIỂU ĐÔI NÉT VỀ LỊCH SỬ VĂN HÓA<br/>THỜI ĐẠI HÙNG VƯƠNG</b>         | <b>70</b> |
| ■ <i>Xuân Mai</i>                                                          |           |
| <b>NGOẠI GIAO ĐẠI VIỆT</b>                                                 | <b>76</b> |
| ■ <i>Lê Chí Thập</i>                                                       |           |
| <b>ĐỌC SÁCH NHƯ MỘT NGHỆ THUẬT</b>                                         | <b>80</b> |
| ■ <i>Thanh Long s.t.</i>                                                   |           |
| <b>10 LOẠI RAU GIÚP HẠ HUYẾT ÁP</b>                                        | <b>81</b> |
| ■ <i>Bác sĩ Đỗ Minh Hiền – Việt Thu s.t.</i>                               |           |
| <b>NHỮNG ĐIỀU CHƯA BIẾT VỀ UNG THƯ</b>                                     | <b>83</b> |
| ■ <i>Việt Thu s.t.</i>                                                     |           |
| <b>SÚP BẮP CHAY</b>                                                        | <b>85</b> |
| ■ <i>Bạch Tuyết</i>                                                        |           |
| <b>CỐ VẤN TỔNG THƠ KÝ NỮ CHUNG HÒA LIỄU ĐẠO</b>                            | <b>86</b> |
| ■ <i>Ban biên tập</i>                                                      |           |
| <b>CHỊ HAI ĐÃ VỀ TRỜI!</b>                                                 | <b>87</b> |
| ■ <i>Thiện Chí</i>                                                         |           |
| <b>THEO DÒNG ĐẠO SỰ</b>                                                    | <b>89</b> |
| ■ <i>Bạch Cúc</i>                                                          |           |



# CÔNG ÁN VỀ Ý THỨC SỨ MẠNG

**T**rong giới thiện học, tùy tư chất của mỗi người, các thiện sinh thường được giao cho những công án để trì tâm quán chiếu, cho đến khi tự giải đáp đúng đạo, mới có thể ngộ nhập huyền môn.

Tại Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Đức Giáo Tông vừa ban cho các nhân viên một công án về ý thức sứ mạng khi đã tự nguyện lãnh lấy nhiệm vụ hành đạo ở các bộ phận đang ráp thành guồng máy phổ thông giáo lý Đại Đạo.

Tự nguyện hiến dâng sở năng sở hữu phục vụ Đạo, phụng sự nhân sanh, ở mức độ nào, tại bất cứ thánh sở nào cũng có nhiều đạo tâm tín hữu. Nhưng hiến dâng với ý thức sứ mạng, thì ý chí và tâm huyết của hành giả có khác hơn người bình thường.

Thế nên, đối với một số nhân viên Cơ Quan, dù là bốn đạo lâu năm ở nơi này nơi khác, dù từng gia nhập Cơ Quan nhiều nhiệm kỳ, nhưng khi Ôn Trên

muốn chọn làm nhân viên nòng cốt, cần nêu ra một công án để đánh giá ý thức sứ mạng và quyết tâm hiến dâng cho sứ mạng đã tự nguyện thọ lãnh.

Đề tài “Sứ mạng Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo” ai nghe qua đều biết là đề tài của bài học cũ, mà lại giao cho hàng hướng đạo truyền đạt, truyền đạt như thế nào, và học viên sẽ thu hoạch được những gì không phải chỉ là lý luận, lý thuyết, hay thánh giáo dạy về sứ mạng ấy. Nên, suy ra đây là một công án cho cả học viên lẫn giảng viên.

Đã là công án, thì bên nêu ra chỉ gợi mở, không thuyết lý dài dòng; bên ứng đáp chỉ nói một câu hay viết vài chữ là đủ. Hơn nữa, có khi không nói tiếng nào hay viết chữ nào, mà chỉ có một cái mỉm cười cũng chứng tỏ đạt được chân lý.

Vậy ai là người hành đạo trong một tổ chức đã được đặt định một sứ mạng đặc biệt, không đơn thuần là một cơ sở

sinh hoạt tôn giáo, mặc nhiên mang vào mình sứ mạng phục vụ cho mục tiêu tối hậu của tổ chức. Hành giả phải thông suốt nguyên nhân và cứu cánh của mục tiêu đó đến mức nó trở thành lý tưởng cao cả, dám hy sinh, vượt qua mọi thử thách, lấy lý tưởng làm lẽ sống của đời mình.

Ý thức sứ mạng của chính mình trong sứ mạng của:

- Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý – Cơ Quan sau cùng của toàn đạo;

- Phổ thông Giáo lý Đại Đạo.

Làm thế nào chỉ bằng vài câu ngắn ngủi, bày tỏ được “ý thức sứ mạng” ấy, thật là một công án khó, nhưng cũng rất dễ nếu nhớ lại thánh ngôn nầy của Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo:

*Thật tâm mới được tri cơ,*

*Hễ tu thì đắc chớ ngờ ai  
oi!<sup>1</sup>■*

---

1. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Tuất thời, Rằm tháng 2 Đinh Tỵ (03-4-1977).



# THẦN AN, KHÍ ĐỊNH, THÁNH LINH TỰ VỀ

■ TỈNH ĐƯỜNG, TÝ THỜI, 08—6—1938 (THÁNH TRUYỀN TRUNG HUNG). HUỆ Ý CHÚ GIẢI.

THI

NGÔ thông pháp nhiệm độ trần gian,  
MINH đức tân dân tiến một đàng,  
CHIÊU tập nguyên căn quy chánh đạo,  
Mừng cho môn đệ được chung hàng.

Bản Đạo chào chư môn đệ nam nữ trung đàn.  
Giờ này vì sự khẩn cầu của chư môn đệ, Bản  
Đạo lai đàn để có lời khuyên răn nhắc nhở trên  
công việc tu hành.

BÀI

Đường tu phải lắm công phu,<sup>1</sup>  
Công phu giữ được muôn thu<sup>2</sup> rõ ràng.  
Ngồi nằm đi đứng tịnh an,<sup>3</sup>  
Giữ lòng<sup>4</sup> tươi đượm như lan xuân về.  
Giờ tu tỉnh táo chớ mê,<sup>5</sup>  
Mê thì thần thức<sup>6</sup> chận đề chơn linh.

1. Công phu phải khổ luyện.
2. Một kiếp tu muôn kiếp hưởng.
3. Thiện trong mọi hoàn cảnh: hành thiện, trụ thiện, tọa thiện, ngọa thiện, lúc nào cũng giữ được chơn tâm.
4. Giữ lòng tức là phép tồn tâm. Đức Hà Tiên Cô dạy: “Biết được phép tồn tâm dưỡng tánh, Thì bước lên làm Thánh, làm hiền.”
5. Tỉnh là thấy, nghe đều biết mà không vọng tâm. Mê là ngủ gục, hôn trầm, không làm chủ được thân tâm.
6. Đức Bác Nhã Thiền Sư dạy: “Mê nhút tâm biến thành tám thức  
Tâm tức là chơn tâm, thức tức là vọng tâm” (nhãn thức, nhĩ thức, tỉ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức).

Mỗi người tự thức lấy mình,<sup>7</sup>  
Thần an, khí định, Thánh linh<sup>8</sup> tự về.  
Nếu mà lúc tỉnh hồi mê,  
Làm cho chơn tánh khó bề viên thông.  
Giữ sao tâm được không không,<sup>9</sup>  
Tham sân chớ để nó lồng vào trong.  
Đường tu phải quyết một lòng,  
Tú thời<sup>10</sup> gắng giữ cho xong cho tròn.  
Ngoài ra những sự mất còn,  
Chớ cho vọng thức nó lòn khuấy ta.  
Một lòng cầu khẩn thiết tha,  
Giữ tâm thanh tịnh để mà tiếp ơn.  
Nếu mà dễ dãi<sup>11</sup> khinh lờn,  
Ma lòng<sup>12</sup> dấy loạn linh đơn khó thành.  
Đạo mẫu tinh tiến luyện phan,  
Tam niên nhũ bộ<sup>13</sup> ngày thành khó chi.  
Pháp môn cứ giữ cho y,

7. Mỗi thiện sinh phải tự lực là chính trong việc giải quyết hôn trầm, giữ tâm thanh tịnh.
8. Tâm định thì thần trụ, thần trụ thì mới dẫn khí được. Thần trụ thì mới hiệp thông được với Ôn Trên.
9. Đại Thừa Chơn Giáo, Đức Chí Tôn dạy: “Thầy truyền chỉ một chữ không, Chữ không luyệnặng đặng lục thông đắc thành.”
10. Bên Chiếu Minh, đủ tứ thời mới tính một công quả.
11. Để duỗi không chú tâm luyện kỹ, tu công.
12. Chúng ta thường nghe nói: “Phật tức tâm, tâm tức Phật” nhưng ngược lại “tâm tức ma, ma tức tâm” nếu chúng ta không làm chủ được thất tình lục dục.
13. Theo lời dạy, đến cấp này đã xuất thần lên học đạo cõi trên.

Cái ngày kết quả khó gì ở đâu.  
Hễ là thọ nhiệm pháp mẫu,  
Bền lâu chớ ngại mau lâu ngày thành.  
Phàm tâm diệt, đạo tâm sanh,  
Tâm sanh nhờ ở pháp lành được ban.  
Từ đây thẳng tiến một đàng,  
Độ mình cứu chúng vẹn toàn cả hai.  
Dù cho khó nhọc chớ nài,  
Xây mình dựng bạn<sup>14</sup> chớ sai tắc thành.

THI

Tắc thành môn đệ giữ cho y,  
Khó nhọc sao sao cũng chớ ly,  
Ly mất đạo mẫu<sup>15</sup> đời khốn khổ,  
Dẫu mà thân sống, sống làm chi.

Này chư môn đệ ôi! Người sanh trong cõi đời này, không ai là khỏi mang theo nghiệp thức<sup>16</sup> bên mình, dù cho những bậc Kim Tiên, La Hán cũng còn phải dày công tu luyện mới diệt sạch trần sa vô minh vi tế, mới mong đắc ngộ quả vị chánh đẳng chánh giác<sup>17</sup> là bậc hoàn toàn giác ngộ.

Tu là công phu gạn lọc, khử trước lưu thanh. Pháp môn tận độ của Thầy có nhiều, tùy theo căn cơ của mỗi người mà áp dụng. Khi áp dụng phương môn nào thích hợp với mình, thì theo đó mà trau giồi cho đến ngày thành tựu.

Các hiền đồ nên hiểu, dù cho pháp môn có hay, nhưng người thực hành dở, thì pháp môn hay kia cũng hóa ra dở mất.

Tu hành cốt ở nơi tâm thanh tịnh, pháp môn chẳng qua là phương tiện dẫn ta đến đó mà thôi. Trong bản thân con người lẫn lộn cả

chơn tâm và vọng tâm, cũng như một đám ruộng có cả cỏ và mạ, muốn cho mạ thành lúa, thì phải cho cỏ hết đi, nếu còn cỏ thì lúa kia không sinh hóa được. Tu là phương nhổ cỏ vậy. Cỏ có nhiều thứ, thứ rễ sâu, thứ rễ cạn, dùng tay mà nhổ, thì không nhổ hết được, mà phải có đồ, hoặc liềm hoặc cuốc. Nhưng nếu đồ tốt mà người nhác hoặc dối trá thì cũng không sao nhổ sạch được! Đã không sạch thì cũng khó mong lúa kia tốt được. Hiện nay các hiền đồ cũng như ruộng kia đương làm cỏ. Cỏ đó là gì? Là lục căn, lục thức và vô minh phiền não, nghiệp chướng oan khiên, những thứ đó từ lâu bám chặt nơi người của các hiền đồ, lăm le như một lũ rắn chực nuốt người, trong đó vọng tâm là nguy hiểm nhất, nó đã từng dẫn dắt chúng sanh vào con đường tội lỗi nên trước ngày Phật nhập Niết Bàn có lời trời với chư đệ tử rằng: Tâm chi khả úy thậm ư độc xà ác thú, oán tặc đại hỏa diệt vị túc dĩ dụ dã. Cái vọng tâm nguy hiểm đáng ghê sợ như thế, nếu ta không diệt trừ thì làm sao chơn như tự tánh hiện ra được.

Diệt trừ nó bằng cách nào? Không ngoài Giới, Định, Huệ. Giới là lợi khí diệt trừ những phiền não thô vọng. Định là lợi khí diệt trừ những phiền não vi tế. Làm được hai phần đó thì tự tánh sáng tỏ, nhưng không thể một mai một chiều, mà phải có một công phu bền bỉ nhẫn nhục tinh tấn lâu dài.

Ngày xưa Phật Tổ còn phải trải qua năm trăm kiếp mới đoạn tuyệt được vô minh phiền não mà chứng quả Niết Bàn.

Ở đây có người còn quan niệm sự tu hành quá dễ dãi, thân còn mang không biết bao nhiêu nghiệp thức, mà tưởng tu hành như thế là được rồi, chắc thế nào cũng thành đạo. Nhưng định luật chắc chắn không sai là còn vô minh phiền não, nghiệp thức kéo lùi, thì còn phải sanh tử luân hồi. Nói thế không phải Bản Đạo phủ nhận công tu của các hiền đồ, nói để các hiền đồ nhận định con đường tu cho rõ ràng, hầu chứng được quả vị vô sanh.

14. Đức Cao Triếu Phát dạy: “Thương người hoàn hảo hóa người, thương ta hoàn hảo hóa ta.”

15. Khái niệm “mất đạo” khá trừu tượng. Người con mất đạo thì trở thành bất hiếu, anh em mất đạo thì trở thành bất đễ, công dân bất đạo trở thành bất trung. Cá nhân mất đạo gây tai họa không những tự thân mà cả tập thể có liên quan. Từ xưa Đức Khổng Tử đã dạy “Đạo bất khả tu du ly dã” (Không giây phút nào lìa Đạo được).

16. Từ nhân đến quả, rồi từ quả đến nhân liên tục do thân khẩu ý gây ra.

17. Vô thượng chánh đẳng chánh giác = A nậu đa la tam diệu tam bồ đề.

PHÚ

Đạo mầu nhiệm phải dày công mới kiểm tầm  
ra đặng.

Tu để thành, thì ma quỷ có còn đâu!

Muốn tận tường đạo lý cao sâu,

Thì phương cứu độ tịnh định, luyện châu là  
trước hết.

Giỏi luyện mãi mà không thấy mình nhọc mệt,

Luyện bao giờ cho diệt hết bợn trần nhơ.

Phương tu hành không phải là kể thán kể giờ,

Tu sao được đến ngày đạt cơ huyền diệu.

Cuộc thế tình người nào còn để tâm đan dúi,<sup>18</sup>

Thì thân này phải chịu lắm than.

Muốn về Trời tâm phải được tịnh an, nơi  
pháp đạo để thêm đàng tu tiến.

Phải siêng năng chớ để cho tâm mình lười  
biếng,

Ngày tứ thời tịnh luyện, để vận chuyển máy  
cần khôn.<sup>19</sup>

Khuyên mọi người chung nhau mà gìn giữ  
lấy pháp môn,

Chớ dễ dãi lơ là để cho ma giành quí giựt.

Nếu mất rồi thì thân này bị vút,

Phải cam đành chịu khổ, bởi nghiệp lực  
mình gây.

Dù có thở than kêu cứu với Mẹ Thầy,

Cái ngày ấy, Thầy Mẹ đâu có thương cũng  
khó mà cứu độ.

Đời đã khổ, khuyên ai chớ tạo thêm thống khổ,

Mau diệt đi bao thói tệ đương mang nặng  
bên mình.

Hãy xúm nhau mà xây dựng mối đạo Huỳnh,

Nền chánh pháp dưới trên đồng noi giữ.

Lời căn dặn hỏi ai người sĩ tử,

Hễ là người,<sup>20</sup> dù cho nam hay nữ cũng phải  
hết sức chung lo.

Bần Đạo ban ơn. Bần Đạo thăng.■

18. Tín tâm minh dạy: “Chớ cầm giữ cái chi ở lại, cho tâm  
còn một mảy nhớ nhưng.”

19. Mỗi người là thiên hạ tối linh, hành công tu kỷ là vận  
chuyển bộ máy tối linh đó.

20. Sứ mạng vi nhân = sứ mạng làm người là tự độ và  
độ tha.

## THÁNH GIÁO

Linh tâm biết tìm về nẻo thiện,

Còn muội tâm vào biển sông mê;

Thế gian lắm lúc náo nức,

Lắm hồi buồn tủi, lắm bề suy vong.

Ai cũng muốn gia công gây dựng,

Sự nghiệp đời cho vững với đời;

Ruộng vườn ao cá nơi nơi,

Nhà rộng đài các xe hơi tàu bè.

Gầy sự nghiệp ngựa xe cổ tạo,

Để cho đời con cháu giữ gìn;

Trăm năm ngàn kiếp quang vinh,

Môn đăng hộ đối cho mình hiển vang.

Lo gây dựng giàu sang phú túc,

Dẫu việc làm có lúc bất công;

Không điều đạo đức nghĩa nhân,

Miễn sao cho được trọn phần mà thôi.

Đó là mằm suy đồi phong hóa,

Đó là mằm vay trả trả vay;

Đời ông cha hưởng đủ đầy,

Đời con cháu phải ăn mày gối rơm.

Người giác ngộ bảo tồn danh giá,

Không gây điều nhân quả tội tình;

Trọn đời trong kiếp phù sinh,

Tu thân hành thiện giữ gìn không lời.

Bần Đạo thương để lời dạy dỗ,

Cho nhơn sanh còn ở trần hồng;

Những điều âm chất gia công,

Mót bòn ngày tháng cho lòng yên vui.

ĐỨC ĐÔNG PHƯƠNG CHƯỞNG QUẢN, TRÚC LÂM THIÊN

DIỄN. NGO THỜI. 18-7 KỶ DẬU (30-8-1969).■





# Từ luật Cảm Ứng đến thể Thiên nhân hiệp nhất

## ■ THIÊN CHÍ

Đức Thái Thượng Đạo Tổ là một trong Tam giáo Đạo Tổ mà Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ tôn thờ dưới Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế và Đức Diêu Trì Kim Mẫu. Ngài là đấng:

*Tiên thiên khí hóa Thái Thượng Đạo Quân,  
Thánh bất khả tri, công bất khả nghị,  
Vô vi cư Thái cực chi tiền,  
Hữu thi siêu quần chơn chi thượng.*

Tức nguồn gốc của Ngài là khí Tiên Thiên, sự minh triết và công đức của Ngài không ai có thể nghị luận rõ ràng. Khi trời đất chưa sanh tức trước khi Thái Cực xuất hiện, thì Ngài thuộc về vô vi. Khi Thái cực bắt đầu sanh hóa, thì Ngài là Đấng cao siêu hơn tất cả các đấng Tiên Thánh khác.

Theo truyền thuyết của các Đạo gia từ xưa, một kiếp giáng trần của Đức Thái Thượng Lão Quân là Đức Lão Tử. Đức Lão Tử sanh vào khoảng thế kỷ thứ 6 trước Công Nguyên, sáng tác nổi tiếng của Ngài là quyển Đạo Đức Kinh, một pho Đạo học hàm súc chủ thuyết Vô vi và hệ thống Vũ trụ quan – Nhân sinh quan siêu việt.

Nhưng trong kho tàng các thiện thư Tam giáo được truyền tụng nhiều đời từ các nhà Đạo đức học Trung Quốc, và được các học giả Tây phương nghiên cứu thì quyển kinh “Thái Thượng Cảm Ứng Thiên” rất được tôn kính và truyền bá để mọi người tu tập, hành thiện. Ngày nay, ngay như trong đạo Cao Đài, kinh Cảm Ứng rất được quý trọng, sử dụng trong đời sống tu hành, như phái Chiếu Minh vẫn trì tụng hằng ngày, và được ứng dụng giảng dạy giáo lý Đại Đạo trong tất cả các Hội Thánh Cao Đài.

Một minh chứng cụ thể là Thánh giáo Đức Diêu Trì Kim Mẫu đã từng xác minh tinh hoa của Đức Thái Thượng như sau:

*Các con ôi! Hôm nay, các con cử hành lễ kỷ niệm Thái Thượng Lão Quân, nhưng các con đã học được gì và thực hành được gì tinh hoa của Thái Thượng Lão Quân vào đời sống nhơn sanh và tâm linh của các con? Không để các con do dự trả lời biện bạch, Mẹ nói mau cho các con biết: Một trong những tinh ba của Thái Thượng Lão Quân hay Lão Tử, đó là Luật Cảm Ứng. Chỉ có hai chữ cảm ứng này thôi, nhưng nó không phải giản dị như các con hằng tưởng, hằng định nghĩa và hằng giảng dạy cho huynh đệ tỷ muội các con thường nghe trong các buổi giảng.<sup>1</sup>*

## LUẬT CẢM ỨNG LÀ GÌ?

### Luật Cảm ứng là nguồn gốc của luật nhân quả

Mở đầu Thái Thượng Cảm Ứng Thiên hay Kinh Cảm Ứng, điều 1 (Minh nghĩa) hai câu đầu tiên đã nói ngay đến luật Nhân quả:

*Thái Thượng viết:*

*Họa phúc vô môn duy nhân tự triệu,*

*Thiện ác chi báo như ảnh tùy hình.*

Tạm dịch:

Thái Thượng nói:

Họa phúc không có lối (cửa) mà do người tự triệu.

Báo ứng thiện ác như bóng theo hình.

Cảm Ứng Thiên từ khi xuất hiện đã được vua chúa, quan lại và sĩ phu hoan nghênh vì tác dụng giáo hóa của kinh đối với phong hóa xã hội. Không ít vua chúa đã góp sức truyền bá bộ kinh này. Vào đầu đời Nam Tống, triều đình xuất

1. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Tuất thời, 15-02 Đinh Tỵ (03-4-1977).

tiền cho khắc in. Vua Lý Tông 理宗 nhà Tống (cai trị 1225–1260) chấp bút viết tám chữ lớn (đại tự): “Chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành” 諸惡莫作眾善奉行 vào bìa một bản khắc in.<sup>2</sup>

Tám chữ ấy lấy trong điều 9 (Hồi quả) của Thái Thượng Cảm Ứng Thiên:

*Kỳ hữu tăng hành ác sự, hậu tự cải hối, chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành, cứu cứu tất hoạch cát khánh, sở vị chuyển họa vi phúc dã.*

(Đã từng làm điều ác, sau tự hối cải, mọi ác không làm, hành mọi điều thiện; lâu lâu ắt có điều lành, gọi là chuyển họa thành phúc vậy.)

### **Luật cảm ứng giữa người với thần minh**

Ngoài luật “nhân quả báo ứng” mà Thái Thượng Cảm Ứng Thiên vận dụng để khuyến thiện hay cảm hóa, giác ngộ chúng sanh, luật cảm ứng còn tác động trong mối tương quan giữa tâm thức con người với thần minh. Cảm Ứng Thiên viết: “Phù tâm khởi ư thiện, thiện tuy vị vi. Nhi kiết thần dĩ tùy chi.” Hoặc: “Tâm khởi ư ác, ác tuy vị vi. Nhi hưng thần dĩ tùy chi.”<sup>3</sup>

Và trong đạo, Ôn Trên thường nhắc nhở những người tín hữu đang hành đạo:

*Hễ cảm thì ứng ngay. (...) Hễ ý niệm chánh, được tiếp liền đến các Đấng nơi cõi cao thượng, còn trái lại vọng niệm ắt vương nhằm lẫn đến của ma quái tà thần. Do đó, trong đạo giáo nào, trong từng lớp người nào cũng vấp phải những sự đáng tiếc, bởi người không tự làm chủ và phán xét vọng niệm của mình.*<sup>4</sup>

### **Tác động tích cực của Luật**

Luật Cảm ứng không chỉ có tính cách thụ động,

mà còn có tác động rất tích cực. Chúng ta hãy nghe Đức Mẹ dạy tiếp:

*Vậy để đánh dấu trung thực và xác đáng đầy đủ ý nghĩa của ngày lễ này, Mẹ dạy các con hiểu thêm về hai chữ cảm ứng, nói đúng hơn đó là Luật Cảm Ứng: cái vỏ ống quẹt đựng một số diêm quẹt, nếu con để yên một chỗ, dầu muôn đời cũng không làm sao lóe lên dóm lửa. (...) Ôn Trời đang trùng trùng bữa giảng trong đức háo sanh bao trùm vạn vật, nhưng nếu các con không dụng công tiếp nhận đúng mức thì cũng chẳng ích chi. Bộ máy nhơn thân của các con do ngũ hành âm dương tạo dựng, nếu các con biết sử dụng vận hành thì bộ máy đó sẽ tinh vi tạo tiền tác phạt. Nếu các con không biết sử dụng nó, thì các con khó thoát khỏi luật vô thường thành trụ hoại không trong vòng sanh tử mãi mãi.*<sup>5</sup>

Như thế, Đức Mẹ đã gieo ý thức về luật Cảm ứng tích cực.

Trong cõi thế gian, trước cảnh chiến tranh ly loạn gây ra bao thảm họa chết chóc, khổ đau triền miên của loài người, những ai động lòng bác ái, dám hy sinh cả danh lợi, ngày đêm ưu tư đem tài trí và thiện tâm mưu cầu an lạc cho dân cho nước, đem đạo lý giáo hóa người đời; rộng ra hơn là vận động hòa bình cho nhân loại, đương nhiên có sự đáp ứng của những tấm lòng nhân ái và những điều kiện thuận lợi dẫn đến thành công. Đó là kết quả của luật Cảm ứng tích cực. Nên có câu: “Cái túi khôn muôn đời của bậc vĩ nhân là mưu sự cho đời, cho nhân loại chứ không mưu sự riêng tư cho mình.”

Thánh giáo dạy:

*Đừng có những mong vọng thiên đường cực lạc, bỗng lai tiên cảnh nơi chốn xa xôi miền không trung vô tận mà quên tạo lấy cảnh thiên đường cực lạc cho kiếp con người tại thế gian này (...).*

*Có lưu ý, có mong vọng, có thiết tha, có thực hành tìm kiếm làn sóng điện (Thiên điển) là chắc chắn sẽ gặp và toại nguyện. Lòng có trống không, ý*

2. Tìm hiểu Cảm Ứng Thiên, Lê Anh Minh, <http://www.nhipcaugiaoly.com/post?id=185>.

3. Các câu ấy có nghĩa: Khi lòng mình nghĩ đến việc hiền lành phúc đức, mặc dầu việc ấy chưa làm, Trời đã dành sẵn ân huệ cho Thần hiển đến hộ trợ mình rồi. Nếu khi lòng mình hoặc ý mình vừa nghĩ việc quấy, toan tính việc tội lỗi, tuy việc ấy chưa làm, nhưng Trời đã cho vị hung thần theo quần quít bên mình.

4. Đức Đông Phương Chuông Quân, Chơn Lý Đàn, Tuất thời, 23–12 Ất Tỵ (14–01–1966).

5. Đức Mẹ, như chú thích số 1.



có thiết tha với các Đấng Trọn Lành, chắc chắn sẽ được cảm ứng hộ trì và tiết động được sự cứu rỗi.<sup>6</sup>

... Nếu như loại sống một đời sống vị tha vong kỷ, thì ở nơi Trời sẽ được mưa thuận gió hòa, quả hoa thanh mậu, thảo mộc xinh tươi. Còn ở nơi người thì tình thương yêu đùm bọc, kẻ khôn dui kẻ dại, người giàu bảo trợ người nghèo, kẻ không chia phần kẻ đói, người mạnh che chở người yếu thì thế gian này sẽ là cảnh thiên đường cực lạc, đâu còn cảnh tang tóc khốc hại như ngày nay.<sup>7</sup>

## TỪ LUẬT CẢM ỨNG ĐẾN THỂ THIÊN NHÂN HIỆP NHẤT TRONG TAM KỲ PHỔ ĐỘ

Các nhà nghiên cứu, học giả Đông Tây đều cho rằng có sự dung hợp Tam giáo trong Cảm Ứng Thiên, ngoài những điều dạy về luật nhân quả báo ứng, còn đề cập đến nguyên tắc “tích thiện” tu tiên của Đạo gia, quan niệm “trung, hiếu, hũu, đức” của đạo Nho, ngũ giới cấm của Phật giáo.<sup>8</sup>

Nhưng điều chúng ta quan tâm ở đây là “Bên cạnh luật nhân quả báo ứng là luật Thiên nhân tương cảm 天人相感 (hay Thiên nhân tương dữ 天人相與, Thiên nhân hợp nhất 天人合一) mà Cảm Ứng Thiên muốn xiển dương” như các nhà nghiên cứu bình luận.<sup>9</sup>

Xin đọc điều thứ ba trong Kinh Thái Thượng Cảm Ứng Diễn Nghĩa do Đức Văn Xương Đế Quân giảng bút diễn nghĩa bằng thơ lục bát:

*Thứ ba điều luật thiện tâm,  
Chứa nhiều âm chất, phúc lâm khỏi tằm,  
Nên hư do tại chữ tâm,  
Làm người đạo đức tri âm kính nhường.  
Ở đời cho vẹn nghĩa phương,  
Đạo Trời ủng hộ, lộc thường đến thân.  
Giữ tròn đạo đức nghĩa nhân,*

6. Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo, Ngọc Minh Đài, 24-3 Kỷ Dậu (10-5-1969).

7. Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn, Ngọc Minh Đài, 01-12 Bính Ngọ (11-01-1967).

8. Nội dung Cảm Ứng Thiên, Tìm hiểu Cảm Ứng Thiên, Lê Anh Minh, sđd.

9. Lê Anh Minh, Tìm hiểu Cảm Ứng Thiên.

*Tà ma xa lánh, phúc Thần giúp nên.*

*Lòng thành thấu đến Ôn Trên,*

*Những điều làm phải ắt nên chẳng lảm.*

*Tu hành luyện đặng chữ tâm,*

*Có ngày trông cậy đặng tằm Thần Tiên...*

“Thiên nhân hiệp nhất” là hai chiều cảm ứng hỗ tương. Ví như ta cất tiếng hô to giữa không gian núi non trùng điệp, hô càng to, âm thanh vọng lại càng vang dội liên hồi. Nền Thánh giáo Cao Đài viết:

*Chư hiền đệ muội gia tăng nguyện lực cho đến  
tối đa thì sẽ có sự cảm ứng với Thiêng Liêng.<sup>10</sup>*

Thánh kinh viết:

“Thế nên Thầy bảo anh em: anh em cứ xin thì sẽ được, cứ tìm thì sẽ thấy, cứ gõ cửa thì sẽ mở cho.” (Luca 11:9)

“Thầy còn bảo thật anh em: nếu ở dưới đất, hai người trong anh em hợp lời cầu xin bất cứ điều gì, thì Cha Thầy, Đấng ngự trên trời, sẽ ban cho. Vì ở đâu có hai ba người hợp lại nhân danh Thầy, thì có Thầy ở đấy, giữa họ.” [Mathieu, 18:19-20] (Thuận nhân tâm ắt thuận Trời)

Trong Phật giáo, một danh hiệu của Đức Bồ Tát Quán Thế Âm là: Tầm Thanh Cứu Khổ Nạn Đại Từ Đại Bi Linh Cảm Ứng Quán Thế Âm Bồ Tát,<sup>11</sup> cũng là sự cảm ứng tích cực giữa nguyện lực của chúng sanh với đại nguyện cứu khổ của Đức Phật.

Hơn nữa, Kinh Đại Thừa Chơn Giáo trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Chí Tôn có dạy:

10. Đức Quảng Đức Chơn Tiên, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 12-10 Nhâm Tuất (26-12-1982).

11. Kinh Pháp Hoa phẩm Phổ Môn Đức Phật giải thích, nếu có vô lượng trăm nghìn vạn ức chúng sanh bị các khổ não, nghe danh hiệu của Bồ Tát này liền nhứt tâm xưng danh của Bồ Tát, thì tức thời Bồ Tát nghe tiếng kêu cầu rồi làm cho tất cả đều được giải thoát. Vì thế nên gọi là Quán Thế Âm.

Quán Thế Âm Bồ Tát là một vị thánh nhân có diệu dụng đặc biệt là quán xét và nghe thấu tất cả tiếng đau khổ rồi từ bi giáo hoá cứu độ đưa chúng sanh đến nơi an vui giải thoát, cho nên cũng gọi là Tầm Thanh Cứu Khổ Nạn Đại Từ Đại Bi Linh Cảm Ứng Quán Thế Âm Bồ Tát. Cũng có tên là Quán Tự Tại Bồ Tát, nghĩa là vị Bồ Tát dùng trí huệ Bát Nhã quán sát sự vật đúng như chân lý một cách tự tại và thoát ra ngoài các tai ách khổ nạn.

... Trời với người cũng đồng một lý, một khí mà ra, thì không cảm ứng nhau sao được? Vậy nếu người biết trau dồi linh tánh cho thiệt sáng suốt anh minh thì tự nhiên giao tiếp với Trời, thiệt là chẳng khó.<sup>12</sup>

Ấy là:

Thượng Đế từ trên cõi mịt mù,  
Người đời thiện nguyện dốc lo tu,  
Tạo cơ cảm ứng Thiên nhưn hiệp,  
Để có thông công, có tạc thù!<sup>13</sup>

Vậy qua Thái Thượng Cảm Ứng Thiên và Thánh giáo Cao Đài, luật Thiên nhân tương cảm đã được chứng minh. Nhưng còn hơn thế nữa, khi Đức Chí Tôn khai Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, luật này còn được vận dụng triệt để, tạo thành thể “Thiên nhân hiệp nhất” để hoàng khai Đại Đạo.

Trong buổi phôi thai của nền Đạo, trước khi chánh thức khai mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ tận độ quần sanh thời mạt kiếp, Đức Thượng Đế vẫn ứng dụng luật cảm ứng Thiên nhân hiệp nhất bằng cách dạy chư Tiên bối làm lễ “Vọng Thiên cầu Đạo”. Đêm 30-10 Ất Sửu (thứ ba 15-12-1925), Đức AAA giảng dạy ba vị Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc, Cao Hoài Sang: “Ngày mồng 1 tháng 11 này, tam vị phải vọng Thiên cầu Đạo. Tắm gội cho tinh khiết, ra quỳ giữa trời, cầm 9 cây nhang mà vái rằng: Ba tôi là Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc, Cao Hoài Sang, vọng bái Cao Đài Thượng Đế ban ơn dũ (càng, hơn) phúc lành cho ba tôi cải tà quy chánh.”

Ta thấy lời nguyện nầy tương tự như khai triển 4 câu Thánh giáo trên ra văn xuôi.

Có thể nói quá trình lập Đạo, khai Đạo, hoàng Đạo của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, nhất nhất đều là những công cuộc “Thiên nhân hiệp nhất”.

### Hiệp nhất tại tâm

Đức Chí Tôn dạy:

12. Đại Thừa Chơn Giáo, Mục 4 – Tôn tâm Dưỡng Tánh.  
13. Đức Vạn Hạnh Thiển Sư, Minh Lý Thánh Hội, Tuất thời, 22-7 Tân Hợi (11-9-1971).

Tâm con là chỗ chí linh,  
Là nơi hiệp nhất nhân sinh cùng Thầy.<sup>14</sup>

Hay:

Con có Thánh tâm sẽ có Thầy,  
Thầy là Cha cả của Đông Tây,  
Tây Đông dù biết hay không biết,  
Thì đức hạo sanh cũng thế này.<sup>15</sup>

Thầy khẳng định rằng chúng ta có được Thánh tâm thì Thầy sẽ hiện diện giúp sức. Trước khi “Khai Minh Đại Đạo”, Thầy đã nhắc đến Thánh tâm vào ngày 20-4 Bính Dần (31-5-1926):

Thánh Tâm dầu phải chịu khổ trần đi nữa, thì chất nó cũng vẫn còn. Các con khác hơn kẻ phàm là duy tại bấy nhiêu đó mà thôi... Con chỉ có tu mà đắc Đạo. Phải ngó đến hằng ức, thiên vạn kẻ nhưn sanh chưaặng khỏi luân hồi, để lòng từ bi độ rồi kéo tội nghiệp.<sup>16</sup>

Thầy những mong ở một cõi trong sạch nhứt nơi trần gian, Thầy chứng vào cõi đó, Thầy ngự vào đó để cứu rỗi con cái của Thầy trong kỳ mạt kiếp. (...) Cái cõi tịnh khiết mà Thầy muốn ngự đó, các con có để cho Thầy đến với các con không? Hẳn là có rồi trong mỗi đứa!<sup>17</sup>

### BIỂU HIỆN SỰ SIÊU MẪU NHỨT CỦA THỂ THIÊN NHÂN HIỆP NHỨT LÀ “THIÊN NHÂN”

Thánh tượng Thiên Nhân là tượng thờ tối cao nhất của đạo Cao Đài. Thiên Nhân tượng trưng cho Chơn Thần của Thượng Đế. Thầy nói: “Thần cư tại Nhân.” Mà Thần của người lại do Trời phú bẩm. Vậy thờ Thiên Nhân là thờ Thượng Đế Chí Tôn của vũ trụ mà cũng chính là thờ Thượng Đế nội tại trong mỗi con người nữa.

Mỗi giờ cúng kính, người tín hữu Cao Đài gom Thần nhìn ngay Thiên Nhân để tạo điều kiện Thiên nhưn hiệp nhất. Con người là Linh

14. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 15-10 Giáp Dần, 28-11-1974.

15. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 15-01 Đinh Tỵ, 04-3-1977.

16. Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, xb. 1973, tr.21.

17. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 15-01 Nhâm Tý, 29-02-1972.

quang từ Trời ra đi, nay hướng về Thiên Nhân để tìm đường trở lại cùng Trời.

### **THÁNH ĐƯỜNG, NƠI BIỂU HIỆN CỦA THỂ “THIÊN NHÂN HIỆP NHẤT” ĐỂ THỰC HIỆN TAM KỲ PHỔ ĐỘ**

Thánh đường là biểu hiện thu nhỏ của vũ trụ, trong đó Đức Thượng Đế ngự trị, vận dụng Đạo mầu thúc đẩy chúng sanh tiến hóa dần dần đến mức chí thiện chí mỹ để hiệp một cùng Ngài.

Cấu trúc “tam đài” của Thánh đường còn thể hiện thể “Thiên Nhơn hiệp nhất” của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Mở Đạo kỳ này, Đức Chí Tôn dùng quyền năng của Ngài và tất cả các Đấng Thiêng Liêng tức phần “Thiên” thuộc Bát Quái Đài, kết hợp với Hội Thánh tức Cửu Trùng Đài là phần “nhơn” để phổ truyền giáo lý. Nhưng muốn phối hợp hai năng lực này phải có một cơ quan chuyển tiếp. Đó là Hiệp Thiên Đài có khả năng tiếp nhận quyền pháp từ Bát Quái Đài để truyền đạt đến Cửu Trùng Đài và xét trình thỉnh nguyện của Hội Thánh dâng lên Bát Quái Đài. Nhờ đó, cuộc vận hành cơ đạo trở nên “Thiên Nhơn hiệp nhất”, mà Thiên Nhơn hiệp nhất cũng chính là mục tiêu tu chứng của người tín đồ Cao Đài để độ mình và độ người.

Vậy Thánh đường với cấu trúc Tam Đài cũng là một nét đậm của thể Thiên nhân hiệp nhất.

### **SỰ BAN HÀNH PHÁP CHÁNH TRUYỀN VÀ LẬP TÂN LUẬT CỦA NỀN ĐẠI ĐẠO THỂ HIỆN THỂ THIÊN NHÂN HIỆP NHẤT**

Chúng ta đều biết, muốn tổ chức một nền tôn giáo phải có Đạo luật. Đối với đạo Cao Đài, Đạo luật có hai bộ: Pháp Chánh Truyền và Tân luật. Pháp Chánh Truyền quy định việc tổ chức Hội Thánh do chính Đức Chí Tôn ban truyền ngay sau ngày Khai Minh Đại Đạo (15-10 Bính Dần 1926). Tân luật bao gồm Đạo pháp – Thể luật và các quy định về Tịnh Thất, nói chung là các luật liên quan đến sinh hoạt của chư chức sắc và tín đồ trong nội bộ tôn giáo và ngoài xã hội. Tân luật do các vị tông đồ của Đức Chí Tôn soạn ra và dâng lên Ông Trên một cách vô cùng tôn nghiêm để được Ông Trên chuẩn y.

Thế là bộ luật Cao Đài được hoàn thành do sự phối hợp Thiên ý và Thánh tâm của chư vị

Tiền Khai Đại Đạo. Nền tảng của Hội Thánh và sự sống đạo của tín đồ đã được “Thiên Nhơn hiệp nhất” lập thành vậy.

### **SỰ ĐẶT ĐỊNH TÒA THÁNH, THẤY CÙNG DỤNG NGUYÊN TẮC THIÊN NHÂN HIỆP NHẤT**

*Nơi nào Thấy ngự, thì nơi ấy là Thánh địa... Còn Tòa Thánh thì muốn cho có Nhơn lực hiệp cùng Thiên ý, ấy là hạnh của Thấy, các con nên xem gương mà bắt chước.*

*Từ Thấy đến lập Đạo cho các con đến giờ, Thấy chưa hề một mình chuyên quyền bao giờ, các con lựa chọn nơi nào mà Hội Thánh vừa lòng thì đẹp lòng Thấy.<sup>18</sup>*

Trên đây là những nét đậm của thể Thiên nhân hiệp nhất mà nền Đại Đạo đã in rõ ngay từ buổi sơ khai. Từ đó cơ Đạo đã phát triển không ngừng mà chúng ta có thể đúc kết thành bài học chung cho người Đại Đạo: Bài học Đắc Nhất.<sup>19</sup>

*Con ôi, Thấy đến lúc đầu canh,  
Thông thấu thần quang cõi trọn lành,  
Gió núi sóng cồn chưa ổn định,  
Sương mai nắng hạ vẫn xoay quanh.  
Cần khôn trẻ muốn chung cư thất,  
Thiên địa con toan động tác thành,  
Ngưỡng cửa viên dung là chữ nhất,  
Không tìm sao thấy ở hình danh.<sup>20</sup>*

Đắc nhất, đắc đạo là kết quả của hai chiều tương ứng, tương cảm giữa Thiên và Nhân, giữa cõi trời và cõi người, hay nói theo vũ trụ quan Đại Đạo là giữa Đại vũ trụ và Tiểu vũ trụ. Bởi vì hai phạm trù này đều có chung Một Bản Thể như đại dương chứa đựng muôn loài từ các dòng nước suối nguồn sông rạch. Nói một cách rõ ràng, đó là thực tại “Thiên địa vạn vật đồng nhất thể.”

Thánh giáo trong Đạo Học Chỉ Nam đã nêu

18. Thánh Ngôn Hiệp Tuyển 1973, tr.98.

19. Xem thêm bài “Đắc Nhất”, thánh giáo Đức Chí Tôn trong Thánh giáo sưu tập 1970-1971, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, tr.206.

20. Đức Chí Tôn, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Tuất thời, 15-3 Tân Hợi (10-4-1971).

(XEM TIẾP TRANG 61)

# Vị thế, đặc điểm và vai trò của người tín đồ Cao Đài

■ HỒNG PHÚC

Vào đầu thế kỷ 20, trong những tháng ngày đất nước Việt Nam còn đắm chìm trong điều linh khói lửa do bởi nạn ngoại xâm, một sự kiện hy hữu đã xảy ra trên mảnh đất Việt nhỏ bé, dân tộc Việt đón nhận một ân phước vô biên, Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, vị Chúa tể muôn loài từ xưa đến nay chỉ có trong huyền thoại tâm tưởng của con người đã thị hiện cứu rỗi loài người nơi cõi trần gian, nói chuyện với con người bằng ngôn ngữ của người Việt Nam:

*Các con ơi! Thấy là Chúa Tể càn khôn, sanh ra muôn loài vạn vật. Bao nhiêu cuộc tuần hoàn, dinh hư tiêu trưởng, đó là sự nhiệm mầu của Thầy đã định sẵn. Vì vậy mà đến buổi hạ ngưng, Thầy đến xứ Việt Nam này để khai Đạo, kêu gọi các bậc nguyên nhân hãy sớm lập công bồi đức, hướng dẫn toàn thể sanh linh sớm tỉnh tu để về cõi trường tồn chánh giác, hoặc hưởng đời Thượng ngưng thánh đức. Nguyên vị đã sẵn dành cho các bậc nguyên căn tu hành chánh đạo và cũng dành để cho những kẻ từng lương cải ác, sớm trở lại nguồn. Còn chốn địa ngục a tỳ là chỗ để trừng phạt những đứa bạo tàn hung*

*ác, và cũng để răn trị những hạng người tu hành nguỵ trá.*

*Hôm nay Thầy đến với các con để vỗ về an ủi cùng chan rưới điển lành cho các con, không phân biệt giàu nghèo, sang hèn, lớn bé, nguyên nhân cùng hóa nhân, để các con hấp thụ linh điển đó mà bình tâm sáng suốt, chọn một con đường đi, khỏi lo chông gai hiểm trở. Đó là con đường Đạo, tự giác, giác tha, bác ái, khoan dung.<sup>1</sup>*

Phải nói đây là hồng ân vô tiền khoáng hậu trong lịch sử nhân loại, bắt đầu cho sự hình thành một nền tôn giáo mới với danh xưng Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ hay đạo Cao Đài với vị Giáo chủ chính là Đấng Tạo Hóa đã khai sinh muôn loài vạn vật, tá danh Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.

Sự ra đời của đạo Cao Đài trên đất nước Việt Nam không phải là để thêm một tôn giáo vào các tôn giáo hiện hữu trên thế giới từ xưa đến nay mà đích thực, vị Giáo Chủ Cao Đài mượn hình thức tôn giáo để con người có thể nghe thấy tiếng nói của Ngài mà xích lại gần nhau, nối vòng tay lớn tìm

thấy tiếng nói chung giữa người với người trên cơ sở chân lý là đạo đức để cùng góp phần xây dựng một cuộc sống nhân sinh thái hòa an lạc phù hợp với đức hạo sinh của Tạo Hóa, đồng thời cũng tạo tiền đề để người hiệp với Trời là điều kiện giúp cho càn khôn ổn định, vũ trụ an lành và tâm linh con người tìm thấy bến bờ giải thoát khỏi chốn luân hồi sanh tử.

Ngay những ngày đầu khai Đạo, Đức Chí Tôn đã ban lời khuyến dạy:

*Trời Nam may dựng một yếng sáng của Đấng Đại Từ Đại Bi dẫn khách trần bước lần ra con đường hắc ám, để tránh khỏi bến mê, dụng nầu sông thế cân đai, mượn khổ tâm thay chung đỉnh, lấy hạnh đức làm nấc thang bước lên tốt lừng trời, vệt ngút mây xanh, trông vào cảnh thiên nhiên, biết rõ cơ mầu nhiệm mà làm khách u nhàn thanh nhã, núi thăm rừng xanh. (...)*

*Đạo Trời qua bến tục, đường Thánh dẫn khách trần, nếu chẳng biết thế thời, giọt nhành dương hết chờ khi rưới khổ đặng.<sup>2</sup>*

Hơn 80 năm trôi qua, đạo Cao Đài đã in dấu trên quê

1. Nam Thành Thánh thất, 01-01 Ất Tỵ, 02-02-1965.

2. Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, 10-01-1927.



hương Việt Nam và theo bước chân người Việt đi đến nhiều nơi khác trên thế giới để hình ảnh người tín đồ Cao Đài chân phương thuần khiết trong bộ đạo phục màu trắng cũng là quốc phục truyền thống của dân tộc Việt đã không còn xa lạ với mọi người, mà tô đậm được nét biểu trưng cho một nền tôn giáo thuần túy Việt Nam với tôn chỉ “Tam giáo quy nguyên – Ngũ chi phục nhất, mời gọi các con thuyền tôn giáo cùng trương buồm lướt gió ngược dòng cứu độ quần sinh trở về bến khởi.

Bởi vì Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ dưới hình thức một tôn giáo có tên gọi Cao Đài không đơn thuần là một tôn giáo với những quy điều giới luật khuyến thiện con người, mà thực sự là một đại cuộc cứu độ do chính Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế chủ trì với toàn thể chư Phật Tiên Thánh Thần cùng lâm phạm dẫn dắt loài người thoát trường sát kiếp buổi Hạ nguyên là thời kỳ cuối cùng của cuộc tuần hoàn chu kỳ vũ trụ.

Do vậy, người tín đồ Cao Đài đã được Đức Thái Thượng Đạo Tổ dạy rằng:

*Trong cõi vô thường, cuộc đời giả tạm mà lại có các hàng Giáo chủ Tiên-Phật-Thánh ra đời để giác ngộ, hầu khai ngộ dẫn dắt quần sinh.*

*Chư môn đồ đang thực hiện sứ mạng để tiếp nối các việc làm của hàng Giáo Tổ Thánh Nhơn*

*trong hai kỳ trước. Vậy, mỗi một tín đồ của Đại Đạo là một Thiên ân. Mỗi một Thiên ân là một sứ mạng phải được hoàn thành khi đã được Đấng Chí Tôn Thượng Đế ban trao.<sup>3</sup>*

Qua lời dạy này, người tín đồ Cao Đài không chỉ đơn giản là người theo đạo, tức người gia nhập vào một nền tôn giáo, tuân hành những luật lệ chung của tôn giáo đó như cách hiểu thông thường của người đời từ trước đến nay, mà là những Thiên ân phải thực hiện sứ mạng là tiếp nối việc làm của hàng Giáo tổ Thánh nhân trong Nhứt và Nhị kỳ Phổ độ. Đức Thái Thượng đã nhấn mạnh vai trò: “Mỗi một tín đồ của Đại Đạo là một Thiên ân” với trách nhiệm vô cùng lớn lao: “Mỗi một Thiên ân là một sứ mạng phải được hoàn thành khi đã được Đấng Chí Tôn Thượng Đế ban trao.”

Trong ý nghĩa đó, người tín đồ Cao Đài phải có những đặc điểm khác hơn người tín đồ của các tôn giáo khác trong vị thế và vai trò của mình trên đường hướng đến mục tiêu “Thế Đạo Đại đồng và Thiên Đạo Giải thoát” như là phương cách nhằm giải quyết những vấn đề của con người trên cả hai mặt nhân sinh và tâm linh mà Đức Thượng Đế

đã chỉ ra cho con người trong cơ cứu độ Kỳ Ba này.

## **VỊ THẾ CỦA NGƯỜI TÍN ĐỒ CAO ĐÀI**

Bước qua ngưỡng cửa Cao Đài, người tín đồ đã được xác nhận hai vị thế cao trọng:

### **Tam tài đồng đẳng – Thiên Địa Nhân**

Từ xưa đến nay, con người chỉ biết mình với một kiếp đời ngắn ngủi chưa tới trăm năm mà trời đất thì bao la với không gian vô tận và thời gian vô biên. So với vũ trụ, con người chỉ là hạt cát trong sa mạc mênh mông. Con người không biết mình là ai, từ đâu đến và đến đây để làm gì, rồi sẽ đi về đâu. Con người không biết rằng mỗi cá nhân là một tiểu vũ trụ với một năng lực siêu nhiên tiềm ẩn, không chỉ giới hạn trong khả năng tìm tòi phát minh thế giới vật chất để phục vụ cho tiện ích trong đời sống nhân sinh nơi chốn hữu hình mà còn có thể thăng hoa khai phóng để vượt lên hàng siêu xuất thế gian, hòa nhập cùng đại thể vũ trụ. Chính vì vậy mà con người đã được xếp vào hàng Tam Tài đồng đẳng: Thiên Địa Nhân, tức là ngang hàng cùng Trời Đất tính theo năng lực vô hình trong Đạo.

Tôn giáo Cao Đài được khai sinh, mở toang cánh cửa huyền vi cho con người nhìn thấy con đường rộng lớn nối liền thiên thượng với thiên hạ, xuyên suốt từ vô thi đến vô chung, người

3. Đức Thái Thượng Lão Quân, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-02 Kỷ Mùi (12-3-1979).



tín đồ Cao Đài không còn hoài nghi về số phận của mình mà đã nhận ra được vị thế cao trọng mà Trời đã ban cho con người để con người đứng vào hàng Tam tài, có khả năng đi trọn cuộc hành trình tiến hóa theo dòng luân lưu của vũ trụ như lời khẳng định của Thánh giáo:

*Nếu đứng trên phạm vi con người, thì trời đất là một vũ trụ bao la. Nhưng trên cương vị một hạt vi trần, thì con người quả là một vũ trụ vô lượng. Con người quả là một hạt cát trong bãi sa mạc hoang vu nhưng là hạt cát biết suy nghĩ. Vũ trụ có hằng trăm nghìn thế giới, mỗi một thế giới có vô lượng thế giới tế vi hơn. Vũ trụ trùng trùng, đừng mong đạt đến cái tận cùng của nó.<sup>4</sup>*

Mỗi người là một Tiểu Linh Quang được chiết xuất từ khối Đại Linh Quang Thái Cực, đến cõi thế gian để thay Trời tiếp tục hoàn thành công cuộc hóa sanh vạn hữu trong nhiệm vụ lập đời, điều hành, quản cai muôn vật, tức là tạo cho cõi hữu hình một “hồn sống”. Như vậy, con người đóng một vai trò quan trọng trong sự vận hành của toàn vũ trụ. Thế nhưng con người chỉ nhìn thấy mình qua xác thân tứ đại mà không nhận ra điểm linh quang ẩn tàng hiện hữu bên trong với một năng lực diệu kỳ có thể giúp con người phối Thiên, huyền đồng cùng vũ trụ. Giáo lý Cao Đài xác nhận: “Người đứng giữa Trời Đất, làm móc nối cho càn khôn, tạo dựng thái hòa.”<sup>5</sup>

Ý thức được vị thế cao trọng của con người, người tín đồ Cao Đài phải biết vận dụng nguồn năng lực tiềm tàng trong tự tánh, lấy linh tâm làm chủ sử nhân thân để tu hành thực hành sự tiến hóa cho tiểu vũ trụ chính mình.

### **Song hành cùng Trời trong cùng sứ mạng tận độ Kỳ Ba**

Hơn thế nữa, với người tín đồ Cao Đài, khi đã quyết tâm bước qua ngưỡng cửa Cao Đài, thì đã mặc nhiên thọ nhận sứ mạng song hành cùng Trời để làm nên đại cuộc cứu độ Kỳ Ba, Trời và

người cùng hợp tác để giải quyết những vấn đề của con người. Trời vạch ra đường lối, chỉ đạo, hướng dẫn; còn phần thực hành do chính con người đảm nhận. Đây là một vị thế cao trọng khác dành cho con người trong vũ trụ, thể hiện ân phúc to lớn mà Đức Chí Tôn Thượng Đế đặc biệt ban cho con người trong cơ phổ độ Kỳ Ba, khác với Nhất và Nhị kỳ Phổ độ.

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ ra đời trong cơ tận độ, không chỉ một mình Đức Thượng Đế đến trần gian để đưa tay cứu vớt đàn con đang chơi vơi trong biển khổ, mà tất cả chư Phật Tiên Thánh Thần cũng giáng trần giúp Thầy cứu rỗi toàn nhân loại. Nhưng không phải cứu rỗi bằng phép mầu huyền nhiệm mà Đấng Trọn Lành chỉ trao cho con người bức cấm nang để con người nương theo đó mà định hướng tìm cho mình con đường giải thoát. Nói cách khác, Đức Thượng Đế chỉ là người thiết kế xây dựng nên “đề án cứu rỗi” và giao cho con người thực hiện, bởi vì như Đức Cao Triều Phát đã giải thích:

*Một sứ mạng chia hai đoàn người u hiển sắc không, các em đã hiểu rồi, biết rồi, hữu hình mới phục vụ cho hữu hình, vô vi là tác năng của tiềm lực trí tuệ. Có hữu không vô ví như có hình vật mà không có cơ năng linh hoạt, có vô mà không hữu khác nào bốc gió chốn hư không, xây lâu đài trong mộng ảo, bởi vì rễ có sâu thì gốc mới vững, cây có tàn lớn thì hoa trái mới sum suê.<sup>6</sup>*

Như vậy, rõ ràng trong tôn giáo Cao Đài, có một sự hợp tác mật thiết giữa Trời và người, giữa thế giới vô vi là tác năng của tiềm lực trí tuệ và thế giới hữu hình là hành động cụ thể để đạt đến mục tiêu cứu rỗi loài người thoát khỏi cơ tận diệt của thời mạt pháp, xây dựng tái tạo đời Thượng ngươn Thánh đức, đồng thời cũng giúp con người vượt khỏi vòng luân hồi sanh tử để trở lại nguồn cội thiêng liêng nơi chốn vô sanh vô diệt.

4. Đạo Học Chỉ Nam.

5. Đạo Học Chỉ Nam.

6. Đức Cao Triều Phát, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 11-02 nhuận Ất Sửu, 31-3-1985.

*Thiên nhân tác hợp, Càn Khôn định  
Tôn chỉ Cao Đài chỉ thế thời.*<sup>7</sup>

Ở vị thế song hành cùng Trời, hợp tác với Trời, người tín đồ Cao Đài phải làm sáng tỏ ý nghĩa tinh thần Thiên Nhân hiệp nhất, trong đó, con người là một tiểu vũ trụ với đủ đầy năng lực phối kết với Trời để thực hiện đạo Tàì Thành, chuyển hóa khổ đau thành hạnh phúc, để thế gian không còn là sông mê bể khổ, không còn dấu vết của chia rẽ hận thù và con người trở lại với sự thuần khiết cao thượng đẹp đẽ của một loài sinh vật tối linh xứng tầm Trời Đất của thuở nguyên sơ như lời nhắn nhủ của Đức Vân Hương Thánh Mẫu:

*Các em đặt trọn niềm tin vào Thượng Đế, vào các Đấng Thiêng Liêng qua linh cơ diệu bút để giác ngộ khai mê giúp các em tiến bước hành đạo phần bốn hoàn nguyên. Chỉ cho đó là đúng, đó là phần hướng lên. Còn phần hướng nội là tự xem chính mình có thật sự tin hay không. Đã tin thì chính mình là Đạo, phải thay Trời mà vận hành tự cường bất tức. Có như vậy các em mới thực hiện được sứ mạng.*<sup>8</sup>

*Con người là vật tối linh,*

*Đoạt cơ tạo hóa, thông tình vạn sanh.*<sup>9</sup>

## **ĐẶC ĐIỂM CỦA NGƯỜI TÍN ĐỒ CAO ĐÀI**

### **Đạo phục**

Khi đã nhập môn vào đạo, người tín đồ Cao Đài, nam cũng như nữ, dù giàu, dù nghèo... ai cũng bắt buộc có một bộ đạo phục là bộ áo dài trắng, nam phái có thêm chiếc khăn đóng đen, để mặc khi đến chùa thất và cả khi cúng lạy tại tư gia. Đây là điểm đặc biệt của đạo Cao Đài, đạo phục không chỉ dành riêng cho giới xuất gia như các tôn giáo khác. Đạo phục của đạo Cao Đài chính là hình ảnh của quê hương Việt Nam với chiếc

áo dài truyền thống dân tộc đã được người tín đồ lưu giữ từ hơn 80 năm qua và mãi mãi.

Bộ áo dài Việt Nam là một biểu tượng văn hoá của dân tộc Việt Nam mà không lẫn lộn được với bất kỳ trang phục của quốc gia nào trên thế giới, trải qua thời gian với nhiều triều đại, dù có thay đổi cách tân theo quan niệm thẩm mỹ của người Việt theo từng thời kỳ, vẫn giữ nguyên kiểu dáng tổng thể và được người Việt nhìn nhận là quốc phục, ngày nay được UNESCO công nhận là văn hóa phi vật thể của Việt Nam, đã được chọn làm cơ sở cho đạo phục của một nền tôn giáo nội sinh đất Việt là đạo Cao Đài, một nền đạo phục vụ cơ cứu thế cho toàn nhân loại, tức là có sứ mạng truyền bá ra khắp năm châu. Như vậy, bộ quốc phục Việt Nam sẽ trở thành đạo phục cho toàn cầu. Điều đó có nghĩa những giá trị của văn hóa Việt Nam sẽ trở thành những giá trị phổ quát cho mọi dân tộc trên thế giới.

Như vậy đạo phục Cao Đài thể hiện một sự dung hòa tổng hợp giữa bản sắc dân tộc với văn hóa đạo đức của tôn giáo. Mặt khác, màu trắng, trong ý nghĩa nội tại, tượng trưng cho sự thuần khiết, trong sạch của bản chất thiện lương con người vốn có từ thuở sơ sinh, nhắc nhở người tín đồ Cao Đài phải luôn giữ gìn, rèn luyện một đời sống nội tâm thánh thiện như lời Đức Đệ nhị Giáo Tông Thượng Trung Nhựt:

*Mặc một bộ bạch y để nhắc nhở người giáo đồ cũng như hàng tín hữu luôn luôn phải trong trắng, phải mát dịu, phải hiền hòa nơi nội tâm. (...) Màu trắng cũng là màu dễ lẫn và nổi bật những vết nhơ, dầu lớn, dầu nhỏ, khi đã dính vào, người ngoài dễ trông thấy và đánh giá người chủ sử dụng bộ đồ. Các em nên lưu ý điều đó mà hành đạo.*<sup>10</sup>

Trong ý nghĩa ngoại tại, màu trắng tượng trưng cho sự đại đồng. Bởi lẽ, màu trắng là tổng hợp của tất cả các màu sắc mà con người có thể nhìn thấy được. Giáo lý Đại Đạo dạy rằng mỗi

7. Đức Di Lạc Thiên Tôn, 1971.

8. Đức Vân Hương Thánh Mẫu, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 13-8 Kỷ Mùi, 03-10-1979.

9. Đạo Học Chỉ Nam.

10. Giáo hội Tiên Thiên Minh Đức, 20-9 Đinh Mùi, 23-10-1967.

tôn giáo, mỗi hệ tư tưởng, chủ nghĩa... trong nhân loại là mỗi màu sắc làm nên sự phong phú cho đời sống toàn cầu. Do vậy, màu trắng của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ chính là tượng trưng cho sự dung hòa, tổng hợp mọi màu sắc tư tưởng trong nhân loại. Sự dung hòa, tổng hợp này là tiền đề cần thiết để tạo nên một thế giới đại đồng trong tương lai.

Như vậy, tự thân bộ áo dài VN màu trắng cũng là đạo phục của tôn giáo Cao Đài đã nhắc nhở người tín đồ mối liên hệ giữa bản sắc văn hoá dân tộc với tính bốn thiện trong mỗi con người ở thế gian và tương lai đại đồng nhân loại mà dân tộc được chọn phải trang bị để nắm bắt vận hội duy nhất đưa đất nước mình tiến đến vị thế một cường quốc về đạo đức.

### Mỗi tín đồ là một Thiên ân

Tôn giáo Cao Đài nhằm đến việc khai phóng con người, dùng thế Thiên Nhân hiệp nhất vận dụng con người vào công cuộc kiến tạo đời Thánh đức. Thượng Đế trao cho con người giác ngộ sứ mạng phụng sự kỷ nguyên đại đồng thánh đức, góp phần vào đại cuộc cứu độ quần sinh, tức là người tín đồ Cao Đài đã được Đức Thượng Đế ban trao sứ mạng để bước vào hàng Thiên ân Sứ mạng, thấy chính mình là Đạo, Đạo là mình; biết ý thức hiệp nhân lực với thiên cơ để vận hành công cuộc tiến hoá không ngơi nghỉ. Đối với vũ trụ, đó là người huyền đồng cùng tạo vật. Đối với thế gian, đó là người có thể làm cho thù thành bạn, ghét trở nên thương, là người xem mình là mọi người, mọi người là mình, để cùng nhau kiến tạo một xã hội đại đồng Thánh đức.

Tôn giáo Cao Đài vẫn có hàng ngũ xuất gia, hiến dâng cuộc đời cho lý tưởng Đại Đạo, không màng danh lợi, chức quyền, tiền tài, sự nghiệp, nhưng Thánh giáo Cao Đài dạy:

*Người vào đạo tu thân không có nghĩa là trốn lánh việc đời, mà phải hòa mình trong việc đời để trước hoàn thiện hóa bản thân mình, rồi hoàn thiện hóa những người khác. (...)*

*Chư hiền đệ muội đừng bao giờ có ý nghĩ này:*

*vào đạo để độc thiện kỳ thân, đóng cửa tự luyện phép mầu để chấp cánh bay bổng cung tiên, hoặc vào hang sâu rừng thẳm tịnh luyện nội ngoại công phu để làm tướng Trời đẹp loạn.*

*Nếu trong khi đó, quốc gia mất chủ quyền, non nước suy vi, cửa nhà tan nát, xóm làng tan hoang, dân tộc nô lệ, thì sự tu ấy không có ý nghĩa gì hết.<sup>11</sup>*

Bởi vì Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ chủ trương phương tu nhập thế, người tu không cách biệt với xã hội nhân sinh để chỉ lo cho riêng mình, mặc cho cuộc đời đau khổ, mà phải đem Đạo vào đời để hoá cái cuộc đời bằng những giá trị đạo đức chân chánh. Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo đã dạy:

*Những tiếng chuông đơn độc lẻ loi trong cửa thiền nơi hoang vắng không kêu gọi âm vang được khắp khu rừng thẳm thẳm trùng trùng. Nếu Đạo không thực liên với xã hội đời, thì làm sao nhắc lại cho đời biết đời là Đạo.<sup>12</sup>*

Ngược lại, người tín đồ Cao Đài khi nhập môn vào đạo là đã chọn lựa con đường tu hành, lấy giới quy làm khuôn mẫu, sửa tánh tu tâm, học hỏi giáo lý để mở mang tâm thức, lúc hướng ngoại thì công quả giúp đời, khi quay về nội tâm thì luyện kỹ tu đơn, thực hành sống Đạo, tập đức hy sinh để làm tròn vai trò của người Thiên ân, là người đã thọ nhận sứ mạng thay Trời hoằng giáo.

Đức Cái Thiên Cổ Phật dạy:

*Thế nào là đức hy sinh?*

*Có phải chẳng hy sinh là bỏ hẳn tất cả cuộc sống đơn giản cần thiết của mình mà đi tìm một phương hướng vô định, một đường lối không tuyệt đích, một phương pháp không tưởng chăng? Không phải vậy. Đức hy sinh bao trùm mọi mặt trong sự sống hằng ngày của nhân thế, dầu lớn dầu nhỏ cũng có đức hy sinh. Thí dụ như chur nhu, chur muối, phế những cao lương mỹ vị, tìm thú rau tương, dưa muối, cũng là một đức hy sinh.*

11. Đức Quan Thánh Đế Quân, Nam Thành Thánh thất 15-2 Kỷ Dậu, 01-4-1969.

12. Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo, Chí Thiện Đàn, 26-8 Nhâm Tý, 03-10-1972.

*Hy sinh đó cho bao mạng sống, dành bao ngày giờ thụ hưởng vật chất xa hoa để cứu tâm giáo lý, nghiền ngẫm, tham thiền, tìm lẽ Đạo của đất Trời hầu phổ truyền cho sanh chúng, cũng là một đức hy sinh; nhẫn nhục khoan dung với người tội lỗi, dưỡng binh, để tìm cách giác ngộ họ cũng một đức hy sinh. Tạm gác những quyền lợi riêng tư cho cá nhân cho gia đình mình, mưu cầu hạnh phúc cho đa số cũng là một đức hy sinh; trấn áp tiêu diệt lòng ham muốn bất chánh, thói hung hăng, vị kỷ để phục thiện cũng là một đức hy sinh. Nhưng không phải hy sinh để phủ mọi mặt cho người tội lỗi tự tung, tự tác; hy sinh để cứu an hầu dung túng ký sinh trùng cho xã hội, đó là lòng hy sinh không đúng chỗ.<sup>13</sup>*

Như vậy, trong tôn giáo Cao Đài, không có sự phân biệt trong đời sống giữa người xuất gia và người tín đồ. Người tín đồ Cao Đài cũng chính là người giác ngộ, quyết tâm chọn con đường tu hành để giải thoát. Con đường tu hành của người tín đồ Cao Đài cũng là con đường sứ mạng tự độ – độ tha: vừa trau sửa thân tâm, hoàn thiện bản thân, vừa giúp người tiến hóa tâm linh, để cùng chung tay xây dựng một xã hội đại đồng thánh đức nơi cõi thế gian, đồng thời giải thoát linh hồn khỏi luân hồi sanh tử sau khi rời bỏ xác thân tứ đại.

Trong ý nghĩa đó, người tín đồ Cao Đài phải là người thấp sáng được cái điểm Đạo tự hữu của mình để soi đường cho chính mình hành đúng thiên lý, dẫn lối cho tha nhân, thể hiện được cái Đạo như lời Thánh giáo:

*Người tu theo Đại Đạo không phải chỉ mang mặc một hình thức, một danh từ cao siêu vô hồn ấy thôi. Còn phải nhờ những cố gắng tu tập hành đạo để cái Minh Đức hay cái đức sáng trong con người được luôn luôn sáng suốt để soi đường dẫn lối cho mình, cho thiên hạ. Đó là điều kiện tất yếu phải có của người tự nhận là tín đồ Đại Đạo.<sup>14</sup>*

13. Thánh thất Tân Định, 03-01 Ất Tỵ, 04-02-1965.

14. Đức Quan Thánh Đế Quân, Chí Thiện Đàn, 26-8 Nhâm Tý, 03-10-1972.

## VAI TRÒ CỦA NGƯỜI TÍN ĐỒ CAO ĐÀI

Đức Thượng Đế khai mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ với tôn chỉ “Tam giáo quy nguyên – Ngũ chi phục nhất” nhằm phục hưng chơn truyền ba nền tôn giáo lớn và lâu đời nhất ở phương Đông là Khổng giáo, Lão giáo và Phật giáo, chấn lọc tinh hoa Tam giáo, sử dụng chánh pháp bất biến qua mọi thời kỳ cứu độ của Đại Đạo để đưa con người trở về hiệp nhất cùng Thượng Đế theo một phương cách phù hợp với căn trí của chúng sanh thời đại ngày nay như lời dạy của Đức Quan Âm Bồ Tát:

*Hạ xuống mặt pháp, Đại Đạo hoàng dương, gồm Tam giáo vào một Lý duy nhất để phục hưng chánh pháp, cứu rỗi toàn linh trong cơn lộn xộn xa vời trên dòng bể khổ, lập lại đời Thượng ngàn Thánh đức cho trăm họ hòa bình, cần khôn an tịnh.<sup>15</sup>*

Người tín đồ Cao Đài mỗi ngày đọc bài Khai Kinh:

*Trong Tam giáo có lời khuyến dạy,  
Gốc bởi lòng làm phải làm lành.  
Trung Dung Khổng Thánh chỉ rành.  
Tứ bi Phật dạy: lòng thành lòng nhơn.  
Phép Tiên Đạo: tu chơn dưỡng tánh  
Một cội sanh ba nhánh in nhau.*

“Một cội sanh ba nhánh in nhau”. Đó là cội Đại Đạo của Thượng Đế sanh ra ba nhánh là ba tôn giáo: Nho – Thích – Lão; và chỗ “in nhau” là “làm phải làm lành”.

Làm lành là thực hiện đạo Công bình của Nho giáo. Làm phải là thực hiện tâm Bác ái của Lão giáo và đức Từ bi của Thích giáo.

Thực hiện tôn chỉ Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, người tín đồ Cao Đài vâng lời Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo:

*Khêu tỏ lý đồng nguyên và quy nguyên, khai sáng tâm linh, đưa con người lên tầm vóc Đại Đạo. Ngước mắt nhìn lên bầu trời to rộng, vượt ra đại dương trời nước bao la, chấp cánh bay bổng khắp 4 phương trời để phục vụ nhân loại, phụng*

15. Đức Quan Âm Bồ Tát, Huân Cung Đàn, 08-4 Ất Tỵ.



sự Thiên cơ, phụng sự Đại Đạo, làm theo lòng Trời Đất.<sup>16</sup>

Nhưng để phục vụ nhân loại, để phụng sự Thiên cơ, phụng sự Đại Đạo, làm theo lòng Trời Đất, người tín đồ Cao Đài phải là hình ảnh:

### Người quân tử của Nho giáo

“Người quân tử” là mẫu người tài đức vẹn toàn trong xã hội nhân sinh được giáo lý Khổng giáo xây dựng trên nền tảng Ngũ đức: nhân, nghĩa, lễ, trí, tín.

Nhân: lòng yêu thương con người và muôn vật.

Nghĩa: sự cư xử tốt lành, công bằng giữa người với người.

Lễ: các hình thức tạo nên tương quan tốt đẹp giữa con người với nhau.

Trí: sự hiểu biết sáng suốt để chọn điều tốt, tránh điều xấu, tìm điều phải, xa điều trái.

Tín: là giữ lời hứa để tạo niềm tin nơi mọi người, cũng là lòng chung thủy với đạo lý.

Người quân tử hành động theo đạo Dịch, tùy Thời mà thuận, theo Thời mà chống để giữ cái đạo Trung Dung, nên còn gọi là đạo Thời Trung, cũng gọi là đạo của người quân tử. Người quân tử biết thời mà hành động hợp đạo Trung Dung để bảo toàn chính mình và làm nên việc lớn.

Có thể nói, toàn bộ giáo lý Khổng giáo tập trung dẫn dắt con người đạt đến đích điểm

là trở nên người quân tử, con người đúng nghĩa trong mọi vai trò của mình trên cõi thế, thể hiện được vị thế “cùng với Trời đồng thể Linh quang”, đã được Đức Văn Tuyên giải thích:

*Quân tử là gì? Nghĩa là vua con, đúng theo nghĩa từ chữ, chẳng khác nào hai chữ thiên tử của nhà vua. Đến thời kỳ này thực hiện rõ rệt của tôn giáo, vì chính chư môn đồ nam nữ đây đều là Thiên tử, chớ không phải một vị Thiên tử như thời xưa. Thiên tử đây đồng nghĩa với Phật tử, Tiên tử, Thánh tử của Tam giáo đó vậy. Thánh Sư giải rõ chữ quân tử là tự mình làm vua lấy mình. Cũng như Đức Từ Phụ làm chủ trong đại vũ trụ này, thì mỗi chư hiền đồ cũng được là chủ cái tiểu vũ trụ, là xác thân của mỗi môn đồ. Nếu vị nào biết làm một vị minh quân cai trị được thân tâm có đủ quần thần bá quan văn võ, cùng lệ dân ở trong thể xác của môn đồ được rồi thì đối với việc gia đình xã hội quốc gia thiên hạ xử sự về đường chánh trị có khó chi.<sup>17</sup>*

Qua lời dạy này, người quân tử có một ý nghĩa vô cùng to lớn, đồng nghĩa với Thiên tử là nhà vua cai trị tiểu vũ trụ nhân thân chính mình. Để làm tròn vai trò này, con người cần phải cải tạo toàn diện bản thân mình bằng cách tu thân, mà muốn tu thân thì phải học. Học

là học đạo Thánh hiền để cầu nghĩa lý, biết phải trái mà sửa mình chứ không phải chỉ học để làm nghề sinh sống. Ngài dạy, muốn Nhân mà không muốn học thì bị cái che mờ là cái ngu; muốn Trí mà không muốn học thì bị cái che mờ là cái kiêu kỳ thái quá; muốn Tín mà không muốn học thì bị cái che mờ là hại nghĩa; muốn Trắc mà không muốn học thì bị cái che mờ là ngang ngạnh; muốn Dũng mà không muốn học thì bị cái che mờ là loạn; muốn Cương mà không muốn học thì bị cái che mờ là táo bạo, khinh suất.

Trong việc học để sửa mình tức tu thân, thì trước phải cố giữ cái tâm của mình cho ngay chính, cái ý của mình cho thành thực. Tâm đã chính, ý đã thành thì tự nhiên cái lương tri, lương năng của mình sáng suốt, xem xét điều gì cũng hiểu rõ chỗ sâu xa, dù ở trong hoàn cảnh nào cũng ứng xử hợp với đạo lý. Từ đó dẫn tới chữ Tín trong các mối quan hệ xã hội.

Thánh giáo Cao Đài cũng khẳng định tư cách của người quân tử:

*Quân tử là một người đức tài xuất chúng, phẩm hạnh nhân cách hoàn toàn, tánh tình cao thượng. Người quân tử bao giờ cũng ung dung thư thái, ưa làm sự phải điều hay, thuận thiên lý lưu hành, đem chơn đạo mà khuyên đời từng lương cải ác. Tấm lòng bao giờ cũng quang đại, vô vi thanh*

16. Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo,

17. Thánh Huấn Hiệp Tuyển, 1-3-1936, Tòa Thánh Châu Minh.

*tịnh, không phóng túng bên chôn mà dẫn lòng dục sai khiến uốn bẻ, đến phải bước lẫm vào nẻo quấy. Mỗi việc đều xét suy đáo để, tính trước lo xa, thương người ích chúng, ham nghĩa ưa nhân, chuộng trung mẫn chánh. Bao giờ cũng vẫn tùy thời quyền biến mà giữ cho được hai chữ Trung Dung, chớ không thái quá, không bất cập. Dầu gặp cảnh ngộ nào thì tâm chí cũng an vui không để thất tình loạn động, vì người quân tử là thực vô cầu bảo, cứ bất cầu an.*

### **Học trò Tiên của Lão giáo**

Người tín đồ Cao Đài còn phải khắc họa được chân dung của người học trò của Tiên gia. Đức Lão Tử dạy môn sanh phải tu dưỡng cái chơn tánh của mình cho được thuần chơn vì cái Tánh của con người do Trời ban vốn hồn nhiên, chơn như, thanh tịnh, không chút ô nhiễm mùi trần, nên phải giữ cho cứ trần bất nhiễm trần. Tu chơn là tu Tánh luyện Mạng hay tánh Mạng song tu. Trước khi luyện Mạng (luyện Kim đơn), hành giả phải luyện kỹ là sửa trau cái bản tánh của mình cho được tốt đẹp.

Người học trò Tiên biết giữ lòng khiêm tốn, vong kỷ tức quên mình để làm lợi cho người, luôn hòa nhập, cứ xử bình đẳng với mọi người. Sống đúng Đạo là sống tự nhiên, luôn ở mức quân bình, không thái quá, không bất cập, diệt lòng tham dục vì theo Đức Lão

Tử: “Cái họa lớn là ở chỗ chưa biết đủ” (“Họa mạc đại ư bất tri túc”) bởi vì “biết đủ là giàu.” (“Tri túc giả phú.”)

Để thực hiện vai trò của người học trò Tiên, người tín đồ Cao Đài phải biết cách phục hưng chánh lý “Lão tông”. Đó là thực hành đạo pháp tức công phu tịnh luyện, mà muốn tịnh luyện có kết quả thì trước hết phải lo luyện kỹ tức là chế ngự bản thân, làm chủ thất tình lục dục như tâm niệm của Lão giáo tự ngàn xưa: “Luyện kỹ tối nan, hoàn đan thậm dị.”

Đại Thừa Chơn Giáo dạy:

*Luyện kỹ là lập cái tâm cho dứt sự thương yêu triu mến, thê thiếp, tử tôn, cùng ham muốn mọi sự ở thế gian. Hễ tạo dựng như thế thời cái chơn tâm dứt rồi đạo tâm mới sanh. Người có chí thành, chí kính, tâm sư học Đạo, một lòng cung kính, chẳng vọng một bốn thủy nguyên, thiết hành Thiên Đạo sẽ đến bậc hườn hư. Hườn hư là yên tịnh thân tâm.*

Luyện kỹ rồi hoàn đan tức công phu “quy Tam bửu Ngũ hành” để đắc thành Tiên Phật. Đức Cao Đài đã chỉ rõ:

*Như con người lo lắng vọng tưởng điều này sự nọ thì lao Thần; còn ham muốn mơ mộng phú quý vinh hoa thì tản Khí; bằng say đắm mê sa trường tình dục hải thì tổn Tinh.*

*Hễ Tam bửu hao mòn thì khác chi ngọn đèn tàn, dầu hao tìm lụn, leo lét canh khuya, khi mờ, khi tỏ, tất nhiên một hồi*

*phải tắt ngay. Và như Tam bửu hư hoại thì tự nhiên Ngũ hành, Ngũ tạng cũng phải xiêu bẻ suy nhược theo nhau.*

Nguyên con người trong buổi thiếu thời, còn giữ tánh thiên nhiên thì đâu biết lo rầu buồn giận. Mãi đến lớn lên lần lần nhiễm lấy mùi trần, rồi ham giàu, ham sang, mới rấp ranh tru nghĩ kế nọ mưu kia, phương này chước khác, báo hại phải hại cái chơn Tâm (thuộc Hỏa).

Đến khi mưu kế định rồi, lại còn phấn đấu tranh đua để đạt sao cho kỳ được mục đích mới nghe, thì báo hại tới phải lao Can (thuộc Mộc).

Bây giờ mục đích đạt xong, đã sang, đã giàu thì lại đâm ra muốn vui xác thịt, nên bề dục sống tình tha hồ đắm đuối ngày đêm, báo hại thêm ra hao Thận (thuộc Thủy).

Đã vui sắc dục thì phải khoái ngọt bùi, nên lại kiếm tẩm hải vị sơn trân, sát mạng thượng cầm hạ thú để làm cho khoái đã sự thềm ngon của miệng lưỡi, mà lắm khi chất độc món khác cũng chẳng hề từ, thành ra bệnh tòng khẩu nhập mà báo hại cho phải hao Tỳ (thuộc Thổ).

Lại khi ăn uống no say ngon khoái rồi thì bị những vật thực bằng huyết nhục kia nó phát sanh ra tánh người táo bạo, hung hăng, ganh gố, độc ác và háo thắng, tự phụ, máu nóng ham sân mà báo hại hao thêm cho phế (thuộc Kim).

Đó là Ngũ hành đã suy mà Ngũ tạng đã nhược.

*Vậy nên người tu phải không ham giàu, không ham sang, không ham dục, không không, không hết ráo, thế mới thành công.*

### **Đệ tử của Phật gia**

Người tín đồ Cao Đài không chỉ là người quân tử của Khổng giáo, người học trò Tiên của Lão giáo, mà còn là Đệ tử của Đức Phật với lòng yêu thương thành thật, lòng nhân ái bao dung mở rộng đến toàn thể chúng sanh để ban vui cứu khổ.

Phật dạy phải mở tứ vô lượng tâm là 4 cái tâm rộng rãi không phân biệt thượng hạ, giai cấp, giàu nghèo, thương ghét, thân thù là tâm Từ, tâm Bi, tâm Hỷ và tâm Xả đối với chúng sanh, tức là tất cả các loài có sự sống, trong đó có cả loài cây cỏ.

Người tu theo Phật phải hiểu Bát chánh đạo là tám đoạn đường ngay thẳng đưa đến Niết bàn. Tám đoạn đường đó là Chánh kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, và Chánh định.

Chánh kiến là nhận định đúng đắn dẫn chân chánh. Muốn có nhận định đúng đắn trước hết phải học kinh tức lời Phật, Tổ dạy thấm nhuần giáo pháp chân chánh, từ đó nhận định mới đúng, tư duy mới đúng. Nhờ có chánh kiến nên mới có Chánh tư duy. Suy nghĩ đúng rồi, nói năng đúng với chánh pháp của Phật dạy đó là

Chánh ngữ. Hành động đúng như chánh pháp là Chánh nghiệp. Sống cuộc đời an lành giải thoát không bị các nghiệp ác trói buộc là Chánh mạng. Từ Chánh mạng cố gắng tinh tấn tiến lên là Chánh tinh tấn. Từ Chánh tinh tấn, chuyên tâm niệm các pháp là Chánh niệm. Có Chánh niệm mới đi tới Chánh định. Trong chánh định, định cuối cùng là Diệt tận định. Được Diệt tận định, cũng gọi là Diệt thọ tưởng định, tức giải thoát sanh tử chứng Niết bàn.

Người đệ tử của Phật còn lấy Lục độ làm căn bản. Lục độ tức sáu điều giải thoát: Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí tuệ. Sáu điều này có công năng chuyển đổi xấu thành hay tốt nên gọi là Lục độ. Vì vậy dùng Lục độ để độ Lục tặc. Lục tặc tức là sáu điều xấu: Xan tham, Phá giới, Sân nhuế, Giải đãi, Tán loạn, Ngủ si.

- Tâm bố thí độ xan tham, phát nguồn từ lòng từ bi. Tu hạnh bố thí, để tiêu diệt lòng tham lam.
- Trì giới độ phá giới. Nghĩa là giữ giới, là để khuôn mình trong vòng đạo đức.
- Nhẫn nhục độ sân nhuế tức để trị bệnh nóng giận.
- Tinh tấn độ giải đãi để diệt trừ bệnh lười biếng, giải đãi. Tinh tấn là gốc để tu hành đạt được Đạo.
- Thiền định độ tán loạn, đặt tâm vô niệm tức dẹp hết loạn tưởng, không nghĩ thiện, không





ngĩ ác, tức tâm không còn sanh diệt để cái chân thật bất sanh bất diệt hiện tiền. Đó là Phật tánh, Chân tâm.

- Trí tuệ độ ngu si. Muốn hết luân hồi sanh tử phải có trí tuệ. Bởi chỉ có trí tuệ mới phá tan mê lầm, không mê lầm thì không còn đi trong sanh tử nữa.

Cuối cùng, để trở thành người đệ tử thuần thành của Phật, người tín đồ Cao Đài lắng nghe lời Phật dạy trong Tam Kỳ Phổ Độ để diệt trừ chấp ngã là cội nguồn của Tham sân si, dẫn đến biệt phân rẽ chia, độc tôn, ngã mạn hầu thoát khỏi chiếc vỏ tôn giáo, bước lên tầm vóc Đại Đạo:

*Bốn Sư ban ân lành tất cả.*

*Bốn Sư nhắc những lời vàng đá,*

*Thiên thượng, thiên hạ, duy ngã độc tôn.*

*Ngã là mầm móng căn bản của sự mê hôn,*

*Tham, sân, si, chấp tướng độc tôn hữu sắc.*

*Chư thiện tín phải hiểu tường mạch lạc,*

*Vượt ra ngoài khuôn khổ vị tông,*

*Đặt mình lên cơ hội đại đồng,*

*Tâm chánh pháp, đi đến ngày Hoa Long Đại Hội.<sup>18</sup>*

### Thế Thiên hành hóa trong Tam Kỳ Phổ Độ

Nếu đã thực hành theo đúng chơn truyền giáo lý Tam giáo, người tín đồ Cao Đài đã thực hiện được tôn chỉ quy nguyên Tam giáo để đạt đến tầm vóc con người Đại Đạo với đầy đủ công năng thế Thiên hành hóa như lời của Đức Di Lạc Thiên Tôn mô tả:

*Con người biết tìm cửa đạo, nên phân biệt lẽ chánh diệu tà. Tâm trung thường trụ điều khiển bản thân, chuyển thất tình thành thất bửu, chuyển lục dục ra lục thông. Lúc bấy giờ nhân quan nhìn vạn vật như tay chơn đầu cổ thân xác của mình. Từ đó phát khởi Tình thương Vô Cực, nảy sanh lòng mến yêu, chăm sóc, dưỡng dục tất cả mọi người. Tình thương phát khởi tại tâm trung sẽ thể hiện lên gương*

*mặt, tướng đứng, hình ngồi, đi, nằm, đều lộ vẻ khả ái, đức độ từ bi. Từ đó sẽ hiện lên một nhị xác thân để bảo tồn nhục thể. Vì vậy nên người tu hành đúng mức độ, đúng lý đạo Đất Trời, dầu ở trong biển lửa không thấy nóng, ở chót Hy Mã Lạp Sơn không thấy lạnh, ở trong khám đường thế tục không thấy gò bó, ở trong thời đao binh khói lửa không nghe tiếng động khí cụ chiến tranh, không còn cảm thấy sự khổ, ma không bắt, thú không ăn, kẻ hung ác không nỡ giết hại.*

*Con người được đến mức độ đó thì còn cầu mong gì lên chốn thiên đường cực lạc vô tận xa xăm, mà chỉ ở thế gian này cũng đã tại hưởng đầy đủ các điều kiện đó rồi. Một ưu điểm hơn nữa là được gần gũi cùng chúng sanh để có nhiều dịp thể Thiên hành hóa, để được công dày đức trội, hầu vượt lên phẩm vị Phật Tiên.<sup>19</sup>*

### KẾT LUẬN

Tóm lại, vị thế, đặc điểm và vai trò của người tín đồ Cao Đài trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ đã được Đức Thượng Đế Chí Tôn xác nhận:

*Con là một Thiên Liêng tại thế,*

*Cùng với Thầy đồng thể Linh quang;*

*Khóa chìa con đã sẵn sàng,*

*Khi vào cõi tục, khi sang Thiên đình.*

Và con thuyền cứu độ Kỳ Ba của Đức Cao Đài đang được Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo cập bến đợi chờ cho người khách trần ai áo trắng quay bước, lên thuyền trở lại quê xưa:

*Ai qua bến giác đến thiên đàng,*

*Sẵn có thuyền Ta kíp quá giang;*

*Nghiệp chướng oan khiên tua để lại,*

*Gươm linh đuốc tuệ khá cầm sang.*

*Rửa lòng cây có dòng thanh thủy,*

*Thoát xác nhờ nơi ánh đạo vàng;*

*Của tạm ta hoàn cho cõi tạm,*

*Không không về hiệp khối linh quang.<sup>20</sup>■*

18. Thích Ca Như Lai, Trúc Lâm Thiền Điện. 06-01 Ất Tỵ.

19. Đức Di Lạc Thiên Tôn, Trúc Lâm Thiền Điện, Ngô thời Mừng 2 tháng Giêng Bính Ngọ.

20. Đức Giáo Tông Đại Đạo, Ngọc Minh Đài, Tuất thời Rằm tháng 4 Bính Ngọ.



# Học tu theo tấm gương và lời dạy của Đức Quán Thế Âm Bồ Tát

## ■ HUỆ Ý

Nhân sinh thành Phật dễ đâu  
Tu hành có khổ rồi sau mới thành.

Hai câu thơ trong thi truyện về cuộc đời của Đức Quán Thế Âm Bồ Tát vừa mở đầu cũng vừa mang ý nghĩa của một kết luận. Có gì đặc biệt trong cuộc đời của Đức Quán Thế Âm?

Chúng ta biết về Đức Quán Thế Âm trong Nhất Kỳ và Nhị Kỳ Phổ Độ là nhờ lời Đức Thích Ca Mâu Ni dạy trong Diệu Pháp Liên Hoa Kinh.<sup>1</sup> Quá trình tu học của mỗi người, trước phải tự cứu rồi mới độ tha.

Phẩm 24: ĐỨC DIỆU ÂM BỒ TÁT, mỗi người nghe được tiếng nói

1. Thích Phước Nhơn, Pháp Hoa Yếu Giải, Phổ Quang, 1995.

vô thình của chính mình. Đó là minh tâm kiến tánh. Rồi đến phẩm 25: ĐỨC QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT, nghe tiếng kêu than của chúng sanh để cứu độ.

Trong kho tàng văn chương đạo đức Việt Nam, tổ tiên ta có tác phẩm Quan Âm Thị Kính truyện.

## CẢN NGÔN, CẢN HẠNH

Đời là một trường tiến hoá. Mỗi người phải trải qua nhiều kiếp<sup>2</sup>

2. Đức Mẹ dạy:  
“Trải lịch kiếp nghiệp còn triu triu,  
Kỳ xá ân nường nữu trì tu,  
Huyền môn giải phá trần tù,  
Phất trần quét sạch ngút mù từ lâu.”  
(Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 01-12  
Bính Thìn, 19-01-1977).



tu hành gian khổ, lúc thì nam,<sup>3</sup> lúc thì nữ để học đủ những bài học về kiếp người. Trong đó điều quan trọng là từ lúc khởi tâm tu cho đến khi thành đạo quả phải thời thời “cẩn hạnh, cẩn ngôn.”<sup>4</sup>

Theo sự tích Thị Kính, Đức Quán Thế Âm đã tu chín kiếp dưới thân phận nam nhân, đạo quả gần trọn xong.

*Tu trong chín kiếp hầu qua,*

*Bụi trần giữ sạch, thói tà rửa không.<sup>5</sup> (\*)*

Người xưa nói: “Dùng lửa để thử vàng, dùng vàng thử đàn bà, dùng đàn bà thử đàn ông.” Đức Thích Ca Mâu Ni đến chấm điểm, nêu ra đề thi cuối cùng, bằng cách hiện thân một nữ nhi hiện thực thể nguyên kết nghĩa.

*Đức Mâu Ni xuống thử lòng,*

*Hiện ra một ả tư dong<sup>6</sup> mỹ miều. (\*)*

Đức Quán Thế Âm luôn thị chi bất kiến, thính chi bất văn. Nhưng một sát na sơ sẩy, không làm chủ được tâm nên lỡ lời:

*Có chẳng kiếp khác họa là,*

*Kiếp này sợi chỉ trót đà buộc tay. (\*)*

(Kiếp này đã tu để tu cho trọn, có chẳng kiếp sau gặp nhau) Cho nên vương phải lỗi lầm:

*Chủ được tâm thì vào cõi Thánh,*

*Rong theo tình ấm lạnh chát chua.<sup>7</sup>*

Khẩu nghiệp ấy khiến Ngài phải tái kiếp thêm một lần nữa:

*Chờ cho kiếp nữa đủ mười,*

*Thử cho đầy đọa suốt đời xem sao. (\*)*

Vậy thì trên đường tu:

- Tự mình khảo mình
- Chủ nợ cũ đến khảo mình
- Và các Đấng Chơn sư cũng thi chúng ta.

## SỰ KHÓ KHĂN CỦA NỮ PHÁI TRÊN

3. Từ Hàng Đại Sĩ là danh xưng của Đức Quán Thế Âm khi hoá thân nam phái.

4. Đức Mẹ dạy: “tác phong đạo hạnh là đệ nhất pháp môn của người tu”.

5. Những câu có (\*) trích trong Quan Âm Thị Kính truyện.

6. Dong = dung.

7. Đức Bát Nhã Thiển Sư.

## ĐƯỜNG TU

Có một quy luật của Nhị Kỳ Phổ Độ rất ngặt nghèo là: “Nữ phái muốn tu hành rất khó khăn về mặt điều kiện!” Ngày xưa Di Mẫu của Đức Thích Ca, bà Ma Ha Ba Xà Ba Đề tìm đến xin xuất gia nhiều lần mà Đức Phật không cho. Ông Ananda đi khát thực về thấy bà đứng khóc ở cạnh tịnh xá, liền vào bạch Phật để xin giùm. Đức Phật cũng không chịu. Ngài Ananda kiên trì đứng riết, xin chừng nào được mới thôi.

Người nữ tu Ki-tô giáo cũng không được trao chức thánh và hành các bí tích.

Hạnh phúc gia đình trần gian là vô thường, hầu như là một ảo ảnh. Trai gái lớn lên, cha mẹ dựng vợ gả chồng, chẳng khác nào cha mẹ cho tờ giấy số để rồi nhiều lúc cha mẹ thì buồn, con cái thì khổ đau. Bởi vì biết bao người mất tiền mua vé số mà mấy ai trúng được độc đắc, ngay cả vé an ủi cũng không được.

Truyện Quan Âm Thị Kính tiêu biểu hình ảnh rất đời thường xưa nay. Sang kiếp thứ mười, Đức Quan Âm tái kiếp thành một nữ nhi, với tên Kính:

*Đặt cho Thị Kính tên nàng,*

*Đậm nhuần sắc nước dịu dàng vẻ hoa. (\*)*

Lớn lên, gia đình Thị Kính quen với nhà họ Sùng, gả nàng cho chàng Thiện Sĩ, đám cưới trân trọng.

*Ở trong quận có họ Sùng,*

*Sẵn khuôn y bát vốn dòng cân đai.*

*Sinh chàng Thiện Sĩ là trai,*

*Qua vòng tổng giác, mới ngoài gia quan. (\*)*

Không ngờ, một hôm Thị Kính đang may vá, thấy chồng có một sợi râu không tốt, định lấy kéo cắt thì Thiện Sĩ tỉnh giấc, thấy thế kêu rằng “vợ định giết mình”. Thị Kính trần tình nhưng gia đình chồng không ai tin, và trả nàng về lại cha mẹ ruột.

Ôm nỗi oan tình, nàng Thị Kính ngậm ngùi nói với chàng Thiện Sĩ:

*Vì đâu phút hợp, phút ly,*

*Kiếp này đã lỡ, chắc gì kiếp sau. (\*)*

Giữa lúc phiến não bởi cảnh vô thường tan  
hợp nàng Thị Kính nghe vọng lại tiếng chuông.

*Văn chung thỉnh, phiền não khinh,*

*Trí huệ trưởng, bỏ để sinh,*

*Ly địa ngục, xuất hỏa khanh,*

*Nguyên thành Phật, độ chúng sinh.*

Nàng quyết tâm chọn con đường giải thoát:

*Kìa bào kìa ảnh phút qua,*

*Kìa sương, kìa chớp, kìa là chiêm bao.*

*Lấy ai làm nhục làm vinh,*

*Trăm năm là nắm cỏ xanh rì rì.*

*Sao bằng vui thú liên trì,*

*Dứt không tứ tướng<sup>8</sup> sá gì nhị biên.<sup>9</sup> (\*)*

Nàng Thị Kính phải cải nam trang đến chùa  
xin xuất gia, sư phụ đặt pháp danh là Kính Tâm:

*Tiểu đã mến đạo đến đây,*

*Kính Tâm tên đặt từ nay gọi thường. (\*)*

Kính Tâm vào chùa tu cũng không yên, khảo  
thí vẫn đeo đuổi. Bởi vì:

*Đã lỏng ba tấm cà sa,*

*Nhưng người Tiên vẫn trông ra khác phàm,*

*Dập dìu trước chốn thiền am,*

*Kẻ hoài xuân những muốn làm ni cô. (\*)*

Dung mạo đẹp đẽ của chú tiểu Kính Tâm đã  
làm động lòng nhiều nữ tín chủ. Trong số đó  
có Thị Mầu, con một phú ông giàu có là lý lợm,  
lẳng lơ nhất:

*Trong làng có một phú ông,*

*Gia tư độ với Thạch Sùng kém dàu.*

*Tiểu thư ở chốn hồng lâu,*

*Tuổi vừa đôi tám Thị Mầu là tên. (\*)*

Không quyến rũ được Kính Tâm, Thị Mầu

phạm giới, có thai với một chàng trai ngoài chợ.  
Khi bị làng đòi lên hỏi tội, Thị Mầu vu cho Kính  
Tâm để trút mối hận lòng.

## HẠNH NHẪN NHỤC

Đi tu trước hết phải có niềm tin, đức tin dưng  
mãnh vào lời phó chúc của Đức Mẫu Ni: “Ta là  
Phật đã thành, chúng sanh là Phật đang thành”,  
bởi vì: “Nhất thiết chúng sanh giai hữu Phật  
tính” (Chúng sanh ai cũng có sẵn Phật tánh),  
để mà phát triển cái “đang thành” cho trở nên  
viên mãn.

Kế tiếp phải phát nguyện tu để cứu chúng sanh  
chứ không phải độc thiện kỳ thân. Một trong 12  
lời đại nguyện của Ngài phát sinh từ danh xưng  
QUÁN THẾ ÂM: NHƯ CÓ CHÚNG SANH NÀO ĐAU KHỔ  
KÊU CỨU ĐẾN NGÀI, NGÀI NGHE ĐƯỢC MÀ KHÔNG CỨU  
THÌ NGÀI NGUYỆN KHÔNG THÀNH PHẬT.<sup>10</sup>

Hạnh là cái tâm bên trong của người tu phát  
ra cái tướng bên ngoài. Hạnh là hương của hoa,  
nếu hoa không có hương đó là hoa giấy, hoa vải,  
hoa cao su, hoa giả.

Trong nghịch cảnh, Ngài Kính Tâm trì hành  
Lục độ Ba La Mật: “Bố thí, trì giới, nhẫn nhục,  
tinh tấn, thiền định, trí huệ.”

## HẠNH KIÊN NHẪN

*Chữ nhẫn là chữ tương vàng,*

*Ai mà nhẫn đựng thì càng chí cao.*

Nhẫn là chịu đựng nỗi đau đớn về thể xác  
cũng như tâm hồn. Chiết tự chữ nhẫn: cây đao  
đâm vào trái tim. Muốn thực hành được nhẫn  
nhục: Người tu phải có đại chí, quyết tâm dùng  
thời gian, tâm huyết vào việc chính, còn những  
việc khác “thị chi bất kiến, thính chi bất văn”  
(thấy mà không thấy, nghe mà không nghe).

*Chữ rằng nhẫn nhục nhiệm hòa,*

*Nhẫn điều khó nhẫn mới là chân tu.*

*Lọc vàng nào quân công phu,*

*Mắt nhìn trên vách, mấy thu đã chày. (\*)*

8. Tứ tướng: nhơn tướng, ngã tướng, chúng sanh tướng,  
thọ giả tướng. Ngài Khương Thái Công được sư phụ cho  
con Tú Bất Tướng mới hoàn thành được nhiệm vụ.

9. Sang Tam Kỳ Phổ Độ, người nữ tu không còn bị ruồng  
rẫy mà được ban trao pháp môn tu học và sứ mạng tận độ.  
Đức Quán Thế Âm Bồ Tát dạy: “Chư hiền muội nữ phái  
có một đức tánh nhu thuận thừa thiên để trưởng dưỡng  
bảo tồn vạn vật, do đó mà Đức Vô Cực Từ Tôn mới đến  
thế gian để nhìn nhận các con trong thời kỳ mạt kiếp và  
Thượng Đế cũng cất nhắc nữ phái lên hàng giáo phẩm  
thiên phong để dễ bề tu niệm cho kịp với nam nhân.  
Nữ phái cũng có nhiều đức tính quý giá, nên từ xưa đã có  
nhiều hàng nữ lưu chứng quả Phật Tiên.”

10. Đây cùng một nội dung của điều thứ nhất trong 4 lời  
hoằng thệ “Chúng sanh vô viên thệ nguyện độ”.

Ngài Kính Tâm tu hành Lục độ Ba La Mật: trong đó cái chính là hạnh Nhẫn nhục.

Muốn hành được hạnh nhẫn nhục phải hàm dưỡng, phải “công phu”. Khi bị nạn Thị Mầu, Ngài Kính Tâm đã tu tập đến giai đoạn Diện bích – Công phu thâm hậu tập trung ở giai đoạn cuối cùng. Đức Vạn Hạnh Thiền Sư cũng đã dạy:

*Cảnh trong tâm, tâm nào có cảnh,  
Tâm không thì mọi cảnh chơn không. (...)  
Trong không lại có muôn vòng pháp luân.<sup>11</sup>*

Trong Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Quán Thế Âm dạy về hạnh Nhẫn nhục.

*Nhẫn nhục không phải là một điều hèn yếu, thua sút đâu chứ hiền đệ muội. Chính những lúc chế ngự giận lòng, những lúc đè nén sự giận dữ phiền muộn là những lúc sức mạnh vạn năng của tâm hồn được khơi dậy lấy lòng. Có nhiều lần chiến thắng nội tâm lòng lấy mà không hay biết, như vậy mới tạo cho mình một hào quang đạo hạnh xán lạn vô cùng. Bởi người tu theo đạo khác với người đời tự do phóng túng để thị dục cuốn lôi, chớ người đời kẻ đạo ai cũng như ai, ngoài thân phàm xác thịt có chi là khác. Khác với người, cao cả hơn người là ở chỗ làm cho lòng mình được yên ổn, được mãn tuệ, được rộng rãi như đại dương, như không gian vũ trụ vô cùng, mà người thế thường không ai làm nổi.<sup>12</sup>*

*Nhẫn nhục chính là công phu thuần dưỡng.  
Có một lẽ từ bi nhẫn nại,  
Thánh Thần Tiên đều phải chịu chung,  
Nếu không kiên chí vậy vùng,  
Dây oan trói buộc lâm chung muộn màng!<sup>13</sup>*

## ĐỨC THÍCH CA CÔNG BỐ THÁNH SẮC

Trong hương khói của lễ trà tì, Đức Thế Tôn phóng quang từ mây lành và truyền ban đạo quả cho tiểu Kính Tâm.

11. Trúc Lâm Thánh Đức Thiền điện, 07-3 Giáp Dần (30-3-1974).

12. Nam Thành Thánh thất, 14-10 Canh Tuất (12-11-1970).

13. Nam Thành Thánh thất, 14-10 Canh Tuất (12-11-1970).

*Giữa trời kết đóa tường vân,  
Đức Thế Tôn hiện toàn thân xuống đàn.  
Ào ào dạng bóng tường loan,  
Tràng phan bảo cái giao quan âm thâm.  
Truyền rằng này tiểu Kính Tâm,  
Phi thăng làm Phật Quán Âm tức thì.  
Lại thương đến đứa si nhi,  
Bên tay cho đứng liền khi bấy giờ.  
Kìa như Thiện Sĩ lơ đờ,  
Cho làm chim vẹt đứng nhờ một bên. (\*)*

Nhút nhọn hành đạo cứu huyên thăng, công đức tu hành của Đức Quán Thế Âm được Đức Thích Ca độ siêu rồi luôn cả cha mẹ:

*Độ cho hai khóm xuân huyền,  
Ra tay cầm quyết bước lên trên toà.  
Siêu thăng thoát cả một nhà,  
Từ đây phúc đẳng hăng sa vô cùng.  
Lên miền Cực Lạc hội đồng,  
Mọi người khi ấy đều trông rành rành.  
Thực là lành lại gặp lành,  
Nam mô Di Phật tu hành thời coi. (\*)*

Ngày nay Đức Quán Thế Âm dạy về cuộc đời đi tu:

*Những gì may rủi, vui buồn, tốt xấu, dễ khó ở kiếp hiện tại không những chỉ do nơi những quả lành của kiếp hiện tại gây dựng được mà thôi, những nợ nần vay mượn trong kiếp quá khứ vẫn còn cộng thêm. Người tu hành lòng mong giải thoát ở kiếp lai sinh thì ngay từ kiếp hiện tại phải kiện toàn mọi mặt để thanh toán nợ cũ và đừng vay mượn nợ mới và phải gây dựng một số vốn liếng sự nghiệp cho kiếp lai sinh.*

Thường thường trong hàng tu thân hành đạo hay gặp những trở ngại trên bước đường tu thân lập quả như: khảo đảo về phần thể xác, gia đình hoạn nạn, họa gởi tai bay, phu thê tử tôn đau ốm, lâm cảnh túng thiếu cơ hàn, nợ nần đòi hỏi thúc giục, đương trai giới hạnh đường lại vương mang bệnh hoạn có thể chẳng thấu dụng được trai giới, đến lương y bác sĩ đặt điều kiện âm thực theo khoa học hiện đại trái với luật giới trường trai, v.v. Đó là những chướng ngại xảy đến làm ngăn trở bước đường tiến hóa cho đời người giữ đạo.



*Tuy nhiên, không phải tất cả người nào trong giới tu hành cũng đều gặp việc không may như vậy. Sự may sự rủi ở đây là do người đời đặt tên theo sự nhận xét của mình. Phải nói cho đúng, những sự kiện xảy đến như vậy đều do tiền khiên còn đọng lại.<sup>14</sup>*

## SỰ CỨU ĐỘ CỦA ĐỨC QUÁN THẾ ÂM

Muốn cứu mình trước phải cứu người: trong kinh Cứu Khổ, Đức Quán Thế Âm dạy: “Sử nhơn vô ác tâm, linh nhơn thân đắc độ” đối với mọi người chúng ta phải dụng tâm thiện, phải siêng năng kiên trì tu tâm sửa tánh bằng cách tụng đọc kinh kệ thường xuyên để thuần tâm hướng về đường đạo đức, Đức Quán Thế Âm mới cứu độ được. Trong kinh Cứu Khổ, Đức Quán Thế Âm dạy: “Nhược hữu nhơn tụng đắc nhứt thiên biến, nhứt thân ly khổ nạn.” (Người nào tụng được một ngàn biến Kinh Cứu Khổ thì tự thân xa lìa được tai ách.) Muốn cứu độ được cả gia đình thì phải cố gắng 10 lần hơn: “Nhược hữu nhơn tụng đắc nhứt vạn biến hiệp gia ly khổ nạn.” (Người nào tụng được một vạn lần thì toàn gia đình được thoát qua tai nạn.)

## LỜI DẠY CỦA ĐỨC QUÁN THẾ ÂM

Hạnh nguyện của Đức Quán Thế Âm Bồ Tát là:

*Trần gian vạn khổ còn kia,  
Lòng người Bồ Tát đâu lìa chúng sanh.*

Đức Bồ Tát dạy:

*Chư hiền đệ, hiền muội*

*– phải hiểu con đường của mình đang đi phải đi về đâu,*

*– đi đến chỗ nào duy nhất, rồi sẽ định việc làm.*

*– Trước khi làm phải hiểu việc làm thế nào cho hợp tình hợp lý, có nghĩa, có nhân.*

*– Được như vậy mới dám hy sinh mọi mặt, mới có can đảm để vượt qua mọi chướng ngại.<sup>15</sup>*

Qua lời dạy này, Đức Bồ Tát muốn chúng ta

phải biết Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ đưa chúng ta đi đến đâu, bằng cách nào để đi được tới nơi, bắt đầu đi từ đâu? Mục đích, tôn chỉ, lập trường của Đại Đạo là giải đáp cho 3 vấn đề trên.

## MỤC ĐÍCH

Cốt tủy lời dạy của Đức Quán Thế Âm Bồ Tát nhằm giúp chúng ta thực hiện được hai mục đích của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là: Thế Đạo Đại Đồng và Thiên Đạo Giải Thoát.

Đức Bồ Tát dạy:

*Nhìn lên chơn lý Đại đồng,*

*Thực hành cho đúng mới không tội tình.*

*Đại đồng bao quát thịnh thịnh,*

*Chơn lý lẽ thiệt trung minh Đạo Trời.<sup>16</sup>*

Xây dựng thế gian thành cõi thái hòa an lạc, và một ngày kia siêu xuất thế gian ra khỏi luân hồi lực đạo là hai diệu dụng không tách rời nhau của chữ “Tu”.

Về siêu xuất thế gian Đức Bồ Tát dạy:

*Tâm người là một Cao Đài,*

*Là Tiểu Thiên Địa, tam tài chí linh.*

*Xét trong hữu tướng vô hình,*

*Phải biết thể dụng cho tinh mới thành.*

*Dụng hình tạm kiếp lương sanh,*

*Luyện rèn kim thể thoát mãnh trần la.<sup>17</sup>*

## TÔN CHỈ

Muốn thực hiện được hai mục đích cao quý trên, người môn đệ Đức Cao Đài được ban cho tôn chỉ “tam giáo quy nguyên, ngũ chi phục nhứt.”

Tam giáo là Nho, Thích, Đạo. ngũ chi là: Nhơn đạo, Thần đạo, Thánh đạo, Tiên đạo, Phật đạo.

Đây không có ý nghĩa là muốn gom các đạo giáo vào một để chưởng quản như sự ngộ nhận của nhiều người.

Người tín đồ Cao Đài được dạy: muốn cho từ cá nhân cho đến xã hội: gia đình, quốc gia, nhân loại được ổn định, phát triển thì phải thực hiện kết hợp được tinh hoa của Tam giáo là:

14. Minh Lý Thánh Hội, 17–3 Kỷ Dậu (03–5–1969).

15. Liên Hoa Cửu Cung, 03–01 Ất Tỵ (04–02–1965).

16. Vạn Quốc Tự, 01–10 Ất Tỵ (24–10–1965).

17. Minh Lý Thánh Hội, 03–9 Giáp Dần (17–10–1974).

- Nho: đạo trị thế là Nhơn đạo, Thần đạo, Thánh đạo (người hòa hợp với mọi người)
- Lão: đạo trị thân là Tiên đạo (người hòa hợp với thiên nhiên và bản thân)
- Thích: đạo trị tâm là Phật đạo (người hòa hợp với chính mình)

Ba phần này hòa quyện không thể tách rời.

Đồng thời thực hiện được sự hiệp nhất Ngũ chi Đại Đạo:

- Nhơn đạo tập trung vào CƯƠNG THƯỜNG
- Thần đạo ở hai chữ TRUNG CHÍNH.
- Thánh đạo ở hai chữ CÔNG BÌNH.
- Tiên đạo ở hai chữ BÁC ÁI.
- Phật đạo ở hai chữ TỪ BI.

Đức Quan Thế Âm dạy:

*Chư hiền muốn thành Phật ư? Muốn thành Tiên, Thánh, Thần ư? Được, tốt lắm.*

*Chính trong thâm tâm chư hiền, mỗi người đều có, tạm gọi là vốn liếng, để thành Phật, Tiên, Thánh, Thần. Miễn chư hiền biết trọn lòng, tư tưởng đến việc làm cùng lời nói. Loại nào của các bậc Phật, Tiên, Thánh, Thần, nên nuôi dưỡng mà tiến hành. Còn những tư tưởng, hành động,*

*lời nói nào của ma quỷ, phải chừa ngăn. Có như vậy, mới sớm toại nguyện.*

*Thử đặt câu hỏi: Nếu mình làm đúng, nói đúng, trong lúc đó có người nói ngược lại, mình có bức tức, giận chằng? Nếu có, tức là không được Phật Tánh.*

*Nếu khi gặp cơn đói lạnh, mình chỉ còn một chén cơm cho cả gia đình, trong lúc đó gặp người hàng xóm xin chia bớt một phần, mình có chia chằng? Nếu không, tức là thiếu lòng bác ái, chằng được thành Tiên.*

*Nếu khi cơn ghiền rượu đang hoành hành, ở nhà còn sót một vò rượu ngon, hỏi mình có tự nhẫn kiên, không dùng rượu, để sáng suốt tinh thần, tiếp diễn hành pháp chằng? Nếu không nhẫn được là không thành Thánh.*

*Nếu cần một món tiền chia hai, bên ba phần, bên năm phần, cho thân nhơn với một người láng giềng, có ưng lòng chia phần nhiều cho người hàng xóm chằng? Nếu không thì chằng được thành Thần.*

*Những sự kiện nghe qua rất tầm thường, nhưng xét lại thật là khó hành. Mà hễ khó hành thì không thành. Muốn thành, phải kiên nhẫn, hy sinh, đức độ. Nếu ngược lại, bắt cá hai tay, làm sao đắc quả, vì câu:*

*Thiên đàng thì cũng muốn lên,*

*Tiểu vì sự nghiệp một bên còn nhiều.<sup>18</sup>*

### **“Nhơn đạo” tức “đạo làm người”**

Để giải quyết các vấn đề của con người, các nền triết học Đông Tây kim cổ đều dựa trên hai thành tố: sinh học và đạo đức, tức là giá trị của con người.

Idogène giữa trưa cầm đèn đi vô chợ, hỏi ông đi tìm chi? Ông nói: đi tìm một con người.

Đức Quán Thế Âm Bồ Tát dạy:

*Khuyên người hiểu trí tri đạo lý,*

*Đạo làm người chung thỉ nhờ thân,*

*(...)*

*Khi ở chốn gia đình cư xử,*



18. Hườn Cung Đàn, 15-5 Ất Tỵ (14-6-1965).

Đạo làm cha phụ tử tình thâm,  
Cha không tưu sắc sai lầm,  
Bạc bài đàng điểm là mầm hư thân.  
(...)  
Đạo làm người tròn vuông sau trước,  
Đó là khuôn là thước giữ mình,  
Làm người cho trọn nghĩa tình,  
Phật, Tiên, Thần, Thánh muốn thành khó chi.<sup>19</sup>

### **“Thần đạo” tập trung vào hai chữ “trung chính”**

Đức Quan Thế Âm Bồ Tát dạy:

Phật Tiên Thánh nhiều kỳ giáng thế,  
Cũng khuyên đời tín, lễ, nghĩa, nhân,  
Hiếu trung, phụ tử, quốc dân,  
Phu thê, bằng hữu, bản thân rắng hành.<sup>20</sup>  
Làm dân cho đáng nên dân,  
Làm quan cho đáng tinh thần làm quan.<sup>21</sup>  
Chữ “trung” được hiểu:  
Trung với nước: không đời, ý đối,  
Trung cùng người, chẳng dối, chẳng ngoa,  
Trung trinh liệt nữ quân thoa,  
Trung ngôn thường xử vậy mà cho phân.

### **“Thánh đạo” tập trung vào hai chữ “công bình”**

Đức Khổng Tử dạy: “Kỷ sở bất dục, vật thi ư nhân”  
(Điều gì mình không muốn người khác làm cho  
mình thì mình đừng làm cho người khác).

Đức Ki-Tô cũng dạy một ý: “Điều gì anh em  
muốn người khác làm cho anh em, anh em hãy  
làm cho người khác.”

Đức Khổng Thánh dạy:  
Ai chẳng biết vô tư là quý,  
Ai chẳng tường ích kỷ là sai,  
Ngặt vì tước lộc tiền tài,  
Nhiễm mê hồn tục mắt tai ù lòa.  
Rối đầu thấy người ta đồng thể,  
Nên công bình riêng để một bên,

19. Huân Cung Đàn, 29-5 Ất Tỵ (28-6-1965).

20. Huân Cung Đàn, 29-5 Ất Tỵ (28-6-1965).

21. Huân Cung Đàn, 29-5 Ất Tỵ (28-6-1965).

Lợi mình giả ngộ làm quên,  
Kém thua chẳng chịu nói lên bất đồng.

Nhơn đạo, Thần đạo, Thánh đạo đều là đạo  
trị thế cốt ở đường lối “chính danh định phận”  
(quân quân, thần thần, phụ phụ, tử tử) và đạo  
lý “công bình”.

### **Tiên đạo – đạo trị thân:<sup>22</sup> “bác ái”, và Phật đạo – đạo trị tâm:<sup>23</sup> “từ bi”**

Thân tâm con người không thể tách rời nhau,  
công phu của đạo Cao Đài là phép luyện thân  
tâm, luyện thân là luyện mạng, tu tâm là tu tánh.  
Tu tánh luyện mạng tức tánh mạng song tu.

Con người đứng trước một yêu cầu khẩn thiết  
và cấp bách. “Mình phải tự biết mình”. Chúng  
ta đang làm chủ một chiếc xe, không biết cấu  
tạo của nó, chúc năng các bộ phận ra sao, gìn

22. “Chư hiền đệ hiền muội đã ý thức được thiên đàng địa ngục là đâu. Có phải ở tận trên vòm trời sâu thẳm hay ở dưới đáy biển lòng đất sâu dày đó chăng ? Tất cả thiên đàng hay địa ngục đều có tự trong con người của chư đệ muội. Nếu chư hiền đệ hiền muội biết hướng thượng, biết gìn thiên lương chơn tánh, biết trau dồi báu ngọc mâu ni, chư hiền đệ muội sẽ có một cảnh thiên đàng trong nội tâm ngày ngày an lạc. Ngược lại, chư hiền đệ muội mãi tiến bước trên con đường dục vọng buông bất những ảo ảnh phù hoa, làm sao tránh được cảnh buồn vui cười khóc, được mất nhục vinh? [...] Người tu hành không tìm đạo lý ở ngoài thân mà phải tìm ở nội tâm.” (Đức Quan Âm Bồ Tát, Chơn Lý Đàn, Tuất thời, 01-4 nhuận Giáp Dần, 22-5-1974).

23. Đức Tam Trấn Oai Nghiêm Quan Âm Bồ Tát có dạy: “Chư hiền đệ hiền muội là những thành phần giác ngộ, tầm đạo học hỏi để tu công lập đức, cốt ý là hoàn thiện hóa bản thân trong kiếp đời hiện tại và được giải thoát phần chơn như khi về bên kia thế giới.

(...) Đời con người lấy lẽ sống làm căn bản, nếu chỉ là sống cho bản thân giả tạm ở cõi vô thường nầy thì không cần phải đề cập đến, mà phải quan niệm luôn cả lẽ sống về tâm linh.

Con người muốn toại hưởng cõi thanh bình phải nhắm vào thực hành các điểm sau đây:

1/- Nội công tu tiến,  
2/- Ngoại công đức hạnh,  
3/- Quá khứ tâm nên dứt bỏ,  
4/- Hiện tại tâm không có,  
5/- Vị lai tâm đừng vọng tưởng.

Đó là hạng tu tiến một quãng đường khá dài mới có thể thực hành được trọn vẹn.” (Minh Lý Thánh Hội, Tuất thời, 14-01 Kỷ Dậu, 02-3-1969).

giữ điều khiển nó như thế nào, thậm chí còn lấy búa đập phá nó nữa!

Các bác sĩ cho chúng ta biết: rượu, thuốc lá, thuốc trừ sâu là nguyên nhân của ung thư. Tà dâm là nguyên nhân của sida, chấn thương tâm lý là nguyên nhân cao huyết áp, nhồi máu cơ tim, tai biến mạch máu não.

Trong việc luyện thân tâm này – cơ thể con người là tiểu vũ trụ có liên quan đến đại vũ trụ, một năm có bốn mùa Đông chí, Xuân phân, Hạ chí, Thu phân, một ngày có bốn thời Tí, Mão, Ngọ, Dậu; hành giả hành công nhiếp thâu “Tiên Thiên khí” mà bồi dưỡng thân tâm để hoằng pháp lợi sinh.

Đức Quan Âm Bồ Tát dạy:

*Mình cũng có pháp thân nội ngoại,  
Cũng như Trời là Đại linh quang;  
Trên thì Thiên thượng Thánh Hoàng,  
Dưới mình thiên hạ trần gian điển hình.*

*Trời thì có hành tinh nhứt nguyệt,  
Có âm dương hàn nhiệt nóng khô;*

*Con người là tiểu quy mô,*

*Cũng đều có bản Hà đồ Lạc thư.*

*Đó là máy huyền cơ tạo vật,*

*Người với Trời thể chất song song,*

*Nếu mình bền chí gia công,*

*Tu thân luyện mạng cũng mong thành Trời.<sup>24</sup>*

Hằng ngày phải tham thiền nhập định, tối thiểu phải học hỏi giáo lý chơn đạo

– để tập tư tưởng hướng thiện,

– để dần lòng an định. Lòng có an định, thân thể mới được kiên cường, tâm linh mới được phát hiện,

– không để thị hiếu thị dục làm chủ lôi kéo dối gạt mình vào bàng môn tả đạo.<sup>25</sup>

Qua những ngày thiền định tập thể, chư hiền sĩ hiền muội đã áp dụng công năng vô hình bằng tư tưởng trong lành để phá tan ác khí. Chư hiền ngoan ngoan chơn thành tuân Thánh ý là đem

lại kết quả khả quan và ảnh hưởng rất tốt đẹp rồi vậy.<sup>26</sup>

Mỗi lần xả thiền, Ôn Trên dạy hồi hướng cho đồng bào, nhân loại:

*Công đức toạ thiền lớn biết bao,*

*Phước lành hồi hướng khắp nơi nao.*

## LẬP TRƯỜNG: THUẦN CHƠN VÔ NGÃ<sup>27</sup>

Làm sao duy trì được cơ chế thuần lương, thiện mỹ “thanh rồi phải giữ cho thanh luôn”. Nơi đây chúng ta thấy có mối quan hệ hữu cơ giữa nội tâm<sup>28</sup> và ngoại cảnh: trong đó nội tâm chủ sử, ngoại cảnh trợ duyên. Đức Quan Âm dạy:

*Chư hiền đệ muội thử nghĩ: Có bao giờ những người chân tu đạo đức mà lại gặp những bạn tửu nhục đạo tặc đến rủ ren, hay trái lại, có bao giờ những người đồ bác, đạo tặc mà có người bạn văn nhân sĩ khí đến bao giờ. Như vậy là nội tâm mỗi người được thuần chơn đúng đắn sẽ có ngoại cảnh an lành tốt đẹp trợ duyên. Nội tâm sẵn dành chỗ phụng thờ Thượng Đế, hoài bão những việc làm của Thượng Đế, thì không còn chỗ nào trống để tà mị lấn chen.<sup>29</sup>*

Hay:

Trên đường tu thân học đạo, hành giả phải chuyên nhứt tâm để tìm chánh pháp. Chánh pháp không ở ngoài thiên không vũ trụ mà ở ngay trong con người của hành giả. Khi ngộ nhập huyền môn tức thị chánh pháp khai thông để lìa khỏi tự ngã mới thấy tánh để thành Phật. Cái tự ngã mà Bản Sĩ muốn nói nơi đây là nguyên nhân của vòng đọa lạc. Bởi tự

26. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15–6 Giáp Dần (02–8–1974).

27. Ngã, trước hết là giữ được CHƠN NGÃ. Đức Quán Thế Âm dạy:

“Ta đây không phải là ta,

Cái ta giả tạm trần la buộc ràng.”

(Nam Thành Thánh thất, 14–10 Canh Tuất, 12–11–1970).

28. Đức Ngộ Đại Tiên Minh Chiêu dạy: “Tâm chơn đó là Tâm Phật, là Thượng Đế tính thuần chơn vô ngã, vô chấp, vô cấu; còn tâm giả là thất tình lục dục, hỉ nộ tham sân, v.v. (Tây Thành Thánh thất – Cần Thơ, 27–9 Giáp Dần, 10–11–1974).

29. Minh Lý Thánh Hội, 14–01 Kỷ Dậu (02–3–1969).

(XEM TIẾP TRANG 107)

24. Giáo hội Tiên Thiên Minh Đức, 20–9 Đinh Mùi (23–10–1967).

25. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15–9 Quý Sửu (10–10–1973).



# GIÁO SƯ LÀ NGƯỜI DẠY DỠ CHƯ TÍN ĐỒ TRONG ĐƯỜNG ĐẠO VÀ ĐƯỜNG ĐỜI

## ■ ĐẠT TƯỜNG

Đêm lịch sử Khai Minh Đại Đạo 14 rạng Rằm tháng 10 Bính Dần 1926, Đức Chí Tôn đã Thiên phong phẩm Giáo Sư cho một số vị nữ và nam phái, đồng thời cũng Thiên phong Giáo Hữu một số vị nam phái xung phong đi truyền đạo ở Trung kỳ và Bắc kỳ theo lời kêu gọi của Thầy.

Ngay đêm sau, Thầy ban cho Pháp Chánh Truyền Cửu Trùng Đài. Trong đó 2 phẩm Giáo Sư và Giáo Hữu có chức năng và nhiệm vụ “dạy dỗ” tín đồ rất rõ nét.

Sau đó, khi Tân Luật được hình thành, phần Đạo Pháp điều thứ năm quy định: “Giáo Sư là người dạy dỗ chư tín đồ trong đường đạo và đường đời. Buộc Giáo Sư lo lắng cho chư tín đồ như anh ruột lo cho em. Giáo Sư cầm sổ bộ của cả tín đồ, phải chăm nom về sự tang hôn của mọi người... Giáo Sư đăng quyền dâng sớ cầu nài về luật lệ làm hại nhơn sanh hay là cầu chế giảm luật lệ ấy. Giáo Sư phải thân cận với chư tín đồ như anh em một nhà cần lo giúp đỡ.”

Nhiệm vụ chánh yếu của hàng ngũ Giáo Sư là việc “dạy dỗ chư tín đồ trong đường Đạo và đường đời” và “chăm nom về sự tang hôn”. Nếu như ở hàng Giáo Hữu, Tân luật quy

định nhiệm vụ là “Phổ thông Chơn Đạo” nghĩa là tiếp cận trực tiếp để hướng dẫn đạo hữu thì với hàng Giáo Sư việc “lo lắng cho chư tín đồ như anh ruột lo cho em” cần được hiểu là sự quan tâm, ưu tư, tổ chức thế nào để việc giáo hóa được thông suốt, thiết thực đáp ứng nhu cầu của nhơn sanh trên cả hai mặt nhân sinh và tâm linh.

Tháng 8 năm 1927, Đức Chí Tôn đã nhắc lại nhiệm vụ của hai phẩm chức sắc này:

*Trung, con phải truyền cho các Giáo Sư, Giáo Hữu lo lắng về phần thuyết đạo cho kịp và mỗi đàn lệ đều phải trích một bài Thánh ngôn dạy về đạo đức mà đọc cho chúng sanh nghe.*

*Như vậy thì lời Thánh giáo như còn vắng bên tai các môn đệ để giục bước đường của chúng nó chẳng sứt sè vậy.<sup>1</sup>*

Qua đây chúng ta thấy phần trách nhiệm của vị Giáo Sư phải lo tổ chức thế nào để tất cả các Thánh thất trong địa phận cai quản của mình (cấp tỉnh hay thành phố) mỗi tháng 2 kỳ sóc vọng đều có các Giáo Hữu đến bình giảng Thánh giáo hay

thuyết Đạo để nhơn sanh học hiểu mà mạnh bước trên đường bồi công lập đức.

Vị Giáo Sư có vai trò bên cạnh việc lo về phần tang hôn cho tín đồ thì việc chánh yếu phải quan tâm là tổ chức và điều hành hệ thống giáo huấn đạo lý, trước mắt xóa mù giáo lý cho nhơn sanh để tránh được cảnh như Ôn Trên đã dạy “tu không học hỏi tu mù”.

Trong khóa Hạnh Đường đầu tiên của Hội Thánh Tiên Thiên vào năm Bính Ngọ 1966, Đức Mẹ đã giảng đàn khuyến khích về nhiệm vụ của Giáo Sư.

*Bởi Đạo Pháp ví như khuôn đúc nên hình Thánh, nếu con nào chịu khếp vào, nghĩa là mỗi con tự chuyển mình từ tâm phàm trở nên tâm Thánh, hóa phàm ý trở nên Thánh ý để thi hành Thánh sự của phần Nhơn Thánh mỗi con thì các con sẽ là Thánh hiện tại thay thân Thầy Mẹ dìu dắt nhơn sanh trong cơ lập giáo độ đời này.*

*Bởi Thánh là phải phụng sự thiết thực nhơn sanh, hầu đem lại sự sống về phần thể xác cũng như linh hồn, được đoạt mức chân hạnh phúc bằng lẽ thuần túy đạo đức đó các con!*

*... Các trẻ cố lo toan,*

*Giữ vững nền Tân Pháp,*

1. Thánh Ngôn chép tay, Niên Số Thời Thiết Lục, tr.338A, đàn ngày 18-8-1927.

Hành tròn giới luật ban.

Giáo Sư ra hướng đạo,

Chức Sắc rạng vinh quang.<sup>2</sup>

Và sau đó, Đức Lý Giáo Tông cũng giảng đàn giải thích thêm về nhiệm vụ của Giáo Sư:

Hạnh Đường Nhơn Thánh thông minh học,

Chức Sắc Thiên Phong cứu thế thì,

Trọng trách phú giao nam nữ phận,

Đức tài thao lược ứng trường thi.

Lão Lý chào Thiên Mạng nam nữ tam ban, an tọa tịnh thiền nghe Lão Lý giáo huấn đàn tràng khóa học của Giáo Sư.

Nầy chư hiền, với hai tiếng Giáo Sư ngoài đời là một sĩ tử đã được thành tài suốt thông cả chương trình Đại Học Sư Phạm, cấp chứng chỉ Giáo Sư, bổ nhiệm làm Thầy để dạy lại học sinh cấp trung học, thì ảnh hưởng của Giáo Sư ngoài đời là lãnh lương bổng hằng ngày. Còn chức sắc Giáo Sư của Đại Đạo thì danh nghĩa như thế nào, cương vị quyền hành nhiệm vụ thì hành ra sao? Chư hiền nam nữ đã học hiểu từ lâu rồi, nay ôn cố tài liệu càng thêm thấm nhuần thì đại diện một nam một nữ khá bạch trước đàn cho Lão nghe, rồi Lão chỉ dạy thêm:

[Giáo Sư Sáu bạch: Nhờ Ôn Trên chỉ dạy thêm.]

Quả vậy, chức sắc Giáo Sư trong Đại Đạo mà chư hiền đã được Thầy ban phong rất thiêng liêng và quan trọng cả hai mặt hữu hình và vô hình, được ảnh hưởng trọn vẹn tinh thần lẫn vật chất. Nếu vị nào chí quyết, lo tu xả thân hành đạo trọn đời, hành đúng theo quyền hạn và nhiệm vụ của chức sắc Giáo Sư, thế Thiên hành hóa, dạy bảo nhơn sanh đúng theo chơn truyền Tân Pháp và tôn chỉ, mục đích của Đại Đạo thì sẽ thành công đắc quả và ảnh hưởng như lời Lão vừa nói trên!

Bởi chức sắc Giáo Sư là phẩm cấp thứ năm hạng Trung Trung Thừa: Trong Cửu Phẩm Tam Thừa do Thầy định trong số Cửu Thiên Khai Hóa, Tam giới chúng sanh trong đại vũ trụ quán chức Giáo Sư

là phẩm Nhơn Thánh đứng vào hạng Trung Trung Thừa vì từ trên đổ xuống là: Giáo Tông, Chương Pháp, Đầu Sư, Phối Sư kế Giáo Sư là ngay chính giữa cũng như từ dưới lần lên là: Tín Đồ, Trị Sự, Lễ Sanh, Giáo Hữu rồi đến Giáo Sư vậy!

Thế nên chư hiền nam nữ Giáo Sư đây tức nhiên đã trải qua bốn phẩm cấp rồi, và trong sự hành đạo của chư hiền được đầy đủ, nên Ôn Trên chứng minh mới điểm nhuận vào phẩm vị Giáo Sư đây. Mà hễ Giáo Sư của Đại Đạo thì rất phi phạm, nghĩa là Thánh, mà là Thánh là gì? Thánh là sáng, vì trong chữ Thánh ở dưới có chữ Vương là Vua, phía trái trên Chữ Vương có chữ Nhĩ là tai, phía mặt có chữ Khẩu là miệng.

Vậy người muốn nên phẩm Thánh phải biết làm vua lấy mình, là ngự trị Tam tâm, Tứ tướng, lục dục thất tình tam quý, ngũ ma và tất cả chúng sanh trong lòng phạm tục đều được bình an thanh trị, thì lỗi tai của Minh Vương ấy mới nghe tiếng nói vô hình của muôn loài vạn vật, và khi cái miệng của Minh Vương nói ra, điều nào cũng đúng với chơn lý thuần chơn vô ngã, thốt toàn lời giúp ích cả nhơn loài vạn vật được đúng như thế mới gọi là Thánh, vì Thánh thì thông minh sáng suốt từ mọi sự mọi vật, không còn lấm lẩn mê muội điều nhỏ nhặt nào. Đó là Thánh vậy.

[...] Bởi vậy, chức Giáo Sư mà chư hiền đã lãnh rất quan trọng vô cùng. Hiện nay chư hiền đã học Đạo, hiểu Đạo rồi, rõ biết quyền hạn nhiệm vụ rất thiêng liêng thì ráng thực hành đúng theo tôn chỉ, mục đích do Đức Thượng Đế chủ trương hầu đem lại chân hạnh phúc cho toàn cả nhơn loại, cả hai phương diện vật chất lẫn tinh thần.

Bởi thông tường sứ mạng thế Thiên hành hóa, nên chư hiền cố gắng học hiểu thêm lên, để hành cho đúng quan điểm vị nhơn sanh, vị căn bản. Lời nói thực hành cho được hoàn toàn, thì mới hướng dẫn nhơn sanh làm tròn nhiệm vụ Thầy giao phó. Với tinh thần hiếu học của chư hiền nam nữ thể hiện trong giai đoạn hoàn cảnh khó khăn thì từ nay càng mạnh tiến hơn nữa để hoàn toàn trong kỳ Thiên cơ đang chuyển, thời cơ biến thế, biến thiên, dồn dập để rồi đến thành đạo.

2. Đức Mẹ, Tòa Thánh Châu Minh, Hối thời, 30-3 Đại Đạo 41 (1966).

*Giáo Sư trọn quy điều Ngũ giới,  
 Giáo Sư thông đường lối chơn truyền,  
 Giáo Sư là phận thế Thiên,  
 Giáo Sư thầy dạy, cố kiên học hành.  
 Giáo là dạy đành rành Tân Pháp,  
 Giáo hóa dân thích hợp tự tu,  
 Giáo truyền chơn lý phụ từ,  
 Giáo hành luật pháp vô tư vị người.  
 Giáo Sư phận thay Trời dạy bảo,  
 Giáo Sư hành thông thạo chơn truyền,  
 Giáo Sư nhiệm vụ ban quyền,  
 Lãnh đạo một tỉnh cố kiên hành tròn.  
 [...] Lão khá khen chư hiền nam nữ,  
 Khóa Giáo Sư chung dự đủ đầy,  
 Ôn cố tài liệu đạo Thấy,  
 Kiểm điểm soi rọi điều hay tiến hành.  
 Phát triển mãi việc lành sự phải,  
 Trọn Tam Công hăng hái sự tu,  
 Đủ đầy công đức Giáo Sư,  
 Sẽ được ban phẩm Phối Sư rất gần.*

Ngày nay, các Giáo Sư với nhiệm vụ đứng đầu Tỉnh Đạo ở địa phương có vai trò quyết định trong việc tổ chức mạng lưới các Họ Đạo như là hệ thống trường giáo Đạo trong mỗi tỉnh.

Nếu như Hội Thánh có vị trí trung ương để ra định hướng căn bản với mục tiêu cố gắng làm thế nào để mỗi Thánh thất trở thành một trường giáo Đạo như Thánh ý, đồng thời vạch ra chương trình căn bản cần tiến hành để mỗi nơi đều lấy đó làm pháp lệnh nương theo thực hiện việc giáo đạo.

Còn ở cấp Tỉnh Đạo, vị Giáo Sư trong quyền hạn và trách nhiệm của mình sẽ sáng tạo trong việc tổ chức trường lớp cũng như huấn luyện đào tạo các giảng viên hầu đáp ứng nhu cầu của địa phương mình. Tùy theo số lượng đạo hữu nói chung hay số lượng học viên ở mỗi cấp lứa tuổi mà Tỉnh Đạo sẽ quy hoạch lực lượng giảng viên từ cấp Lễ Sanh xuống đến Chức việc có dự trù cho việc đáp ứng sự phát triển ở tương lai.

Nhưng việc trước hết cần phải làm là Tỉnh Đạo tổ chức cho các Họ Đạo ngồi lại với nhau với trí tuệ tập thể xây dựng chương trình thống

nhất ở mỗi cấp giáo lý để các nơi dựa vào đó thực hiện việc hướng dẫn, trao đổi giảng viên, đồng thời có thể đề ra thời điểm cụ thể trong năm để từ đó có thể tổ chức những buổi Hội Luận Giáo Lý chung hay thi đua trong những buổi trại hè cho từng lứa tuổi.

Như thế vai trò của vị Giáo Sư ở mỗi tỉnh như Giám đốc Sở Giáo Dục, quản lý hệ thống trường lớp trên địa bàn trách nhiệm của mình. Giáo Sư có trách nhiệm giúp đỡ cho các Họ Đạo địa phương phát triển đúng theo định hướng và mục tiêu đào tạo của Hội Thánh đồng thời điều phối chia sẻ và quy hoạch nhân lực giảng viên cần được đào tạo hầu đáp ứng nhu cầu tăng trưởng của địa phương mình.

Để có thể xóa mù giáo lý cho bốn đạo, bởi Ôn Trên đã từng dạy “tu không học hỏi tu mù”, vị Giáo Sư phải nỗ lực đầu tư xây dựng một vài thí điểm hình mẫu qua phân trách nhiệm trực tiếp của Giáo Hữu để cho các Thánh thất khác bắt chước làm theo.

Cấp Tỉnh Đạo cần mở liên tục những khóa Hạnh Đường ngắn hạn với thành phần Giáo Hữu là giảng viên hầu đào tạo hay tập huấn các giảng viên cơ sở để đáp ứng nhu cầu học đạo của nhơn sanh ở các Thánh thất.

“Tư duy giáo Đạo” là trách nhiệm của hàng ngũ Giáo Sư và chức sắc Hiệp Thiên Đài tương ứng như Cải Trạng, Giám Đạo để các Thánh thất trong mỗi địa phận quản lý của mình phát triển vững chắc vai trò trường giáo Đạo hầu đóng góp hữu hiệu vào sứ mạng phổ độ nhơn sanh của Đại Đạo.

Thiết thực mang Đạo vào đời, đóng góp vào sự nghiệp “giáo dân vi thiện” để xã hội ngày càng phát triển song song giữa đời sống văn minh vật chất và đời sống tinh thần văn minh đạo đức, người Giáo Sư đã, đang và sẽ góp phần làm sáng danh Thầy danh Đạo:

*Dắt nhơn sanh lên đời Thánh đức,  
 Đưa nước nhà đến bậc văn minh,  
 Ngàn năm một thuở thanh bình,  
 Trời Nghiêu, đất Thuấn vạn sinh cộng đồng.■*

# KỶ NIỆM 50 NĂM RA MẮT HỘI THÁNH TAM QUAN

## ■ ĐẠT TƯỜNG

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ được Đức Chí Tôn lập thành vào năm Bính Dần 1926 tại Nam Việt trong bối cảnh đất Việt bị chia cắt làm ba kỳ, miền Trung vẫn thuộc quyền cai trị trực tiếp của Vương triều nhà Nguyễn với quan điểm “Cao Đài bất đắc truyền bá Trung kỳ”. Tuy nhiên, với sự khao khát phổ truyền ánh sáng cứu độ của Đại ân xá kỳ ba đến với đồng bào quê nhà, những đạo hữu Cao Đài đầu tiên có nguyên quán Trung kỳ vẫn đã âm thầm tìm cách mang mối đạo Trời về quê hương.

Là một trong hai nhánh<sup>1</sup> sớm đưa đạo Cao Đài về miền Trung Việt, nhánh Bình Định đã khởi đầu phát triển sang các tỉnh Quảng Ngãi, Phú Yên, Khánh Hòa. Năm 1930, chư vị hướng đạo ở Thánh thất Cầu Kho – Sài Gòn đã gửi về Bình Định 500 bức Thiên Nhân đầu tiên để giúp cho đạo hữu có phương tiện thờ kính Đức Cao Đài.

Ngày Rằm tháng 2 Mậu Thìn (1938), Thánh thất đầu tiên ở miền Trung ra mắt nhưn sanh đã được tổ chức tại Tam Quan – Bình Định.<sup>2</sup> Đó

là ngày hoát khai Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ về Trung Việt, lúc bấy giờ đông đảo đạo hữu của 6 tỉnh miền Trung đã về tham dự. Thánh thất đã được công khai và chúc vự Chánh Hội Trưởng đầu tiên do đạo huynh Phan Nghị<sup>3</sup> đảm nhiệm. Sau năm nầy, tại các tỉnh đã nêu trên cũng lần lượt công khai hoá 18 Thánh thất với số lượng đạo hữu lên đến 58.000 người.

Thời kỳ tiếp theo, dưới sự kiểm soát gắt gao của hệ thống quan lại nhà cầm quyền phong kiến triều Nguyễn, nhiều vị hướng đạo bị bắt lưu đày. Đặc biệt một số đồng đạo đã thọ tử vì pháp nạn trong những năm 1945–1946! Tuy phải trải qua những thử thách ác liệt của cơ đời tạo ra những mất mát đau thương cùng với những đồng đạo ở nhánh Truyền Giáo Trung Việt nhưng cơ Đạo miền Trung vẫn âm thầm tồn tại.

Vào thời gian này đã có một số người gốc ở Bình Định như gia đình của các ông Huỳnh Đích, Nguyễn Hoanh, Trần Khả, Nguyễn Phụng,

1. Gồm nhánh ở Quảng Nam sau trở thành Hội Thánh Truyền Giáo và nhánh Bình Định sau trở thành Hội Thánh Trung Việt Tam Quan.

2. Nguyên là ngôi chùa Phật của Đạo huynh Phan Bồi hiến cúng.

3. Trong Đại Lễ An Thiên ra mắt Hội Thánh 1960, ông Phan Nghị được Đức Lý Giáo Tông phong Thượng Đẳng Thần:

“Phan Nghị đã bao phen công khó,  
Nhưng côi lòng điều độ sơ khai,  
Nay đây Sắc Chỉ Cao Đài,  
Oai Linh Thần Vị ra tài hộ an.”



Đình Mùi, v.v. đã vào Sài Gòn mưu sinh từ lâu,<sup>4</sup> tụ họp sinh hoạt đạo với nhau tại những Thiên Bàn được lập nên ở tư gia những đạo hữu này. Sinh hoạt tôn giáo này đã gây sự chú ý và cuốn hút một số đồng đạo cư ngụ ở khu Tân Định<sup>5</sup> thuộc quận Nhứt Sài Gòn cùng tham gia. Sau mấy lần vì thời cuộc phải thay đổi vị trí đặt Thiên bàn, quý vị đã hùn tiền với nhau sang một nền đất và căn nhà sàn bên bờ kênh Nhiêu Lộc ở cuối đường Jacques Joubert (nay là đường Trần Khánh Dư) lập nên Thánh thất Tân Định vào cuối năm 1949.

Sau đó nhờ sự nhiệt tình giúp đỡ của quý vị như Huệ Đức – Nguyễn Văn Phụng và Phan Trường Mạnh ở Nam Thành Thánh thất và tổ chức vận động Cao Đài Thống Nhất ở Tam Giáo Điện thuộc chi Minh Tân bên quận tư, cơ Đạo ở Thánh thất Tân Định đã có điều kiện để từng bước phát triển và trở thành Đạo Quán Trung Việt<sup>6</sup>. Đạo Quán trở thành cầu nối cho các đạo hữu Cao Đài miền Trung nhánh Bình Định mỗi khi vào ra Sài Gòn.

Trong khi đó, sau hiệp định Genève 1954 người Pháp rút lui về nước, hòa bình được lập lại nên sinh hoạt Đạo cũng hồi phục. Năm 1955, nhà của đạo huynh Nguyễn Nghê<sup>7</sup> được mượn để lập Thánh thất Trung Ương.

Tại nơi đây, “Thánh lệnh Tạo tác Hội Thánh Trung Ương Trung Việt Tam Quan” của Đức Chí Tôn đã được ban ra vào ngày mồng một tháng tư năm Bính Thân 1956. Sau đó, bốn đạo miền Trung đã mua khoảnh đất một mẫu ta của ông Hoàng Đôn Đế<sup>8</sup> tọa lạc tại Tam Quan –

Bình Định để tiến hành việc xây cất Thánh điện Trung Ương Hội Thánh như lời dạy:

*Nơi Trung Ương dành rành Trời định,  
Hội Thánh truyền lãnh lệnh sắc ban,  
Đua nhau trỗi bước lên đàng,  
Nơi theo đuốc tuệ xóa tan mê đồ.*

Cũng trong đàn cơ dạy việc tạo tác, Đức Chí Tôn còn ban cho Hội Thánh câu liên định hướng treo trước ngoại môn:

*Bắc vãng Nam lai Đại Đạo Tam Kỳ quy vạn chúng,*

*Tây tiền Đông hậu cơ đồ nhất thống vĩnh thiên thu.*

Ngay từ lúc mới thành lập, những năm đầu thập niên 50 của thế kỷ trước, Thánh thất Tân Định đã thường xuyên tham dự các sinh hoạt ủng hộ việc vận động thống nhất nhà Đạo cùng với Cơ Quan Cao Đài Quy Nhứt ở Tam Giáo Điện Minh Tân (bến Vân Đồn quận Tư) do ông Nguyễn Bửu Tài thuộc Hội Thánh Tiên Thiên và ông Nguyễn Văn Phụng ở Nam Thành Thánh thất làm Chương Quản. Tờ biên bản buổi họp đầu tiên của Cơ Quan này vào cuối năm 1952 có ghi nhận sự hiện diện của ông Đoàn Văn Ngôi, một đạo hữu tại Sài Gòn, đại diện Thánh thất Tân Định. Về sau, vào đầu thập niên 60 ông đã trở thành Đầu Họ Đạo của Thánh thất, sau đó được Thiên phong phẩm Giáo Sư – Thái Ngôi Thanh vào năm 1969.

Theo Biên bản Phiên nhóm sơ bộ thành lập Ban Trị Sự Sài Gòn của Cao Đài Thống Nhất, ngày 09-8-1957, có ghi nhận sự hiện diện cùng lúc của đại diện Hội Thánh Tam Quan và ông Lê Đại Luân – Quyền Đầu Họ Đạo của Thánh thất Tân Định.

Biên bản Nhóm Liên Hoan các chi phái ngày 20-4 Mậu Tuất (1958) cũng ghi nhận sự hiện diện của 3 vị đại diện Hội Thánh Tam Quan.

Qua các tài liệu trên đã cho thấy vai trò quan trọng của Thánh thất Tân Định ở vị trí làm cầu nối cho nhánh Cao Đài Tam Quan – Bình Định với Nam Thành Thánh thất (là Thánh thất Cầu Kho tái lập) và tổ chức Cơ Quan Cao Đài Thống

4. Qua tiếp xúc trực tiếp cho thấy giọng nói của phần lớn của chư vị không nặng, khó nghe như của người Bình Định chánh gốc.

5. Đường Trần Quang Khải, chỉ một đoạn dài khoảng 300m đã có đến 4 ngôi đình.

6. Theo Giấy mời dự Lễ Khánh Thành Thánh thất Tân Định tháng 3 Bính Thân (1956).

7. Sau khi lập Hội Thánh, năm 1969 đạo huynh Nguyễn Nghê được Thiên phong Thái Lễ Sanh.

8. Giấy bán đoạn đất ngày 15-4-1956 và Tỉnh trưởng Bình Định cấp giấy phép xây dựng ngày (21-9-1956).

Nhất. Qua đây, cũng cho thấy tinh thần của Hội Thánh Tam Quan lúc bấy giờ cũng đã rất tha thiết với tư tưởng vận động thống nhất nhà Đạo.

Thời gian này, Cơ Quan Cao Đài Thống Nhất có giới thiệu 2 Thánh thất Sông Vệ và Nghĩa Trung Hưng ở tỉnh Quảng Ngãi cùng tham gia sinh hoạt đạo sự chung với Hội Thánh Tam Quan. Năm 1960, Thánh thất Vệ Long Trung được phát triển ra thêm từ Thánh thất Sông Vệ.

Tháng 3 năm Canh Tý (1960), sau khi hoàn thành việc xây cất Thánh Điện Trung Ương, Hội Thánh Tam Quan long trọng mở Đại hội An Thiên chánh thức làm lễ ra mắt Hội Thánh Trung Ương Trung Việt Tam Quan. Trong các phái đoàn về dự lễ khi đó có quý chức sắc của Giáo hội Cao Đài Thống Nhất do ông Huỳnh Đức – Thượng Đẩu Sư Tiên Thiên<sup>9</sup> dẫn đầu thực hiện việc thuyết đạo cùng quý vị Cao Đài Giáo Lý Viện ở Nam Thành Thánh thất như quý ông Nguyễn Văn Phùng và Phan Trường Mạnh.

Kỳ Đại hội An Thiên này, Đức Lý Giáo Tông đã vâng lệnh Thầy phong sắc cho các Tông đồ Tử Đạo gồm 6 vị ở hàng Thánh vị, 16 vị ở hàng Thượng Đẳng Thần, 12 vị Trung Đẳng Thần và rất nhiều vị thuộc Hạ Đẳng Thần. Ở hàng Thánh có ông Giáo Hữu Huỳnh Đích, Đẩu Hộ Đạo đầu tiên của Thánh thất Tân Định đắc vị Đại Thánh với đạo danh Oai Linh Chí Thánh.<sup>10</sup> Ngày Rằm tháng 10 Năm Đại Đạo 37 (1962), Đức Oai Linh hân hạnh được ban ân góp phần tả kinh Tam Thừa Chơn Giáo qua bài Lập Thân Hành Đạo nơi phẩm Trung Thừa.

Sau Đại lễ ra mắt, Hội Thánh có gặp nhiều khó khăn khi còn tồn đọng một khoản nợ lớn và bị người kinh doanh vật liệu xây dựng đòi rất rát. Mặc dầu khi đó vẫn đang là một Thánh sở

độc lập không theo chi phái nào nhưng một số đạo hữu nơi Thánh thất Tân Định đã đáp ứng lời kêu gọi giúp đỡ, công quả cho mượn một khoản tiền giúp Hội Thánh thoát qua tình cảnh éo le, tránh tai tiếng cho Đạo. Qua đó mối quan hệ giữa Thánh thất và Hội Thánh Tam Quan ngày càng thêm khăng khít.

Vào cuối thập niên 60, Ôn Trên truy phong Đẩu Sư ba phái cho các vị Nguyễn Văn Phùng, Phan Trường Mạnh và Lê Đại Luân. Ân phong Hiến Đạo Huệ Năng, Hiến Pháp Huệ Hạnh, Hiến Thế Huệ Thành, Huệ Hiến Truyền Trạng, Huệ Trí Sĩ Tài, nhiều vị Phối Sư và Giáo Sư, v.v.<sup>11</sup>

Hội Thánh Trung Ương Trung Việt Tam Quan được hình thành, đánh dấu việc hoàn tất Thiên cơ của quá trình hình thành các chi phái trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ như lời dạy của Đức Lý Giáo Tông vào năm 1958:

*Mười hai năm khai Đạo, mười hai năm kế giáo Đạo, mười hai năm sau thành Đạo trong tam thập lục niên sở định.<sup>12</sup>*

Sau khi chánh thức ra mắt nhân sanh, Hội Thánh đã phối hợp với Giáo hội Cao Đài Thống Nhất ở Sài Gòn ấn hành Kinh Tam Thừa Chơn Giáo, bước đầu với hai quyển Tiểu Thừa và Trung Thừa.<sup>13</sup> Đây là những kinh sách rất hữu ích cho việc tu học hành đạo của tín đồ Đại Đạo cùng thực hành nhiệm vụ sứ mạng Đại Đạo cho hàng chức sắc.

Đặc biệt trong phẩm Tiểu Thừa có bài “Minh Trai Cơ Pháp” của Đức Vô Cực Từ Tôn giải thích các bậc ăn chay theo chánh pháp Cao Đài. Đây là một chứng cứ quan trọng để tương lai tiến đến việc thống nhất tinh thần nhà Đạo về một trọng điểm giáo lý thời Tam Kỳ Phổ Độ:

*Cao Đài Giáo để chương sang tập,  
Dạy các con từ thấp lên cao,*

9. Là kỹ sư Phan Khắc Sửu từng được độ dẫn nhập môn Cao Đài bởi quý Ngài Thiện Pháp Nguyễn Bửu Tài và Huệ Lương Trần Văn Quế,... khi ở tù chung xà lim ngoài Côn Đảo (1945) với quý ông Tôn Đức Thắng, Phạm Hùng...

10. Huỳnh Đích đã lo lường từ thử, Trọn đức tin giải nợ trần gian, Chiếu truyền sắc chỉ ân ban, Oai Linh Chí Thánh hộ đàn Đông Phương.

11. Dựa theo nội dung bản Thánh giáo 1969 của Hội Thánh Trung Việt Tam Quan.

12. Nam Thành Thánh thất, Tý Thời, đêm 23 tháng 8 năm Mậu Tuất (1958)

13. Cùng được Đạo Trưởng Huệ Lương Trần Văn Quế – Chủ Trưởng Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài viết Lời Tựa.

*“Lục Trai” sơ độ bước vào,  
Từ nay con chó lãng xao tắc lòng.  
Rồi “Thập Trai” mới mong trực tiếp,  
Trước cửa Trời chuyển hiệp chánh tông,  
“Thập Lục” hành đạo lập công,  
“Trường Trai”, “giới sát” vào dòng điểm đơn.*

Hội Thánh Tam Quan, qua những hoạt động đạo sự với Cao Đài Thống Nhất đã có những mối liên hệ với Ban Phổ Thông Giáo Lý Liên Quan Hành Đạo. Từ khi Ban này chuyển mình phát triển độc lập trở thành Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý theo lệnh dạy của Ông Trên, mối quan hệ với Hội Thánh Tam Quan vẫn được duy trì và phát triển. Qua Hiệp Thiên Đài của Cơ Quan, Thiêng Liêng đã nhiều lần ban lời hướng dẫn Hội Thánh:

*Khuyến nên giữ vững lập trường,  
Đạo tâm cố gắng vẹn đường tu thân. (...)  
Chí cương quyết táo tần vì đạo,  
Gương hy sinh tiết tháo muôn đời,  
Anh linh Thánh tử còn roi,  
Kẻ sau kịp bước thỏa người hy sinh. (...)  
Khuyến tất cả trọn lành tu niệm,  
Cho qua hồi biến chuyển gian nguy,  
Thiêng Liêng ban bố hộ trì,  
Tam Quan Hội Thánh gặp kỳ an ninh. (...)  
Trên Thượng Đế từ bi dẫn độ,  
Dưới găng công giám hộ đỡ nâng,  
Từ trong Hội Thánh xa gần,  
Một lòng vững bước đến chân Cao Đài.<sup>14</sup>*

Do Tam Quan ở trong vùng chiến tranh ác liệt, nên Hội Thánh phải lập Văn Phòng Đại Diện ở tỉnh lỵ Quy Nhơn để dễ liên lạc với các nơi. Năm 1969, khi ra mắt Văn Phòng này, trong bài thuyết trình về Cơ Đạo Miền Trung, tác giả Đồng tử Huệ Linh Tâm có trình bày: “... mới đây trong đợt phái đoàn Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Việt Nam đi viếng đạo miền Trung... đã trực tiếp giúp cho 30.000 đồng...”<sup>15</sup>

Sau 1975, đời sống xã hội còn nhiều biến động của thời kỳ hậu chiến, việc hành đạo của đạo hữu cũng chịu ảnh hưởng khó khăn của tình hình chung, tuy Hội Thánh Trung Ương Trung Việt Tam Quan phải đóng cửa nhưng các Thánh thất của Hội Thánh Tam Quan vẫn cố gắng duy trì các hoạt động đạo sự theo tinh thần đạo đức thuần chơn.

Vào đầu năm 2000, sau khi được chính quyền cấp pháp nhân hành đạo với tên mới là Cao Đài Cầu Kho Tam Quan, Hội Thánh đã tiếp nhận Thánh thất Tân Định chánh thức hòa nhập về.

Việc đầu tiên của Hội Thánh thực hiện là xin xuất bản quyển Tam Thừa Chơn Giáo đầy đủ cả ba phần Tiểu Thừa, Trung Thừa và Thượng Thừa.<sup>16</sup> Tiếp theo sau, cơ sở thờ tự của Hội Thánh tại Bình Định cũng được xây dựng lại khang trang thích hợp với thời kỳ bước vào giai đoạn phát triển ổn định.

Từ khi có những cuộc liên giao chánh thức giữa các Hội Thánh Cao Đài, được sự chấp thuận và hỗ trợ của chánh quyền các cấp, Hội Thánh Cao Đài Cầu Kho Tam Quan đã sớm cùng hiện diện và bắt nhịp chung tay thực hiện các đạo sự như: liên giao các Hội Thánh nhân ngày sinh nhật Đức Giáo Tông Nguyễn Ngọc Tương ở Bến Tre và tham gia cứu trợ đồng bào bị thiên tai sau bão số 9 và số 11 ở miền Trung vào cuối năm 2009.

Rằm tháng ba Canh Dần năm nay, Hội Thánh Cầu Kho Tam Quan tổ chức Đại hội Nhơn Sanh nhân dịp tròn 50 năm chánh thức hiện diện hoạt động phổ độ nhơn sanh trong đại gia đình Cao Đài và trong lòng dân tộc. Hy vọng kết quả của Đại hội sẽ vạch rõ hướng đi lên, đầu tư trọng điểm phát triển nhân sự đức tài hầu góp phần hiệu quả hơn nữa cho sứ mạng của Đại Đạo trước vận hội của dân tộc và đất nước trên bước đường hội nhập toàn cầu cùng nhân loại.■

14. Vạn Quốc Tự, 20-11 Ất Tỵ (12-12-1965).

15. Trang 13 của tài liệu trình bày trước Đại Hội Ra Mắt Văn Phòng Đại Diện.

16. Được Ông Trên giảng đàn ban cho, dạy về Tâm Pháp cũng được bổ sung thêm, trong 2 năm 1973-1974.

# VÌ ĐẠO QUÊN MÌNH

■ CAO BẠCH LIÊN

**N**gài Cao Triều Phát đã có cơ duyên gặp gỡ đạo Cao Đài ngay từ lúc sơ khai nền Đạo với đàn cơ do ông Cao Quỳnh Cư cầu Đức AAA trong lúc còn đang làm việc ngoài xã hội. Ngài đã nhiều lần dự thính, tìm hiểu những điều huyền bí nhiệm mầu, nhưng Ngài chưa chính thức tham gia. Hình như Ông Trên còn dành cho Ngài thời gian trải nghiệm những hoạt động ngoài đời để nhận lãnh sứ mạng về sau.

Ngài có người bạn cùng quê hương Bạc Liêu là Trương Kế An, cũng là bác sĩ chăm sóc sức khỏe gia đình Ngài, nên rất thân. Tuy theo Tây y nhưng bác sĩ An rất thông thạo và hâm mộ cơ bút. Ông thường hay rủ Ngài Cao Triều Phát cùng đi núi cầu Tiên. Về sau, ông lập Minh Thiên Đàn ở An Trạch-Bạc Liêu, thường tổ chức đàn cơ cầu Tiên dạy Đạo. Bộ phận thông công ở Minh Thiên Đàn về sau là tiền thân của Hiệp Thiên Đài Hội Thánh Minh Chơn Đạo.

Cùng thời kỳ đó, Ngài Trần Đạo Quang là Thái Lão Sư của đạo Minh Sư quy hiệp Cao Đài đang về miền Hậu Giang phổ truyền mỗi đạo Thầy. Duyên may đã đến, Ngài Cao Triều Phát có dịp tiếp xúc rồi cảm

mến một bậc chơn tu đạo hạnh mầu mực, và được Ngài Trần Đạo Quang tiến dẫn vào đạo Cao Đài.

Sau khi vào Đạo, Ngài Cao Triều Phát toàn tâm toàn ý hành đạo và không bao lâu đã trở thành một bậc hướng đạo của đạo Cao Đài miền Hậu Giang.

Sau khi vào Đạo, Ngài lập Huyền Linh Đàn tại tư gia để thờ cúng Đức Chí Tôn. Ngài lập Thánh thất Thái Dương Minh trên đất nhà ở xã Khánh Hòa khá nguy nga. Tiếp theo lập Thánh thất Thái Bửu Quang ở thị xã Bạc Liêu, và Thánh thất Thái Cảnh Đàn ở Hòa Tú-Mỹ Xuyên-Sóc Trăng.

Vào Đạo được vài năm, dù chỉ là tín đồ bình thường, lần đầu tiên Ngài được Ông Trên giao trọng trách chủ trì cuộc Hội Lý Đạo Công Đồng Giáo Lý Tôn Giáo, tổ chức tại Ngọc Phước Đàn-Phước Long-Rạch Giá. Ngài Trần Đạo Quang được chọn cử chứng minh trong lúc các đại biểu thuyết đạo.

Lúc bấy giờ, đạo Cao Đài mới chính thức ra đời được tám năm (tháng 10-1926 đến tháng 4-1934). So với các tôn giáo như Thiên Chúa, Tin Lành, Phật giáo, Lão giáo... thì đạo Cao Đài là một tôn giáo còn quá

trẻ, phái Cao Đài Minh Chơn Đạo Hậu Giang lại càng trẻ hơn. Hơn nữa, nhà cầm quyền Pháp cũng chẳng mặn mà gì với bất kỳ một tổ chức, tôn giáo của người bản xứ, họ luôn dò xét, theo dõi đủ điều để tránh những cuộc nổi loạn dưới bất cứ hình thức nào nhằm chống lại họ.

Vì vậy, người đứng ra chịu trách nhiệm tổ chức “Hội Lý Đạo” phải khéo léo, tế nhị, biết tranh thủ sự thiện cảm của nhà cầm quyền, mục đích để tạo một không gian bình yên cho cuộc hội. Đặc biệt là tận dụng họ giữ gìn trật tự an ninh mà không cần nhờ cậy. Vì cuộc hội chỉ nhằm thuyết Đạo, nên càng cho họ thấy tôn giáo là tu hành chứ không làm chính trị. Đó là nghệ thuật ứng xử, nhất cử lưỡng tiện của nhà tổ chức.

Khách mời tham dự “Hội Lý Đạo” gồm có các phái Cao Đài, các tôn giáo như Thiên Chúa, Tin Lành, Phật giáo, Nho giáo, Huỳnh Đình, Lục Phương... Mục đích các tôn giáo đến diễn đàn để truyền bá giáo lý của tôn giáo mình với tinh thần hòa ái.

Ngài Cao Triều Phát được Bàn Trị Sự Hội Lý Đạo công cử làm Chủ Tịch Hội Lý Đạo Công Đồng Tôn Giáo, chịu trách nhiệm tổ chức, giao dịch



với nhà cầm quyền và mời các tôn giáo, nhất là điều khiển chương trình của cuộc “Hội Lý Đạo.”

Theo tờ Vi Bằng xác tín số người đến dự Hội vừa chính thức, vừa dự thính và hiểu kỳ đến xem, lên đến năm ngàn người. Ông Huyền Hư-Pháp sư Phật giáo có nhận xét như sau: “Mấy ngày rày tôi đến đây thấy cách xếp đặt của Bàn Trị Sự Cộng Đồng Tôn Giáo rất có trật tự và khéo léo; bấy lâu nay chưa hề thấy có một tôn giáo nào mà lập ra được như thể này, nay nhờ có quý ngài có lòng đạo đức thiết ra cuộc này để thức tỉnh nhơn sanh...”

Sau ba ngày làm việc, trên tinh thần “Vạn Giáo Nhất Lý”, hòa ái, tôn trọng nhau, cuộc Hội Lý Đạo đã thành công tốt đẹp. Sau khi Đại Hội kết thúc, quyển “Hội Lý Cộng Đồng Tôn Giáo” với nội dung đúc kết tất cả các bài tham luận với phần tổng kết và Lời nói đầu do Ngài Cao Triều Phát viết dưới bút danh Sơn Kỳ Giang, đã được xuất bản.

Thời gian ngắn sau đó Ngài được Ôn Trên ân phong phẩm Bảo Đạo Chơn Quân, Phó Chương Quản Hiệp Thiên Đài. Theo lệnh Ôn Trên, Ngài cho gấp rút xây dựng hoàn thành khu Ngũ Hành Tòa là nơi làm việc của Hiệp Thiên Đài và cũng là nơi thông công tiếp nhận ân điển của Thiêng Liêng về dạy đạo. Ngài thọ lãnh trách nhiệm đào tạo đồng tử của Tòa

Thánh Minh Chơn Đạo Hậu Giang.

Năm 1935, Đức Lý Giáo Tông giao cho Ngài Cao Triều Phát tập hợp các bài kinh xưng tụng các Đấng và về Thể Thức, Dương Sự, Tang Tế, Cầu Siêu mà Ôn Trên ban rải rác cho các chi phái từ trước cho tới lúc bấy giờ. Phục lệnh Ôn Trên, sau hai năm sưu tầm hơn 150 bài kinh, Ngài đã sắp xếp theo trật tự, lập thành quyển Lễ Bồn- Dương Sự, Thể Thức, Tang Tế, Cầu Siêu, trình Hội Thánh Minh Chơn Đạo xem xét, để trình lên Ôn Trên.

Đêm 14-10 Đinh Sửu (1937) Đức Đông Phương Chương Quản giảng đàn phê chuẩn:

“Phê chuẩn quyển Dương Sự, Tang Tế, Cầu Siêu đã sưu tập, được phép ấn hành tuyên truyền thiết dụng trong thời gian hiện tại.”

Quyển kinh “Lễ Bồn – Dương Sự – Thể Thức – Tang Tế – Cầu Siêu” được in tại nhà in Nguyễn Lộc Tiếng – Bạc Liêu; chính thức xuất bản tháng 9-1939, giúp cho đạo hữu tại các Thánh thất hành đạo thuận lợi.

Cũng trong khoảng thời gian này, Ngài được Ôn Trên ban phẩm Thái Chương Pháp – Quyền Chương Quản Hiệp Thiên Đài của phái Minh Chơn Đạo – Hậu Giang.

Sinh thời, Ngài Cao Triều Phát rất quan tâm việc đào tạo thế hệ tương lai tiếp nối cho Hội Thánh Minh Chơn Đạo.

Năm 1939, được Hội Thánh chấp nhận cho thành lập Đoàn Thanh Niên Đạo Đức và chính thức bổ nhiệm Ngài làm Tổng Trưởng Đoàn Thanh Niên Đạo Đức Hậu Giang. Bản Điều Lệ chính thức của Đoàn được nhà cầm quyền chấp nhận cho phép hoạt động. Đoàn có Đại Ban lãnh đạo tại Tòa Thánh và có hệ thống các Tiểu Ban đến các Thánh thất, nhằm đào tạo một lớp thanh niên có tâm hạnh đức tài, cũng là những người chúc sắc tương lai cho Đại Đạo. Tiếc là sau một thời gian ngắn Đạo bị Pháp khủng bố cấm đoán nên Đoàn không còn công khai hoạt động, nhưng nhiều đoàn viên đã được đào tạo, sau này trở thành những chúc sắc của Hội Thánh Minh Chơn Đạo.

Năm 1937, Ngài cùng cụ Trần Đạo Quang vâng lệnh Ôn Trên ra hỗ trợ cho việc mở mang mỗi Đạo ở Trung Kỳ.

Những bước đường hành đạo nêu trên chỉ mới là bước khởi đầu của một hành trình dẫn thân. Sứ mạng của Ngài không đơn giản là chỉ tu hành, hành đạo trong phạm vi tôn giáo. Vâng lệnh Đức Chí Tôn Từ Phụ, Ngài phải gánh vác những vai trò khá nặng nề và hết sức phức tạp. Sứ mạng của Ngài gắn liền với hoàn cảnh lịch sử đất nước lúc bấy giờ.

Nhà nghiên cứu Trần Bạch Đằng viết về Ngài như sau:

“Cao Triều Phát... Ông là một nhà tôn giáo yêu nước,

rất chính xác; ông là một cán bộ cách mạng, hơn nữa là một đảng viên Cộng sản, hoàn toàn đúng và càng đúng luôn ông là một kẻ sĩ Nam bộ. Thế đấy, cái hào khí Nam bộ đã len vào từng mạch máu của ông. Ông là một con người đa năng. Một con người luôn cố gắng không mệt mỏi cho lợi ích của dân tộc, lợi ích của nhân dân.”

Từ năm 1945 đến 1954 là thời kỳ đất nước ta có chiến tranh. Hoàn cảnh lịch sử lúc đó diễn biến rất phức tạp. Ở Trên ban trao sứ mạng cho Ngài Cao Triều Phát không đơn thuần chỉ hành đạo, mà kết hợp đan xen việc đạo việc đời không tách rời; giống như trong Dịch lý: Âm Dương không tách rời nhau, luôn kết hợp nhau, đan xen, độn đẩy nhau mới tạo sự hài hòa cho vũ trụ vậy. Nhìn bên ngoài chỉ thấy Ngài làm những nhiệm vụ của người công dân kháng chiến cứu nước; nhưng suy trong tận cùng sâu thẳm, không có những động thái đó thì khó có thể điều dắt tín đồ Cao Đài hòa vào dòng chảy chung của lịch sử dân tộc và thoát khỏi vô vàn tai ách xảy đến khôn lường.

Hướng dẫn tín đồ Cao Đài Minh Chơn Đạo theo tiếng gọi thiêng liêng của tổ quốc, chống lại quân xâm lược Pháp.

Bị thực dân Pháp thống trị, dân Việt Nam chịu ách nô lệ 80 năm. Bảo vệ tổ quốc là nghĩa vụ đương nhiên của người con dân đất Việt

Năm 1946, Ngài Cao Triều Phát đáp lời sông núi, cùng tín hữu Cao Đài Minh Chơn Đạo lập Mặt Trận Giồng Bóm, quyết chiến đấu để bảo vệ đất nước và cũng là bảo vệ Đạo. Ngài được bầu làm Tổng chỉ huy Mặt Trận, thể hiện thân, gia đình, sự nghiệp cho tổ quốc non sông, cho Đạo.

Tuy với vũ khí thô sơ, lực lượng không tương xứng với địch, nhưng với ý chí kiên cường, quyết chiến đấu, đoàn quân áo trắng, từ Tổng chỉ huy đến chiến sĩ đều cạo đầu tuyên thệ hy sinh đến giọt máu cuối cùng. Trận Giồng Bóm là trận đánh lớn ở miền Tây Nam bộ trong công cuộc kháng chiến chống Pháp, là một đối trọng trong cán cân của thời kỳ lịch sử lúc bấy giờ, là dấu son lịch sử của đạo Cao Đài, là điểm tựa vững vàng giúp người tín hữu Cao Đài tự tin hòa nhập giữa lòng dân tộc với niềm tự hào về lòng yêu nước bất khuất của dòng giống Rồng Tiên.

## **CÔNG CUỘC THỐNG NHẤT NỀN ĐẠO**

Đại biểu của 12 phái Cao Đài ở 20 tỉnh thành (Nam bộ), đại diện cho 700.000 tín đồ trong vùng kháng chiến đã tổ chức Đại Hội Nhơn Sanh bầu ra Hội Thánh Duy Nhất Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Hội Cao Đài Cứu Quốc 12 phái Thống Nhất do Ngài Cao Triều Phát làm Chủ tịch vừa dìu dắt tín đồ tu tập theo con đường chân chính

của Đức Thượng Đế, vừa làm nghĩa vụ công dân trong thời đất nước ly loạn.

Ngài đề ra khẩu hiệu: “Cứu nước là cứu Đạo”, “Kháng chiến là hành Đạo”, “Bàn thờ tôn giáo có nhiều, bàn thờ tổ quốc chỉ có một”, được đông đảo chức sắc và tín đồ Cao Đài 12 phái nhiệt liệt hưởng ứng. Người tín đồ Cao Đài đã có một đoàn thể cứu quốc cũng như các tôn giáo khác. Ngài Cao Triều Phát được Đại Hội Nhơn Sanh công cử bầu làm Chương Quản Cửu Trùng Đài Hội Thánh Duy Nhất Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Năm 1954, một nửa đất nước Việt Nam được giải phóng. Hội Cao Đài Cứu Quốc 12 phái Thống Nhất đã hoàn thành sứ mạng lịch sử. Đất nước ta tạm chia làm hai miền. Ở miền Nam, các Hội Thánh tạm thời trở về với danh xưng của Hội Thánh cũ, nhưng vẫn giữ mối liên giao hợp pháp trong quá trình hành đạo. Ở miền Bắc, từ trước năm 1954 đã có hai phái Cao Đài, là Ban Chính Đạo và Tây Ninh. Ngài Cao Triều Phát tập kết ra Bắc, đã hướng dẫn hợp nhất hai phái với danh xưng là Hội Thánh Duy Nhất Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ hướng dẫn tín đồ tu hành và góp phần xây dựng xã hội mới.

Sau khi Ngài liễu đạo, miền Bắc thành lập Ban Liên Hiệp Cao Đài. Lịch sử đã sang trang, đáng tiếc tâm nguyện thống

nhút nền đạo của Ngài chưa thực hiện được thì Ngài đã ra đi về cõi vĩnh hằng.

## THAY LỜI KẾT

Ngài Cao Triều Phát là hình tượng tiêu biểu của người môn đệ trung kiên của Đức Cao Đài, sẵn sàng hy sinh dâng hiến đời mình cho lý tưởng Đại Đạo, và đã hoàn thành được sứ mạng

thiên liêng trên cả hai mặt nhân sinh và tâm linh.

Ngài đã chứng tỏ: “là một con người luôn cố gắng không mệt mỏi cho lợi ích dân tộc, lợi ích nhân dân” như lời nhà nghiên cứu Trần Bạch Đằng đã viết; hay như nhận xét của nhà Sử đạo Huệ Nhẫn:

“... Cuộc đời Ngài Cao Triều Phát luôn hướng vào những

việc làm căn bản có ích lợi cho dân, cho Đạo, lại có tính hòa hợp đại đồng. Toàn là những công việc có ý thức trách nhiệm cao với Đạo với xã hội.”

Nhân kỷ niệm ngày sinh của Ngài, 18-3 Kỷ Sửu (1889) đến 18-3 Canh Dần (2010), xin thắp một nén tâm hương tưởng nhớ đến một con người suốt cuộc đời đã vì Đạo quên mình.■

## THÁNH GIÁO

Bản Đạo muốn lưu ý toàn thể rằng: mình muốn người khác thương mình, trước phải tự mình thương người đã. Đừng ngồi một chỗ kêu gọi thiên hạ đến với mình, mà phải bản thân mình đến với thiên hạ trước đã. Đừng bảo hoặc yêu cầu ai thương mình, nếu trong khi đó mình thiếu tác phong cử chỉ hành động đối với họ. Đừng sợ người ta không thương mình, chỉ e tại mình thiếu tác phong nhân cách phẩm hạnh đạo đức để được xứng đáng cho người ta thương mà thôi. Đừng sợ không ai hợp tác với mình, chỉ ngại mình không có nhiệt tình muốn hợp tác với người ta. Cũng như đừng sợ phí kiếp tu hành mà không đắc đạo, chỉ ngại cho mình không thiết tha hành đạo lập công bồi đức và tu học mà thôi. • ĐỨC HIỆP THIÊN ĐẠI ĐẾ, NAM THÀNH THÁNH THẤT, 15-02 KỶ DẬU, 01-4-1969.■

# Từ luật Cảm Ứng đến... (TIẾP THEO TRANG 12)

rõ sự dung thông, thể nhập của con người và vũ trụ rằng:

*Con người với thể xác và tâm linh toàn vẹn cấu kết, đều bị sự chi phối của vũ trụ. Những biến chuyển trong tâm linh con người, cũng như mọi sinh hoạt, hành động của thể xác, đều làm di động đến vũ trụ.*

*Ngược lại, đại thể vũ trụ vẫn thường xuyên huy tác trên mọi cá thể của con người. Đại thể vũ trụ luôn luôn đi liền bên con người đang sinh trên hoàn cảnh của vũ trụ.*<sup>21</sup>

## KẾT LUẬN

Thế cho nên, thánh ngôn nói tinh hoa của Đức Thái Thượng Lão Quân là luật cảm ứng, tức ám

chỉ nó vừa bao hàm mục đích khuyến thiện trừ ác, hoàn thiện hóa con người (Chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành) để tạo ra sự cảm ứng hộ trì của thần minh trong đời sống phúc đức tại thế gian, vừa là điều kiện hòa nhập vào bản thể vũ trụ, thực hành Thiên đạo, lãnh mạng Trời cứu độ chúng sanh, tức là đạo xuất thế.

Đó là giáo thuyết căn bản để lập thành thể “Thiên nhân hiệp nhất” hành đạo đại thừa trong luật cảm ứng là nguyên lý sinh động của cơ tiến hóa không ngừng của vũ trụ vạn vật.

*Di chúc ngàn năm để lại rồi,  
Lạc Hồng Viêm Việt chúng dân ôi!  
Thiên nhân tác hợp cần khôn định,  
Tôn chỉ Cao Đài chỉ thế thôi!*<sup>22</sup>■

21. Minh Lý Đạo, Tiết II: Vũ trụ và con người, Mục 2: Sự chi phối của vũ trụ vào con người.

22. Đức Di Lạc Thiên Tôn, Trúc Lâm Thiển Điện, 17-7 Tân Hợi (06-9-1971).

# TIẾN HÓA – GIA TỘC TIẾN HÓA

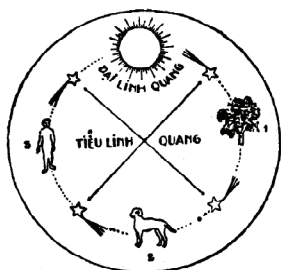
■ NGÔ NHỰT QUANG

Theo giáo lý Đại Đạo thì con người cũng như vạn hữu chúng sanh, đều do Thượng Đế tạo dựng và ban cho một điểm Linh Quang, còn gọi là Thiên tánh. Con người có mặt nơi cõi trần này là để phát triển cái Thiên tánh để thực hiện công cuộc tiến hóa. Sự phát triển này nhanh hay chậm còn tùy thuộc vào căn cơ và sự cố gắng của mỗi cá thể, nên chúng ta thấy trên trường tiến hoá của chúng sanh có nhiều trình độ khác nhau. Sự phát triển này không thể trong một kiếp nhân sinh ngắn ngủi mà đạt được sự hoàn thiện, mà phải trải qua nhiều kiếp mới có được.

Vòng xoay chuyển này làm thành sự tiến hoá của chúng sanh trong đó có con người, đó là điểm quan trọng trong nhân sinh quan của Cao Đài giáo. Bản chất sự–sống–tiến–hoá–hướng–thượng này của chúng sanh, trong đó có loài người, như một bánh xe luôn lăn tới, có nhịp độ điều hoà. Tất cả chúng sanh dù muốn hay không cũng phải nằm trong quỹ đạo của nó, nếu không chịu thích nghi thì sẽ bị đào thải.

Do đó, tiến hóa là con đường chúng sanh phải đi, nhưng đi như thế nào, chủ động hay bị động, đó là vấn đề sẽ được bàn đến.

## THUYẾT TIẾN HÓA CAO ĐÀI



Sơ đồ nhưn, vật tiến hóa

Định nghĩa: tiến hoá là sự biến đổi có kế thừa

dẫn đến hoàn thiện trạng thái ban đầu, đưa chủ thể tới sự hoàn hảo.

Một cách định nghĩa khác, tiến hoá là sự thăng hoa về mặt tâm linh, là sự trở về với Thượng Đế. Tiến hóa là Thánh hóa.

Theo giáo lý Đại Đạo, một bản thể Đại Linh Quang là nguồn gốc phóng phát vô số Tiểu Linh Quang đồng thể, là những chủ thể của cơ tiến hóa. Theo sơ đồ trên, song song với sự hoàn thiện về thể xác, thì điểm Tiểu Linh Quang cũng tiến hoá không ngừng, từ kim thạch đến thảo mộc... đến phẩm vị con người phải luân hồi chuyển kiếp không biết bao nhiêu lần, và bao nhiêu triệu triệu lần thay hình đổi xác.

Chiều tiến hoá từ kim thạch, thảo mộc, thú cầm đến con người là sự tiến hoá tự nhiên do bản năng Trời phú. Khi đạt được phẩm vị con người, có đủ tam hồn thất phách, điểm Linh Quang sáng suốt tinh hoa, và có đủ quyền năng tự giải thoát. Khi đó con người là một chủ thể có ý thức, tự do, trách nhiệm, có thể quyết định số phận của mình là tiến hoá lên những phẩm vị cao hơn (Thần, Thánh, Tiên, Phật) hay thoái hoá xuống những đẳng cấp thấp hơn.

Luật tiến hóa của vạn vật trong vũ trụ được Đức Thượng Đế dạy trong kinh Đại Thừa Chơn Giáo như sau:

*Người là gốc muôn vật, muôn vật là ngọn của loài người, mà trời đất là gốc của loài người, người là ngọn của trời đất.*

*Luật tấn hóa của thảo mộc, thú cầm, nhơn loại, nó từ từ tăng tiến mãi, nhưng cũng có thoái hóa vậy.*

*Các con nghe: Như loài thảo mộc cũng có thọ nơi Thầy một điểm nguyên hồn. Nó cũng sống, nhưng trí hóa khờ ngây.*



*Các con coi đó, từ thảo mộc bắt đầu lên cho chí loài người có ba cái phép:*

- 1. Như thảo mộc thì cái gốc trở xuống, ngọn day lên (gốc là đầu, ngọn là chơn).*
- 2. Rồi nó tấn hóa đến bực thú cầm thì cái đầu, cái đuôi ngang nhau.*
- 3. Thú cầm qua nhơn loại thì cái đầu trở lên trên, cái chơn xuống dưới.*

*Vậy từ thảo mộc có một phần hồn. Thảo mộc tấn hóa mãi, muôn vạn kiếp mới bước sang qua thú cầm thì từ thú cầm đãặng hai phần hồn. Thú cầm mới dần dần tấn hóa mãi, trăm, ngàn, muôn kiếp lên đặng làm người thiệt là trăm đặng ngàn cay, muôn thâm vạn sâu, biết bao nhiêu là công phu khổ hạnh, xả thân giúp đời một cách khó khăn cực nhọc, nhưng cũng vui lòng, mãn kiếp nọ sang kiếp kia, cứ lập công quả mãi.*

*Vạn vạn muôn lần đầu thai mới qua đặng phẩm bực loài người. Khi tấn hóa đến loài người đã đủ trọn tam hồn thất phách. (...)*

*Sự tấn hóa từ con thú đến làm người còn dễ, chớ người tấn hóa đến Tiên, Phật thật khó thay, vì con người cả mang lòng dục vọng, ham muốn, ưa chuộng tửu, sắc, tài, khí, lưu luyến tình đời, dâm dục quá độ, hung bạo không ngăn thì phải chịu thoái hóa trở lộn xuống mang lông đội sừng mà đến bồi tội quả.<sup>1</sup>*

## KHẢO SÁT GIA TỐC TIẾN HÓA

Nói đến gia tốc, ta thường nghĩ ngay đến việc tăng tốc, nhưng trong phạm vi bài viết này, chúng ta quy ước gia tốc  $a$  như một đại lượng vật lý đặc trưng cho độ biến thiên (độ thay đổi – độ tăng giảm) vận tốc.

Độ lớn gia tốc  $a$ :

$$a = (v_2 - v_1) / (t_2 - t_1) = dv/dt$$

$v$ : vận tốc

$a=0$ : vật không thay đổi vận tốc

$a>0$ : nếu vật tăng tốc

$a<0$ : nếu vật giảm tốc

Theo thuyết tiến hóa Cao Đài, trong quá trình

tiến hóa từ kim thạch đến thảo mộc, ... đến con người, đó là sự tiến hóa tự nhiên. Mỗi chủ thể trong cơ tiến hóa đều được cung cấp một vận tốc ban đầu ( $v_0$ ) như nhau, đó chính là tự thể Tiểu Linh Quang. Các chủ thể trong cơ tiến hóa luôn chuyển động với vận tốc không đổi này cho đến khi đạt phẩm vị con người.

Khi chủ thể tiến hóa đến phẩm vị con người thì có thể đẩy nhanh quá trình tiến hóa (tăng tốc,  $a>0$ ), sa đọa (giảm tốc,  $a<0$ ) hoặc tiến hóa từ từ qua 72 quả địa cầu, 3000 thế giới, tứ đại bộ châu, tam thập lục thiên... ( $a=0$ ). Sở dĩ như vậy là vì con người là loài duy nhất trong vạn vật đạt thành cấu thể của một tiểu vũ trụ hay tiểu thiên địa:

*Người gọi là tiểu thiên địa đó,  
Người với Trời nào có khác chi,  
Hễ Trời có những món gì,  
Người người đều cũng đủ y như Trời.<sup>2</sup>*

Vậy, con người có cơ nguyên vận động nội tại hoàn bị nhất của Thái Cực. Do đó con người có một khả năng đặc biệt là cảm ứng cùng Trời để vận động huyền đồng cùng Tạo Hóa.

Đặc biệt trong thời Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Thượng Đế đã ban cho con người một đặc ân, hay một cơ hội gia tốc hi hữu, đó là con đường tu tắt, dụng công phu luyện Đạo mà trở về với Đức Thượng Đế một cách nhanh chóng nhất.

*Ít nữa con người phải đầu thai trăm ngàn lần, công phu khổ hạnh mới đặng bỏ địa cầu này đến địa cầu khác, khó nhọc biết bao, chuyển kiếp đi vòng quanh mãi, trong tam thiên thế giới, tứ đại bộ châu, thất thập nhị địa, tam thập lục thiên. Đúng ba ngàn sợ không có chí, khó nhập vào Thiên môn Phật cảnh đặng, chỉ cho bằng tu tắt là thọ bí pháp luyện tiên đơn, ấy là cái thang phép mầu vi vượt cảnh hay là cái bửu phan để rước linh hồn. Các con khá tìm hiểu lời Thầy nói đó.<sup>3</sup>*

## Các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình gia tốc

2. Đại Thừa Chơn Giáo, bài “Thiên Bàn”.

3. Đại Thừa Chơn Giáo, bài “Nhơn vật tấn hóa”.

1. Đại Thừa Chơn Giáo, bài “Nhơn vật tấn hóa”.

Trong hệ quy chiếu phi quán tính, nếu một vật chuyển động có gia tốc thì chịu tác dụng của lực quán tính.

Nghĩa là lực quán tính sẽ kéo vật lại ngược chiều với gia tốc.

Thí dụ: Một chiếc xe máy chở một người đang chạy với tốc độ chậm là 5km/h, đột nhiên xe tăng tốc và đạt tốc độ 50km/h trong vòng tích tắc 5 giây, thì ta thấy hiện tượng xe lao về phía trước, và có một lực kéo người ngược về phía sau rất mạnh. Đó chính là lực quán tính. Xe tăng tốc càng nhanh, lực kéo này càng lớn và người ngồi sau bất cẩn sẽ rơi khỏi xe lập tức.

Do đó để giảm lực quán tính (lực ì) có 2 cách:

- Giảm khối lượng m:

m: ví dụ thói quen hiện tại, nghiệp lực tiền khiên và hiện tại.

Để giảm m thì phải có ý chí và nghị lực để thay đổi những thói quen hiện tại, chiến thắng sự lười nhác của bản thân. Đồng thời phải đắp nền tảng công quả đền bồi nợ trước, luyện kỹ và sám hối trước khi gia tốc.

- Tránh gia tốc a lớn:

Tránh tăng tốc quá nhanh. Trước hết, chúng ta phải xác định được vận tốc hiện tại của mình, tức là xác định trình độ của mình. Điều này phụ thuộc vào quá trình tu tập hiện tại, cũng như căn cơ tiền kiếp, để rồi mình có thể chọn một con đường tu học, đường lối hành đạo vừa sức cố gắng của mình, phù hợp với trình độ của mình khỏi lâm vào tình trạng tăng tốc quá nhanh, dục tốc bất đạt. Nghĩa là con đường tu phải do mình tự nguyện, tự chủ chứ không vì sự rủ rê hay theo phong trào, mỗi người phải tự biết mình. Và như vậy chúng ta càng không thể chủ quan áp đặt vận tốc hiện tại của mình lên người khác rồi bắt ai cũng giống như mình.

Trong Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Chí Tôn cho chúng ta một cơ hội gia tốc thần tốc, nhưng Ngài cũng chia ra thành 5 bước gia tốc nhỏ hơn từ Nhơn đạo, Thần đạo, Thánh đạo, Tiên đạo, Phật đạo, để tùy trình độ căn cơ mà bước lần trên con đường tiến hóa một cách vững vàng,

mà cũng là để đáp ứng cho mọi trình độ tiến hóa.

Riêng đối với những người đã sớm biết chọn con đường đạo đức cao siêu hầu tự cứu độ bản thân và góp tay vào công cuộc tận độ của Đức Thượng Đế, tức là đã đặt lên vai mình Sứ Mạng Đại Thừa, đã tạo cho mình một bước gia tốc thật lớn thì đương nhiên gặp những trở ngại không nhỏ. Một con tàu vũ trụ muốn thắng lực hấp dẫn của Trái Đất để bay vào không gian, phải tiêu tán một nguồn năng lượng cực lớn để đạt được một gia tốc đối kháng với gia tốc trọng trường g và đạt được một vận tốc cần thiết.<sup>4</sup> Nguồn năng lượng đó là gì? Là nghị lực, nhiệt huyết, ý chí, đức tin và lý tưởng của sức trẻ. Những ai muốn rút ngắn lộ trình tiến hóa thì phải khai thác triệt để nguồn năng lượng dồi dào của tuổi trẻ trong kỳ ba hi hữu này. Và nguồn năng lượng đó phải được bổ sung không ngừng từ nguồn năng lượng vô tận của Vũ Trụ dưới dạng công năng tịnh định. Và trong quá trình chuyển động đó, con tàu vũ trụ phải nhả các khoang không cần thiết về trái đất để giảm khối lượng, thì người hành giả cũng phải bỏ tất cả những hành lý hữu hình giả tạm: nhà của ta, tài sản của ta,... vượt thoát mọi câu thúc của vật dục sở tể, của xác thân huyết nhục, từ hữu vi trở lại vô vi – vốn là gốc của con người. Chân lý đó, Đức Lão Tử đã nhắc đến trong Đạo Đức Kinh: “Vi học nhật ích, vi Đạo nhật tổn. Tổn chi hựu tổn, dĩ chí ư vô vi.” Nghĩa là: Theo học [hiểu theo nghĩa thường] thì mỗi ngày [dục vọng và tinh thần hữu vi] một tăng; theo đạo thì mỗi ngày [dục vọng và tinh thần hữu vi] một giảm. Giảm rồi lại giảm cho tới mức vô vi.

## KẾT LUẬN

Tóm lại, sự tiến hoá là con đường Thượng Đế đã

---

4. Vận tốc cần thiết đạt được là vận tốc vũ trụ cấp 2 hay vận tốc thoát ly, là giá trị vận tốc tối thiểu một vật thể cần có để có thể thoát ra khỏi trường hấp dẫn của một hành tinh.

(XEM TIẾP TRANG 99)

# MỌI CHÚNG SANH ĐỀU BÌNH ĐẲNG

■ NGUYỄN THỊ KIM NGÂN



Phật giáo có một lịch sử trên hai ngàn năm, được truyền bá đến rất nhiều nước trên thế giới. Qua mỗi thời đại, Phật giáo tùy theo tình trạng xã hội của mỗi địa phương mà có ít nhiều biến thái về bản sắc. Vì thế, muốn nói đến điểm xuất phát của đạo Phật, không thể không đi sâu vào bối cảnh lịch sử của Ấn Độ thời bấy giờ.

Thuở xưa, dân tộc Ấn Độ rất cung kính thần linh, tôn trọng nghi thức cúng tế. Lúc đầu, họ đặt ra người Gia trưởng, hoặc Tộc trưởng, để giữ việc tế lễ, gọi là chúc Ty tế. Dần dần, chúc Ty tế này trở thành việc chuyên môn, nên được thay thế bằng các tăng lữ. Mặc khác, vì theo đà tiến triển của xã hội, lại phát sinh ra bốn chúc nghiệp: Sĩ, Nông, Công, Thương. Các nghề nghiệp này dần dần được giai cấp hóa, mỗi ngày thêm chặt chẽ và phân ra thành 4 giai cấp cơ bản:

- Giai cấp Bà la môn (Brahmana) là giai cấp cao quý nhất trong xã hội. Những người trong giai cấp này phần lớn là những giáo sĩ thông hiểu kinh Vệ Đà, biết đọc kinh, biết cúng tế,

có thể tiếp xúc với thần linh. Khi Phạm Thiên tạo ra loài người thì Bà la môn được sinh ra từ miệng Ngài.

- Những người thuộc giai cấp Sát đế lợi (Ksatriya) là những người có quyền bính chính trị và quân sự, họ đã được sinh ra từ hai tay của Phạm Thiên.
- Những người thuộc giai cấp Phệ xà (Vaisya) là những người trong giới buôn bán, trồng tía, chăn nuôi và tiểu công nghệ, họ đã được sinh ra từ bắp đùi của Phạm Thiên.
- Còn những người thuộc giai cấp Thủ đà (sudra) là những người đã sinh ra từ hai bàn chân của Phạm Thiên. Họ thuộc về giai cấp nghèo nhất, phải làm những nghề cực nhọc mà người trong ba giai cấp trên không làm.

Giai cấp Thủ đà là giai cấp thấp nhất rồi mà trong xã hội thời bấy giờ lại còn có một tình trạng thấp kém hơn nữa. Đó là hạng ngoại cấp, nghĩa là không thuộc vào giai cấp nào cả. Những người hạng ngoại cấp phải làm nhà ở một khu riêng biệt



bên ngoài làng. Nghề nghiệp của họ chỉ là những nghề nghiệp thấp kém như đổ phân, đắp đường, nuôi heo, giữ trâu, cày ruộng. Ai sinh ra ở giai cấp nào thì phải chấp nhận hoàn cảnh của mình. Thần linh và kinh điển cũng đã dạy như vậy.

Những người thuộc giới ngoại cấp nếu lỡ lầm đụng phải một người thuộc giai cấp cao thì có thể bị trừng phạt nặng. Đã có người bị đánh bầm tím thân thể vì đã lỡ tay đụng nhầm một người Bà la môn. Lỡ tay đụng phải một người Bà la môn hay một người Sát đế lợi tức là làm ô nhiễm người ấy, và người ấy phải về ăn chay, nằm đất và sám hối nhiều tuần lễ mới được trong sạch trở lại.

Con vật còn có may mắn hơn cả những người hạng ngoại cấp. Một người Bà la môn có thể đụng tới con vật đó mà không bị ô uế, nhưng nếu người ấy đụng nhầm người ngoại cấp là ông ta phải về sám hối cả hai ba tuần lễ.

Giáo lý Phật ra đời như là một cuộc đại cách mạng đã phá tan sự phân biệt giai cấp rất khắc nghiệt đó. Đức Phật dạy rằng: “Mọi người đối trước chân lý đều bình đẳng, không có giai cấp trong con người, khi mồ hôi cùng mặn, dòng máu cùng đỏ”. Đó là ý thức hệ vô cùng nhân bản, đánh tan mọi quan niệm sai lầm của xã hội Ấn Độ thời ấy. Đức Phật đã đem ánh sáng bình đẳng soi rọi vào lòng xã hội, hoàn toàn không phân biệt giai cấp hay sắc tộc, mọi người biết tu tập, mọi người biết hướng thiện thì đều được an lạc.

Diễn hình là câu chuyện về Tu Ni Đà – người đệ tử đầu tiên của Đức Phật thuộc về giới ngoại cấp.

Sau mùa an cư, Phật và giáo đoàn chia nhau đi hành hóa tại các vùng lân cận ở thủ đô Xá Vệ. Số người được tiếp xúc với Phật và với giáo đoàn càng ngày càng đông. Một hôm nọ, trong khi đi khất thực ở một xóm ven đô nằm bên tả ngạn sông Hằng, Phật gặp một người gánh phân. Người này thuộc về giai cấp hạ tiện. Anh tên là Tu Ni Đà. Tu Ni Đà đã từng nghe nói về Phật và giáo đoàn khất sĩ, nhưng đây là lần đầu tiên anh được trông thấy Phật và giáo đoàn. Tu Ni Đà lúng túng. Anh biết anh đang ăn mặc dơ

dáy, người anh hôi hám và trên vai anh đang gánh một gánh phân người. Tu Ni Đà vội vã tránh đường và tìm lối đi xuống bờ sông, nhưng từ xa Phật đã trông thấy Tu Ni Đà. Người quyết tâm độ người gánh phân này.

Thấy Tu Ni Đà tìm lối đi xuống bờ sông, Người cũng tìm lối đi xuống bờ sông để đón đường chàng. Thấy Phật làm như thế, thấy Xá Lợi Phất cũng bỏ hàng ngũ của mình đi theo Phật. Thấy Meghiuya, thị giả của Phật thấy thế cũng bước theo đại đức Xá Lợi Phất. Tất cả các vị khất sĩ khác tuy vẫn còn đứng trong hàng ngũ, nhưng đều nhất loạt dừng lại im lặng quan sát.

Tu Ni Đà luống cuống. Chàng đặt gánh phân xuống, dáo dác nhìn. Phía trên đường thì các vị khất sĩ áo cà sa vàng rực đang đứng đầy cả đường, phía dưới này thì Phật và hai vị khất sĩ đang tiến tới và đi về phía mình. Chẳng biết làm sao, Tu Ni Đà liền lội xuống nước, đứng chấp hai tay lại.

Lúc bấy giờ, từ dãy nhà bên sông, dân chúng đã đổ ra đứng nhìn khá nhiều. Từ già trẻ trai gái, không ai biết chuyện đang xảy ra, Tu Ni Đà vì sợ làm ô uế giáo đoàn đã tìm cách tránh xuống bờ nước, nhưng chàng đã bị Phật chặn đường. Chàng nghĩ giáo đoàn này gồm toàn các giới quý phái và làm ô uế giáo đoàn là một tội rất lớn không thể nào tha thứ được. Tuy chàng đã lội xuống sông, nước ngập tới đầu gối, nhưng gánh phân của chàng vẫn còn để phía trên bờ nước. Chàng hy vọng Phật và hai vị khất sĩ vì thế mà trở lên phía đường trên trở lại.

Nhưng Phật không trở lên, Người đi tới bờ nước và nói với chàng:

– Này anh bạn, anh lên trên này để chúng tôi nói chuyện.

Tu Ni Đà chấp hai tay vái lia lịa:

– Bạch Đại đức, con không dám! Bạch Đại đức, con không dám!

– Tại sao? Phật dịu dàng hỏi.

– Con là người thuộc giai cấp hạ tiện, con sợ làm ô uế Ngài và giáo đoàn của Ngài.

Phật ôn tồn:



– Chúng tôi đã đi tu rồi, chúng tôi không còn phân biệt giai cấp. Bạn cũng là người như tất cả chúng tôi. Chúng tôi không sợ bị ô uế đâu. Chỉ có tham dục, sân hận, và si mê mới làm ô uế được chúng ta, chứ một con người dễ thương như bạn thì chỉ cho chúng tôi thêm niềm vui mà thôi. Bạn tên là gì?

– Bạch ngài, con tên là Tu Ni Đà.

– Tu Ni Đà, bạn có muốn xuất gia làm khất sĩ như chúng tôi không?

– Con không dám.

– Tại sao bạn không dám?

– Tại vì con thuộc giới hạ tiện ngoại cấp.

– Tôi đã nói người đi tu không còn phân biệt giai cấp. Tu Ni Đà! Trong đạo lý tinh thức và trong giáo đoàn khất sĩ, không có sự phân biệt giai cấp. Bạn hãy nghe đây. Nước trong các dòng sông như sông Ganga, sông Yamuno, sông Actravati, sông Sarabhu, sông Mahi, sông Rohini, v.v. một khi đã chảy ra biển cả rồi thì đều trở nên biển cả mà không còn giữ lại cá tính và danh hiệu riêng biệt của mình. Cũng như vậy, người đi xuất gia dù xuất thân từ giới quyền quý Sát đế lợi (Ksatriya) hoặc giới Bà la môn (Brahmana), hoặc các giới Phệ xà (Vaisya) và Thủ đà (Sudra), hoặc không thuộc giai cấp nào, khi đã vào trong giáo đoàn để tu học theo đạo lý tinh thức thì đều phải từ bỏ giai cấp và chủng tộc của mình để trở nên một người khất sĩ. Tu Ni Đà, nếu bạn muốn, bạn có thể trở thành một vị khất sĩ như chúng tôi.

Tu Ni Đà hân hoan vô cùng, chàng chấp hai tay trên trán, thưa:

– Lạy Phật, chưa có ai nói với con một lời dễ thương như lời Người đã nói. Ngày hôm nay là ngày hạnh phúc nhất của đời con. Con sẽ rất sung sướng nếu Phật cho con dự vào hàng ngũ những người xuất gia trong đạo lý của Người. Nếu Phật chấp nhận con, con sẽ đem hết lòng thành để theo Người!

Phật trao bình bát cho thầy Meghiya. Người bước xuống bờ hồ và đưa tay cho Tu Ni Đà bảo chàng nắm lấy. Rồi người bảo thầy Xá Lợi Phất:

– Xá Lợi Phất! Thầy giúp tôi một tay. Chúng ta tắm gội sạch sẽ cho Tu Ni Đà và cho Tu Ni Đà xuất gia ngay tại đây, trên bờ nước này.

Đại đức Xá Lợi Phất mỉm cười. Thầy đặt bình bát của thầy trên bờ sông và bước xuống giúp Phật. Tu Ni Đà không cảm thấy thoải mái lắm khi được Phật và thầy Xá Lợi Phất kỳ cọ và tắm rửa, nhưng chàng không dám làm phật lòng hai người. Phật bảo thầy thị giả lên tìm đại đức Ananda để xin một chiếc y khoác ngoài, và người làm lễ xuất gia cho Tu Ni Đà ngay trên bờ sông. Làm lễ xuất gia xong, Tu Ni Đà được giao cho đại đức Xá Lợi Phất. Đại đức đưa vị khất sĩ mới về tu viện Kỳ Viên, trong khi Phật và giáo đoàn tiếp tục trên con đường khất thực.

Tất cả những gì xảy ra bên bờ sông hôm ấy dần dần địa phương đều đã được chứng kiến. Tin Phật thân nhận Tu Ni Đà, một người làm nghề hốt phân, một người thuộc giai cấp hạ tiện, vào trong giáo đoàn khất sĩ bắt đầu được loan truyền các giới ở thủ đô, nhất là giới tôn giáo, và đã gây xúc động lớn. Chưa bao giờ ở vương quốc Câu Tát La (Kosala) này mà một người trong giới ngoại cấp như Tu Ni Đà lại được đón nhận và đưa vào hàng ngũ của những nhà lãnh đạo tinh thần. Có những người lên án Phật, cho rằng sa môn Cổ Đàm bất chấp truyền thống và tập tục xã hội. Có người đi xa hơn, cho là Phật có ý gây đảo lộn trật tự xã hội với mục đích phá rối sự trị an trong nước.

Những bàn tán xôn xao này được vọng về tu viện Kỳ Viên do các giới nam nữ cư sĩ cũng có mà do các vị khất sĩ về thuật lại cũng có. Các vị đại đức lớn như Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên, Ma Ha Ca Diếp và A Nậu Lô Đà đã tìm cơ hội gặp Phật để bàn về cách đối trị lại những phản ứng của các giới ở thủ đô về vụ khất sĩ Tu Ni Đà. Phật bảo các thầy:

– Quý vị biết rằng sớm muộn gì chúng ta cũng phải chấp nhận vào giáo đoàn những thiện nam nữ trong giới ngoại cấp, bởi vì giáo nghĩa của chúng ta là giáo nghĩa bình đẳng, không chấp nhận được sự phân chia giai cấp. Ta đã

gặp khó khăn bây giờ, nhưng nếu ta vượt thắng được thì ta sẽ mở được cánh cửa chưa từng được mở ra trong lịch sử, và các thế hệ mai sau này sẽ được thừa hưởng công đức. Chúng ta phải có can đảm.

Đức Phật là một trong những nhà cải cách xã hội tiền phong đã dùng cảm thuyết giảng sự bình đẳng giữa con người và con người trong xã hội, và chỉ dạy rằng mọi sự phân chia giai cấp là hoàn toàn sai lầm. Vì vậy, giáo lý của Đức Phật đã mang lại một cuộc cách mạng xã hội toàn diện cho quốc gia Ấn Độ đầy giai cấp bất công, cũng như trên toàn thế giới.

Trong đạo lý giải thoát, không có sự phân biệt giai cấp. Trước con mắt người Giác Ngộ, tất cả mọi chúng sinh đều bình đẳng. Máu ai cũng đỏ, nước mắt ai cũng mặn, tất cả chúng ta đều là con người. Ta phải tìm cách để mọi người có cơ hội như nhau và vươn lên thực hiện hoài bão của mình cũng như hoàn thành sứ mạng vi nhân của mình. Vì vậy, trong nhiều bài pháp thoại của Phật luôn nhắc đến điều này. Phổ biến nhất là bài Kinh Phật Thuyết Chăn Trâu.

Sau bữa cơm trưa ăn trong quán niệm, các vị khất sĩ lặng lẽ đi rửa bát của mình và đem trái tọa cụ ngoài trời ngồi quây quần quanh Phật. Tu viện Trúc Lâm có rất nhiều sóc. Chúng quanh quần bên các thầy, không có vẻ gì sợ hãi. Nhiều con sóc leo lên trên các thân tre, đưa mắt nhìn xuống. Không ai nói với ai lời nào, ai cũng đang theo dõi hơi thở trong khi chờ đợi Phật mở lời chỉ dạy.

Phật ngồi trên một chiếc chõng tre, cao hơn mọi người chừng vài gang tay để mọi người có thể nhìn thấy. Người đưa mắt nhìn đại chúng một cách từ hòa. Người cất tiếng:

– Hôm nay tôi muốn nói chuyện với đại chúng về việc chăn trâu, và thế nào là một em bé chăn trâu giỏi. Một em bé chăn trâu giỏi là một em bé có thể dễ dàng nhận ra được trâu của mình, biết hình tướng của mỗi con, biết cách cọ xát tắm rửa cho trâu, biết thương yêu trâu, biết tìm bến tốt để cho trâu qua sông, biết tìm chỗ có cỏ non

và nước uống cho trâu, biết bảo trì những vùng thả trâu và cuối cùng là biết để cho những con trâu lớn làm gương cho những con trâu nhỏ.

Ngừng một lát Phật tiếp, tiếng nói Người vừa rõ vừa trong. Tuy người chỉ nói giọng bình thường, tiếng của Người vẫn vọng ra rành mạch từng âm, không ai là không nghe thấy:

– Nay các vị khất sĩ! Một vị khất sĩ giỏi cũng phải làm tương tự như một em bé chăn trâu. Nếu em bé chăn trâu biết nhận ra được trâu của mình thì người xuất gia cũng phải biết nhận ra được những yếu tố tạo nên sắc thân của mình. Nếu em bé chăn trâu biết được hình tướng của mỗi con trâu trong đàn trâu của mình thì người xuất gia cũng phải thấy được những hành động nào của thân của miệng và của ý là những hành động đáng làm và những hành động nào là những hành động không đáng làm. Nếu một em bé chăn trâu biết cách cọ xát tắm rửa cho trâu thì người xuất gia cũng phải biết buông xả và gột rửa khỏi thân tâm những tham dục, si mê và hờn oán... Nếu em bé chăn trâu biết chăm sóc các vết thương của trâu thì người xuất gia cũng phải biết hộ trì sáu căn của mình là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý và để cho sáu đối tượng tức là sáu trần không thể lung lạc được mình. Nếu em bé chăn trâu biết cách đốt khói un trâu để trâu khỏi bị muỗi đốt thì người xuất gia cũng phải đem đạo lý giải thoát để dạy cho người chung quanh để họ tránh được những khổ đau dần vật trong thân tâm họ. Nếu em bé chăn trâu biết tìm đường đi an toàn cho trâu thì người xuất gia cũng phải biết tránh những con đường đưa tới danh lợi, sắc dục, quán rượu và hý trường. Nếu em bé chăn trâu biết thương yêu trâu thì người xuất gia cũng phải biết quý trọng những niềm an vui do thiện tập đưa tới. Nếu em bé chăn trâu biết tìm bến tốt cho trâu qua sông thì người xuất gia cũng phải biết nương vào diệu lý bốn sự thật để biết đến bến bờ. Nếu em bé chăn trâu biết tìm chỗ có cỏ non và nước uống cho trâu thì người xuất

(XEM TIẾP TRANG 79)



## ■ HỒ THỊ MỘNG TUYỀN

### NIẾT BÀN LÀ GÌ?

Kinh Niết Bàn dạy: “Các phiền não diệt gọi là Niết Bàn, xa lìa các pháp hữu vi cũng gọi là Niết Bàn.”

Hai chữ Niết Bàn gợi cho ta nhớ lại hình ảnh Đức Phật lúc còn tại tiền, Ngài thọ hưởng cảnh Niết Bàn ngay dưới cội cây Bồ Đề khi đã tận diệt hoàn toàn lòng vị kỷ, vọng tưởng, tham ái. Ngài đã đạt đến trạng

# TÌM CẢNH NIẾT BÀN

thái an định tuyệt đối không còn bị bốn tướng sanh, lão, bệnh, tử chi phối nữa. Đúng thật, Niết Bàn không xa nếu chúng ta sống một đời sống đạo đức, thuần lương, tâm luôn ở trạng thái thanh tịnh, nhẹ nhàng, thanh thoát, không bị chi phối bởi ngoại cảnh tác động. Vậy bất kỳ ai cũng có thể tìm thấy cảnh Niết Bàn nếu chúng ta thực hành đúng theo lời Phật dạy.

*Trong Kinh Tạp A-Hàm có viết:*

*Niết Bàn là gì hỡi đạo hữu?*

*Sự tận diệt tham, tận diệt sân, tận diệt si.*



*Đó, nảy đạo hữu, gọi là Niết Bàn.*

Lời Kinh thật giản dị, dễ hiểu, chỉ diệt tham, sân, si thì Niết Bàn sẽ thị hiện. Thoạt tiên, mới nghe qua thì thấy rất dễ nhưng khi bắt tay vào làm thì quả là khó biết bao! Vì chúng ta bị che lấp bởi những lớp màn vô minh dày đặc, sống trong cái khổ mà vẫn vui với cái khổ của mình. Ai cũng thương thân, quý thân, hết sức cố gắng chăm nom, săn sóc, trang điểm thân thể như vật rất quý. Nhưng tấm thân duyên dáng yêu kiều diễm lệ và khả ái này theo thời gian sẽ trở thành một gánh nặng của chúng ta.

Sau đây là một chuyện tích lý thú ngụ ý rằng cuộc đời và những lạc thú của cuộc đời chỉ là tạm bợ:

“Một chàng nọ lẫm lõi đi giữa một khu rừng mênh mông đầy chông gai và gành đá ngổn ngang. Bỗng nhiên anh chợt thấy sau lưng một thót tượng to tướng rảo bước đi về phía anh. Sợ hãi, anh đâm đầu chạy. Voi chạy theo. Đến trước một cái giếng cạn, anh định nhảy xuống để tránh voi. Nhưng nhìn xuống giếng anh thấy một con rắn độc nằm dưới đáy. Không còn cách nào khác nữa, anh đành đeo một sợi dây đầy chông gai, lòng thông trên miệng giếng. Tạm thoát khỏi nạn, anh ngửa mặt lên thì nhìn thấy hai con chuột, một đen một trắng, đang cặm cùi gặm sợi dây mà anh đang đeo. Lúc anh ngửa mặt lên thì từ một tổ ong phía trên, vài giọt mật rơi ngay vào miệng.

Anh chàng lấy làm vui mừng, lãng quên rằng mình đang sống trong một tình trạng bấp bênh và hết sức nguy hiểm, yên trí tận hưởng hương vị ngọt ngào của mật. Vừa lúc ấy có một người giàu lòng bi mẫn gọi anh và chỉ đường cho anh thoát nạn. Nhưng anh lễ độ xin người kia cảm phiền chờ một chút để anh hưởng hết giọt mật.”

Câu chuyện trên cho ta thấy khu rừng mênh mông và đầy chông gai là vòng luân hồi, trầm luân bể khổ. Đời sống của chúng ta không phải là một vườn hoa tươi đẹp mà đầy dẫy những cam go khổ não. Thế nên, ta phải cố gắng vượt qua bao nhiêu chướng ngại trong cuộc đời, chịu đựng bao nhiêu lời chỉ trích bất công, biết bao phiền não mang đến. Đó là những đoạn đường chông gai trong cuộc đời.

Thốt voi như báo hiệu cho ta thấy cái chết đang cận kề. Con rắn độc như tuổi già. Sợi dây đầy gai tượng trưng cho sự sống. Hai con chuột đen và trắng tượng trưng cho ngày và đêm, còn những giọt mật ngọt ngào là thú vui của đời sống. Và người giàu lòng bi mẫn, sẵn sàng chỉ lối thoát là Đức Phật.

Cái mà chúng ta cho là hạnh phúc trong đời sống chỉ là sự thỏa mãn của một vài điều mong mỏi. Mặc dầu cả đời phải chịu nhiều đau khổ nhưng khi gặp một điều gì đó may mắn mỉm cười với mình thì lập tức những cái đau khổ trước kia bị tan biến. Chỉ biết hiện tại là mình đang được hạnh phúc, đang sung sướng với cái mình đang có trong tay cho dù nó rất mỏng manh, mất còn lúc nào không biết được.

Vì thế ta nên phân biệt hạnh phúc Niết Bàn với hạnh phúc trần gian. Hạnh phúc Niết Bàn không đổi thay, không phai lạt, luôn trường tồn vĩnh cửu. Ngược lại, hạnh phúc tạm bợ thế gian chỉ là sự thỏa mãn của một vài tham vọng, rồi nó sẽ tan biến trong một thời gian ngắn.

Vậy muốn tìm thấy cảnh Niết Bàn thì phải diệt tham, sân, si, hằng giữ tâm thanh tịnh. Vì tâm mà được an định rồi thì mọi biến cố bên ngoài có đến ta cũng sẽ dễ dàng vượt qua. Lúc đó ta sẽ hưởng được cảnh Niết Bàn ở tại thế gian như lời các Đấng Thiêng Liêng đã dạy:

*Trừ tam độc tham sân si muội,  
Để nhẹ mình giong ruổi đường tu,  
Tham thiền nhập định công phu,  
Nuôi hồn dưỡng phách ôn nhu thanh nhàn.  
Tuy sống tại trần gian thể xác,  
Mà tâm hồn siêu thoát thành thời,  
Vui câu lạc đạo trong đời,  
Xác thân ở tục hồn chơi thiên đình.<sup>1</sup>  
Ở thế mà tâm chỗ nhiễm trần,  
Tránh điều si dục với tham sân.  
Tâm mà thanh tịnh, tiên rồi đó,  
Dầu chốn bụi hồng bao lấy thân.<sup>2</sup>■*

1. Đức Vạn Hạnh Thiền Sư, Minh Lý Thánh Hội, 19–9 Tân Hợi, 06–11–1971.

2. Đức Ngô Minh Đạo Nhơn, 1970.



# Tìm hiểu ý nghĩa danh xưng “Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ”

■ TRẦN NGỌC TÂM



Từ khi Đạo Cao Đài được Đức Chí Tôn khai mở vào năm 1926 với danh xưng Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, đã có không ít ý kiến cho rằng đây là một tôn giáo mới, được sinh ra từ sự tổng hợp các nền tôn giáo khác như Phật, Lão, Nho, Thiên Chúa ... và tự xưng là “Đại Đạo”. Nếu chỉ nhìn sơ lược vào cách thờ phượng, nghi lễ thì mọi người dường như đồng tình với nhận định trên. Tuy nhiên, nếu đi sâu vào tìm hiểu giáo lý, tư tưởng đích thực của Cao Đài, thì chúng ta sẽ hiểu nhận định trên là không hợp lý, bởi vì Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ được sinh ra theo quy luật tiến hóa tự nhiên của càn khôn vũ trụ và tình thương vô biên của Đức Thượng Đế. Với mục đích “Thế đạo đại đồng, Thiên đạo giải thoát”, Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ chỉ ra con đường xây dựng đời sống an lạc, thái hòa cho con người tại thế gian, đồng thời cứu độ nhơn sanh thoát

khỏi cơ tận diệt trong buổi cuối cùng Hạ nguơn mặt kiếp. Bài viết sau đây là một cố gắng cho thấy tầm quan trọng của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ trong thời đại văn minh hiện nay.

## Ý NGHĨA “ĐẠI ĐẠO”

Tất cả mọi sự vật trên trái đất này, cho dù nhỏ li ti như những tế bào mà mắt thường không nhìn thấy được cho đến sự vận hành lớn lao của càn khôn vũ trụ, đều phải chịu sự chi phối của Đạo. Chúng ta không nhìn thấy được Đạo, nhưng có thể cảm được vì Đạo chi phối mọi hoạt động, từ việc sinh sôi, phát triển rồi mất đi của tất cả sự vật ở thế gian. Tuy nhiên, trong danh xưng “Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ”, một cách cụ thể, Đại Đạo có ý nghĩa là con đường lớn, là chân lý dịu dặt con người tìm về hạnh phúc trường tồn, bất hư bất diệt.

Sự tiến bộ vượt bậc của con người đã dẫn dắt con người ngày càng thiên về hữu hình mà lãng quên phần tinh thần cốt lõi. Ngay cả trong lĩnh vực tôn giáo, con người cũng chuộng hình thức bên ngoài mà không tìm hiểu lý Đạo ẩn tàng nên con người dần dần chỉ nhìn thấy những sự khác biệt giữa tôn giáo này với tôn giáo kia mà không thấu hiểu tư tưởng tương đồng giữa các tôn giáo. Từ đó tôn giáo ngày càng đi sai lạc đường lối, đánh mất chân truyền của buổi đầu khai đạo, tạo thành sự phân biệt, bất hòa giữa các tôn giáo.

Thánh giáo Cao Đài dạy:

*Không ai còn để chí, lưu tâm đến chỗ thâm huyền cao viễn, chỉ ưa sự dễ dàng, tâng bốc, tâng nghe, rồi cứ dấy lòng nham妒 tham mê, mới gây tội ác nặng nề, phải mang lấy sừng lông mà bị thối hóa lại súc sanh và luân hồi lục đạo.<sup>1</sup>*

Đức Chí Tôn khai mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ nhằm phục hưng chơn truyền Tam Giáo, cho thấy tất cả các tôn giáo đều cùng một cội nguồn xuất phát là Thượng Đế, cũng là Đại Đạo. Đức Lý Giáo Tông dạy như sau:

*... Kỳ ngươn hạ phô trương Đại Đạo,  
Hiệp ba nền tôn giáo thuyết minh,  
Để ra cứu vớt toàn linh,  
Rõ thông giáo lý, phục bình sáng soi...<sup>2</sup>  
Đức Thái Thượng Đạo Tổ cũng có dạy:  
...Nay Chí Tôn lập thành Đại Đạo,  
Hiệu Cao Đài phục đạo linh căn;  
Trời hôm nhờ ngọn huệ đăng,  
Dắt dìu sanh chúng tầm phẳng mỗi giếng...<sup>3</sup>*

## “TAM KỲ”

Theo Thánh giáo Cao Đài, nhân loại trên quả Địa cầu này đã trải qua hơn 10.000 năm và đang ở vào thời Hạ ngươn mặt kiếp:

*Thấy lấy làm đau đớn, hằng thấy gần trót mười ngàn năm, nhân loại phải sa vào nơi tội lỗi, mặt kiếp chốn A Tỳ.<sup>4</sup>*

*Nhơn loại đã thâm nhiễm vào tình luyến ái tà mị trên mười ngàn năm thì thế nào cỏi Thánh đức trong một lúc chẳng tới một năm cho trọn lành đăng.<sup>5</sup>*

*Các con ơi! Các con đã chịu lắm khổ não nơi biển trần nầy... Từ mười ngàn năm rồi, đã ở dưới quyền tà quái áp chế. Vì vậy mà Thầy phải phế hết Bạch Ngọc Kinh, Huỳnh Kim Khuyết, giáng trần độ rồi các con.<sup>6</sup>*

Đức Nhiên Đăng Cổ Phật sáng lập Phật giáo ở Nhất Kỳ trong một lần giáng đàn tại Trường Sanh Tự (Cần Giuộc), (Dimanche 30 Mai 1926, 19-4 Bính Dần), dạy như sau:

*Từ trước Ta giáng sanh lập Phật Giáo gần sáu ngàn năm thì Phật đạo chánh truyền gần thay đổi. Ta hằng nghe chúng sanh nói Phật giả vô ngôn. Nay nhứt định lấy huyền diệu mà giáo đạo, chỗ không giáng sanh nữa, đăng chuyển Phật giáo lại cho hoàn toàn.*

Dựa vào đoạn Thánh giáo trên, thời Nhất Kỳ Phổ Độ cách nay khoảng 6000 năm, điều này cho thấy Thượng ngươn nằm trong 7500 năm đầu của vận hội 12. Tóm lại, dựa vào Thánh giáo tìm được và số liệu của các nhà khảo cổ và xã hội học, khoảng thời gian của tam ngươn được xác định trong hội 12 như sau:

- 0 – 7500 năm: Thượng ngươn.
- 7500 – 10.000 năm: Trung ngươn.
- 10.000 – 10.800 năm: Hạ ngươn (Hạ ngươn mặt kiếp).

Như vậy, Hạ ngươn mặt kiếp chỉ kéo dài khoảng 800 năm, mà Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ đã được khai mở 83 năm, vậy chỉ còn lại khoảng 700 năm nữa là kết thúc cuộc tuần hoàn. Điều này cho thấy Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ chính là

1. Đức Chí Tôn, Đại Thừa Chơn Giáo, bài 19; Tại Sao Cao Đài Xuất Thế?, Đàn 03-11-1936 (20-9 Bính Tý), tr.95-98.

2. Thánh Ngôn Hiệp Tuyển II, bài: Đạo Đức Thuần Túy Hối Châu Ngọc Kinh, Thanh Liên Đàn, 08-6-1936, tr.125-128.

3. Đại Thừa Chơn Giáo, bài 18: Đại Đạo Luận, Đàn 17-12-1936 (02-8 Bính Tý), tr.89-94.

4. Thánh ngôn hiệp tuyển 1, 24-4-1926.

5. Thánh ngôn hiệp tuyển 1, 15-8 Bính Dần (Mercredi 22-9-1926).

6. Đức Chí Tôn, 24-12-1926, Thánh ngôn hiệp tuyển 1.

một sự tận độ, là thời kỳ phổ độ cuối cùng của Thượng Đế đến thế gian, nếu con người bỏ qua thì không biết đến bao giờ mới có cơ hội gặp lại.

... Công quả cùng danh nghĩa đạo các hiền đệ muội không phải mỗi lúc đều có thể làm được, mà chỉ trong cơ hội thuận tiện nhứt trong kỳ ngươn Hạ. Nếu trễ qua, không bao giờ cơ hội ấy trở lại hoặc được trở lại cũng phải mất mấy chục vạn năm trời.<sup>7</sup>

Căn cứ vào thời gian của thời Hạ ngươn mặt kiếp, chúng ta mới thấu hiểu tại sao Đức Chí Tôn và các Đấng Thiêng Liêng luôn luôn hối thúc con người hãy tu nhanh, không thôi sẽ trễ. Từ đó chúng ta càng cảm nhận được tình thương vô biên của Đức Chí Tôn, cùng với các Đấng không ngại côi trần ô trược, hạ trần, khai mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ

Với pháp môn tận độ, những ai có tâm đều có thể tu học theo pháp môn Cao Đài để có thể thoát khỏi cơ tận diệt vào buổi cuối cùng của chu kỳ vũ trụ. Được hạnh ngộ Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ trong buổi hỗn độn này, là một ân phước vô biên, vấn đề còn lại là chúng ta có đủ “can trường, thiết thạch” dứt bỏ tất cả để đi theo con đường mà Đức Chí Tôn đã dọn sẵn cho nhơn sanh hay không?

Thánh giáo dạy:

*Theo luật tuần hoàn Tạo hóa, buổi Hạ Ngươn là buổi chọn lọc sây sàng để tìm biết nguyên căn hầu tái tạo côi dinh hoàn trở lại đời Thượng ngươn Thánh đức.*<sup>8</sup>

*Ngày giờ hôm nay, các con nhìn tường thế cuộc, đoán rõ tri cơ thế nào; Thấy đã hội đủ Phật, Tiên, Thánh, Thần nơi thiên đình để quyết định ngày đại lễ Chuyển Hóa Long Hoa cho đúng với cơ tuần hoàn vận chuyển.*<sup>9</sup>

7. Đức Lý Giáo Tông, Thiên Lý Đàn, Tuất thời 15-7 Ất Tỵ (11-8-1965).

8. Đức Tam Trấn Oai Nghiêm Quan Thế Âm Bồ Tát, Thánh Giáo Sứ Tập (1966-1967), tại Thánh Tịnh An Tiên (Sài Gòn), rạng 02-02 Đinh Mùi (11-3-1967), tr.112-118.

9. Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, Thánh Ngôn Hiệp Tuyển I, bài: Chuyển Hóa Long Hoa, tr.145-147.

*Tý vận hội lập đời Thánh Đức,*

*Thời Thượng ngươn mới dứt nạn tai;*

*Nhân dân thọ hưởng Cao Đài,*

*Cùng chung nhuần gội những ngày bình an.*<sup>10</sup>

Hạ ngươn là thời kỳ “phân phàm lọc Thánh”, những ai giác ngộ được tuyển chọn sẽ được chuyển qua một chu kỳ mới, bắt đầu từ hội thứ nhất (Tý hội) của THƯỢNG NGƯƠN. Đại Hội Long Hoa sẽ là cột mốc chuyển tiếp giữa hai chu kỳ, và Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ sẽ là nền móng xây dựng đời Thánh đức cho nhơn sanh trong vận hội mới.

## “PHỔ ĐỘ”

“Phổ Độ” có nghĩa là độ dẫn nhơn sanh một cách rộng khắp, không giới hạn không gian cũng như thời gian. Bất kỳ lúc nào, ở đâu, nếu có điều kiện thuận tiện chúng ta đều có thể giúp đỡ người khác tu học. Đây cũng là tư tưởng tiến bộ của Tam Kỳ Phổ Độ so với Nhứt và Nhị Kỳ Phổ Độ.

## Ý nghĩa “phổ độ” trong cách lạy và câu kinh “nhì nguyện phổ độ chúng sanh”

Trong tôn giáo Cao Đài, ý nghĩa “phổ độ” được lồng trong cách lạy hằng ngày nhằm nhắc nhở sứ mạng phổ độ nhơn sanh của mỗi người tín đồ Cao Đài. Mỗi lần cúng tứ thời, cúng sóc vọng, hay những lúc đánh lễ Đức Chí Tôn và các Đấng, khi lạy, ngón cái của bàn tay phải chống lên ngón cái bàn tay trái thành hình chữ thập tượng trưng cho tứ tượng, tám ngón tay còn lại bung xòe ra tượng trưng cho bát quái. Cách lạy thể hiện ý nghĩa gieo truyền đạo Thầy lan rộng khắp nơi. Và trước khi kết thúc những buổi cúng, chúng ta đọc bài kinh Ngũ Nguyện, trong đó có câu: “Nhì nguyện phổ độ chúng sanh.” Đó cũng là lời nguyện hứa của mỗi tín đồ Cao Đài quyết tâm thực hiện công cuộc tận độ kỳ ba.

10. Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo; Vạn Quốc Tự (Chơn Lý Đàn), Tuất thời, 15-11 Ất Tỵ (07-12-1965).



## Phổ độ bao gồm độ sanh và độ tử

Theo giáo lý Cao Đài, mỗi người tín đồ phải độ dẫn được 12 người bắt đầu từ những người thân trong gia đình, rồi tới dòng họ và những người xung quanh Trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Đức Lý Giáo Tông dạy:

*Như ban sơ Thầy dạy mỗi vị phải rán độ mười hai người. Như Thầy độ trong thập nhị môn đệ trước đó. Nếu số mười hai này, cứ nhưn mãi ra lần, thì nhưn loại sẽ hóa hoàn toàn đạo đức... Lão nhắc đây để cho chư chức sắc cùng đạo tâm hiểu lẽ trọng yếu ấy, mà lo độ nhưn sanh sống trong chung quanh mình. Nghĩa là: Trong gia đình thân tộc cũng chưa phải là hoàn toàn nhập vào đạo Thầy hết, nên phải rán lập công phổ độ.<sup>11</sup>*

Như vậy, sự độ dẫn phải chú trọng những người thân thuộc trước, bởi vì họ là những người cùng chung huyết thống nên dễ dàng gần gũi và cảm hóa họ. Nếu cả gia đình, họ hàng cùng nhau tu học không những tạo điều kiện thuận lợi trên bước đường tu học của mỗi người mà còn góp phần xây dựng hòa khí cũng như duy trì tình thương yêu, gắn bó trong gia đình. Nói như vậy, không có nghĩa là hễ người nào trong đình mà chưa nhập môn vào Đạo, chúng ta đều khuyên nhủ hay thúc ép họ theo Đạo. Việc độ dẫn phải tùy duyên, thì việc xoay chuyển họ mới đạt kết quả. Ông Trên thường dạy, không có cách nào tốt hơn để dìu dắt nhân sanh hơn “thân giáo”. Trước hết chúng ta phải tu chính bản thân mình trước, trau luyện tư tưởng, lời nói, hành động cho hoàn thiện. Dẫn dắt mọi

người xung quanh trở nên có thiện cảm và yêu mến chúng ta, tới lúc đó họ sẽ lắng nghe những lời khuyên nhủ đạo lý.

Không chỉ độ sanh, người tín đồ Cao Đài còn có thể “độ tử”, tức là giúp cho những linh hồn đã chết tìm về với Đạo. Đặc biệt trong thời kỳ Đại Ân Xá này, người tín đồ Cao Đài còn có thể cứu vớt được cả Cửu Huyền Thất Tổ. Đức Giáo Tông dạy tại Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý như sau:

*Một khi chư hiền nào đã nhập môn lập thế hoặc thọ pháp rồi đều đã góp phần khởi thủy cho việc cứu Cửu Huyền Thất Tổ rồi đó.<sup>12</sup>*

## TẠM KẾT

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là một mối đạo “dung hòa, tổng hợp” tư tưởng của Tam Giáo, được Đức Chí Tôn khai mở vào thời Hạ nguơn nhằm cứu vớt toàn sanh linh thoát khỏi cơ tận diệt, kết thúc một chu kỳ vũ trụ và mở màn cho một chu kỳ mới. Do đó Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ có một vai trò hết sức quan trọng trong việc phổ độ nhưn sanh, bao nhiêu người được tận hưởng đời Thánh Đức là nhờ vào mỗi người tín đồ Cao Đài hôm nay. Mỗi người chúng ta vì tình thương yêu đồng loại, hãy mạnh dạn đảm nhận trọng trách, trì chí và giữ vững đức tin để đi suốt con đường mà mình đã rất hữu duyên hữu phước đang được đồng hành cùng các Đấng Thiêng Liêng.■

**(BÀI VIẾT ĐÃ ĐƯỢC SỰ GIÚP ĐỖ CỦA QUÝ HUYNH, TỶ: ĐẠT TƯỜNG, BẢO TRÂN, XUÂN MAI, BÍCH THUẬN).**

11. Thánh Ngôn Hiệp Tuyển II, Minh Đức 10-6-1936, bài: Phổ Độ Nhưn Sanh, tr.44-46.

12. Đức Lý Giáo Tông, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 04-3 Quý Sửu (06-4-1973).

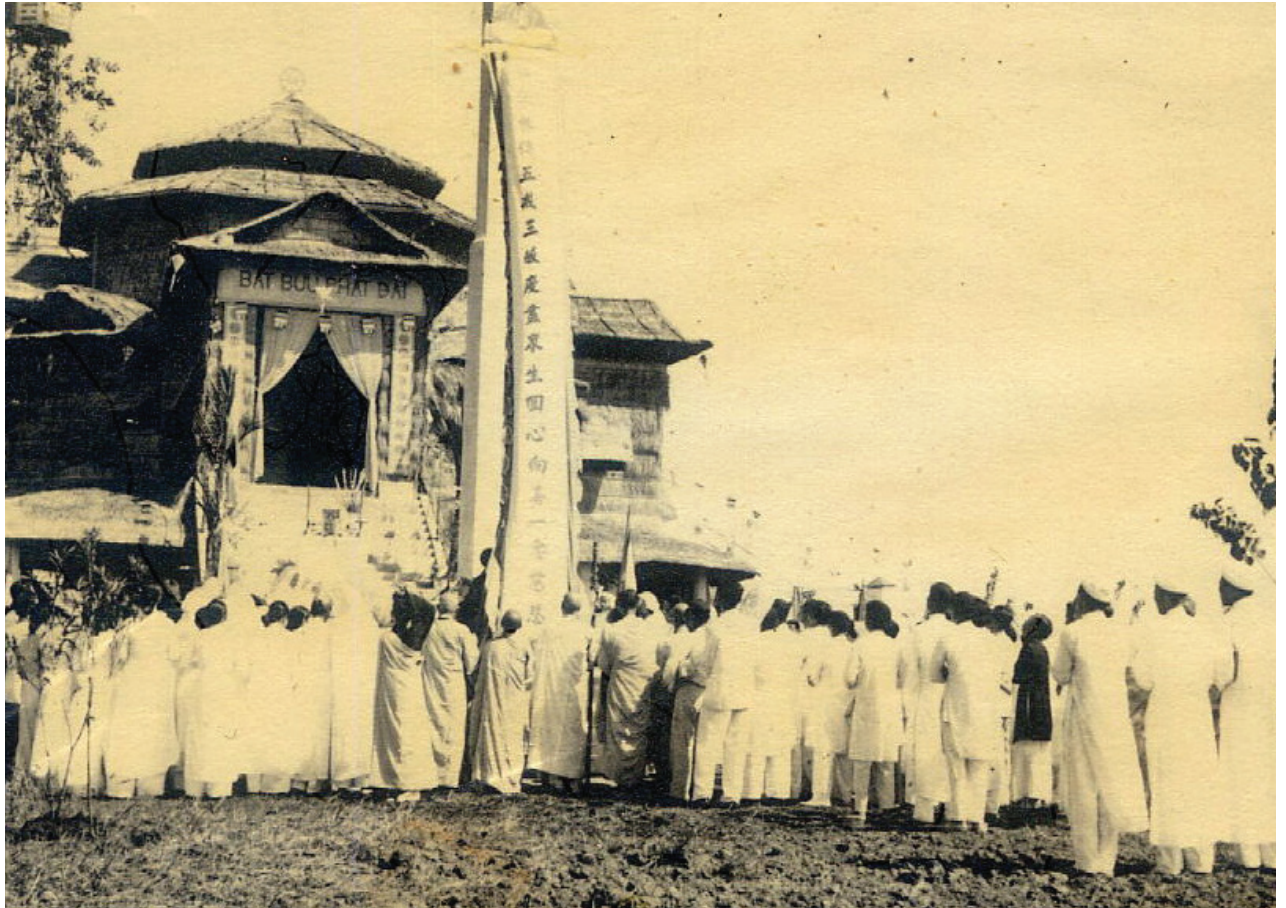




# BÁT BỮU PHẬT ĐÀI

## ■ THIỆN CHÍ TRÍCH LỤC

Nhân mùa Phật Đản, CDGL xin giới thiệu Bát Bửu Phật Đài tới Cầu Xáng, khu Lê Minh Xuân, Tp. HCM là nơi đã từng tượng trưng cho Cơ Qui nguyên của Đại Đạo với lịch sử hình thành từ mối liên hệ đặc biệt giữa đạo Cao Đài và Phật giáo. Do cơ duyên huyền diệu, cư sĩ Ngô Chí Bình (sau này nhập môn Cao Đài có Thánh danh Thiện Bảo, nguyên Tổng Lý Minh Đạo thứ hai của Cơ Quan PTGL) được cơ bút Ôn Trên hướng dẫn thỉnh đại tượng Đức Thích Ca từ Chùa Xá Lợi (Quận 3 TP.HCM) về an vị tại Bát Bửu Phật Đài.



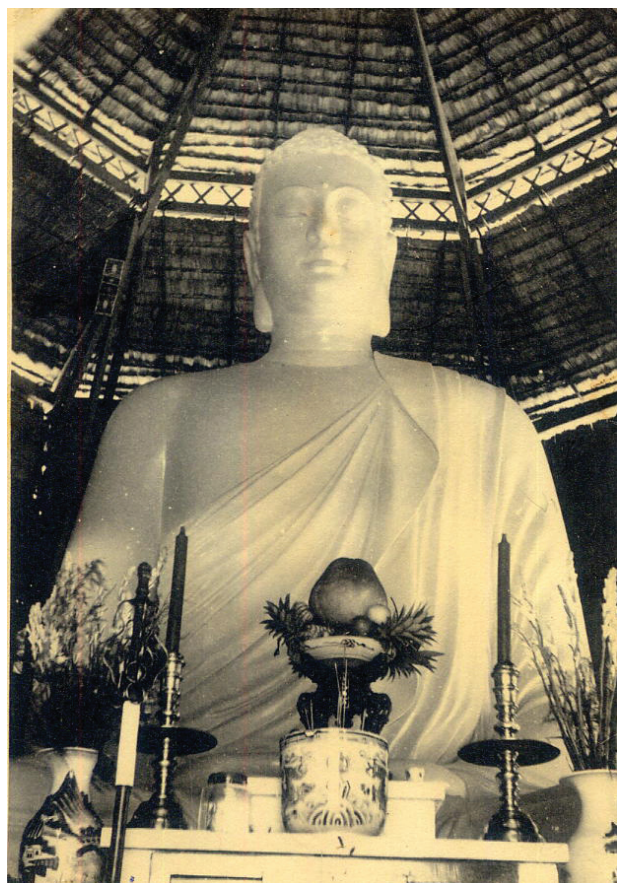
LỄ THƯỢNG PHUỒN TRƯỚC BÁT BỮU PHẬT ĐÀI NGÀY ĐẠI LỄ AN VỊ ĐẠI TƯỢNG ĐỨC THẾ TÔN (14-4-TÂN SỬU 1961) [ẢNH TRONG TÀI LIỆU LỊCH SỬ BÁT BỮU PHẬT ĐÀI SOẠN GIẢ THIỆN BẢO NGÔ CHÍ BÌNH]

Bát Bửu Phật Đài được xây dựng xong vào năm Tân Sửu 1961, kế cận Thanh Tâm Tự. Lễ an vị tượng Phật được Đức Thái Thượng Đạo Tổ và các Đấng Thiêng Liêng giáng cơ chỉ giáo từng chi tiết nhằm thể hiện tôn chỉ “Tam giáo qui nguyên”, “Vạn giáo nhất lý”, mục đích “Đại đồng”.

Lễ An vị Bát Bửu Phật Đài diễn tiến từ ngày 14 đến ngày 16 tháng 7 năm Tân Sửu (25-8-1961).

Đây là một sự kiện lịch sử thể hiện tinh thần “Tam giáo qui nguyên” do Ôn Trên điều động sự tham gia của các Thánh sở, Thiển tự như Giáo Hội Cao Đài Thống Nhất, Vĩnh Nguyên Tự,

Hội Thánh Tam Quan Bình Định, Nam Thành Thánh thất, chùa Long Điền Bà Rịa. Ngoài ra các vị Hướng đạo trong Đại Đạo như quý Ngài Hải Thần, Kiến Minh, Huệ Lương, Huỳnh Chơn, Phan Trường Mạnh, Thiên Vương Tinh, Bạch Ngọc, Huệ Chơn; và phía Phật giáo có Ngài Hòa Thượng



ĐẠI TƯỢNG ĐỨC BỔN SƯ THÍCH CA MÂU NI SAU KHI AN VỊ  
(LƯU Ý CÂY TÍCH TRƯỞNG DỰNG BÊN PHẢI TƯỢNG PHẬT).

Thích Từ Quang, Hòa Thượng Thích Huyền Cơ, Cư sĩ Ngô Chí Bình, cùng nhiều nhân vật nam nữ đạo hữu từ các Thánh sở, các chùa được Ông Trên giao nhiệm vụ trong lễ An Vị Bửu Tượng Đức Thế Tôn.

Đặc biệt, Vĩnh Nguyên Tự (Cần Giuộc–Long An) được lệnh dâng lên Bát Bửu Phật Đài tích trượng của Đức Liễu Toàn Chơn Nhơn (đệ tử Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn) và một lá phướn có hàng chữ:

PHẬT PHÁP GIÁO TRUYỀN NGŨ GIỚI, TAM QUI ĐỘ  
TẬN CHÚNG SANH HỒI TÂM HƯƠNG THIỆN,

NHỨT NIỆM TỪ BI TÂY PHƯƠNG GIÁO CHỦ THÍCH  
CA MÂU NI THẾ TÔN.

Mở đầu buổi lễ sáng ngày 14-4-Tân Sửu, Ban Tổ Chức tuyên bố phát kinh “Tam Thừa Chơn Giáo” thỉnh từ Hội Thánh Tam Quan (Bình Định). Ngoài ra trong 3 ngày cử hành đại lễ, Ông Trên đã chỉ định tam vị:

- Hòa thượng Thích Từ Quang, thuyết đạo ngày lễ thứ nhất, 14-7-Tân Sửu (1961);
- Đạo huynh Thiên Vương Tinh thuyết đạo buổi sáng ngày lễ thứ hai, Rằm tháng 7 Tân Sửu;
- Đạo trưởng Phan Trường Mạnh thuyết đạo buổi chiều cùng ngày, đề tài được Ông Trên chỉ định: “Thế nào là Tam Tông đồng nhứt lý”.

Dưới đây là Thánh giáo của Đức Bổn Sư Thích ca Mâu Ni Thế Tôn Như Lai giảng cơ tại Bát Bửu Phật Đài:

Bát Bửu Phật Đài, Ngọ thời Rằm tháng 7 năm Tân Sửu (25-8-1961).

LỄ AN VỊ ĐỨC THẾ TÔN

Hai đồng tử Huệ Thanh và Ngọc Cúc xuất khẩu truyền.

(Chữ viết tắt N.C là Ngọc Cúc, H.T là Huệ Thanh)

THI

(N.C) AN VỊ THIÊN TÔN cảnh Phật Đài,  
HÒA đồng Tam Giáo Đạo hoàng khai;  
THÁNH tâm dụng pháp luân hồi độ,  
NỮ trí nam nhân hội đức tài.

(H.T) THÁNH NỮ chào chư Thiên sắc, chư liệt chi cùng thiện nam tín nữ. Giờ nay Thánh Nữ rất vui mừng ngự đàn chứng lễ An Vị Bát Bửu Phật Đài, cùng vui mừng với bao cõi lòng tôn sùng ngưỡng mộ của liệt vị thiện tín. Mừng thấy đặng muôn ánh từ quang nơi nội cỏ, một câu thiện niệm phủ lấy ngàn cây. Nếu lòng đạo quy nhứt, Tam Giáo hòa nguyên, thì cõi nê địa này sẽ là thiên thu thánh địa.

THI

Muôn dặm xa vời hội đến đây,  
Chung trà quy nhứt khá nâng tay;  
Hiệp đồng giáo bạn chơn tu niệm,  
Đất Thuần trời Nghiêu hưởng thánh ngày.

(N.C) Thánh Nữ rất vui mừng được liệt vị đạo tâm cùng bát phương đạo hữu hội hiệp nơi đây để chứng lễ An Vị Phật Đài. Riêng Thánh Nữ cũng mừng được một kỳ công trong Đạo giới. Có Bồ Tát lâm đàn, Thánh Nữ chào liệt vị trung đàn, khá thành tâm tiếp nghinh Bồ Tát, Thánh Nữ lui.



Tiếp diễn:

THI

PHỔ chiếu Tam Tông Đạo nhứt nguyên,  
HIỀN nhân phối hợp quán chơn truyền;  
BỒ đoàn tâm niệm ly ma chướng  
TÁT phước vô cùng chưởng hạnh duyên.

(H.T) Bần Đạo chào chung chư liệt vị đàn tiền.  
Giờ nay Bần Đạo rất vui mừng được thấy ân  
phúc của Trời ban bố cho chư liệt vị tứ phương  
đồng giác ngộ lại đường siêu thoát.

THI

Chúng Lễ Phật Đài vị Thế Tôn,  
Ngàn năm lưu lại cảnh cô thôn;  
Thích, Nho, Đạo hiệp lại ba giềng mối,  
Sanh chúng may ra thoát vực cốn.

Bần Đạo lai đàn báo tin có Giáo Chủ lai lâm,  
chư liệt vị khá trang nghiêm cung nghinh tiếp  
lệnh. Bần Đạo ban ơn chư liệt vị, Thăng.

Tiếp diễn:

THI

(N.C) Phật pháp thâm thâm chưởng thủ trung,  
Hư không hữu tận nguyện vô cùng;  
Nhứt tâm hồi hướng tri như ngã,  
Vạn kiếp quy nguyên ngộ sắc không.  
Tát phước vi như ly bát nạn,  
Minh tâm kiến tánh hiệp tam ngưng;  
Ma Ha Bát Nhã Ba La mật,  
Chánh tín huyền vi yết Cửu Trùng.

(H.T) BỒN SƯ THÍCH CA MÂU NI THẾ TÔN NHƯ LAI,  
mừng chư Thiên sắc, chư thiện tín. Giờ nay, Bốn Sư  
giáng thế chứng lòng thành tu niệm của chư chúng  
sanh cùng ban ơn phước cho toàn thể chư thiện tín  
được vững tâm tu hành. Vậy Bốn Sư miễn lễ, chư  
Thiên sắc cùng Phật tử an tịnh nghe:

BÀI

(N.C) Năm Tân Sửu Trung Nguyên xá tội,  
Lễ Phật Đài hiệp hội chúng sanh;  
Giữa thời hỗn loạn chiến tranh,  
Khen cho kiên cố lập thành đài môn.  
(H.T) Ngọn thu phong trập trùng cỏ nội,  
Bóng Phật Đài chói rọi mây ngàn;  
Thanh thanh giữa cảnh đồng hoang,  
Bồ đề uyển chuyển, phướn vàng phất phơ.

(N.C) Công khó nhọc từ giờ xây đắp,

Nỗi gian lao thời khắc liệu lo;

Nắng sương không quản thân trò,

Phăng phăng vó ngựa, bo bo phận mình.

(H.T) Lòng khẩn nguyện in hình Bồ Tát,

Dạ đỉnh ninh để tạc Như Lai;

Xây thành ấn tượng Phật Đài,

Chư tăng hội diện là ngày thành công.

(N.C) Cảnh kiến trúc Hội Đồng Tam Giáo,

Nét điểm tô xây tạo Lão Quân;

Nhứt kỳ phổ độ như dân,

Nghìn thu ghi lại tinh thần Phật môn.

(H.T) Lễ An Vị Thế Tôn ngự bút,

Chúng lòng thành để chút văn thơ;

Cuộc đời như một ván cờ,

Được thua chẳng biết (N.C) tỉnh mơ chẳng  
tưởng.

Bốn Sư mừng bát phương đệ tử,

Ma Ha ban ân tứ môn đồ;

Tâm thành hiệp lý hư vô,

Cứu dân độ thế diễn phô Đạo vàng.

(H.T) Đây Bốn Sư luận sang cơ Đạo,

Cho môn đồ thấu đáo nguồn cơn;

Hiếu rằng hai nẻo giả, chơn,

Không còn chia rẽ thua hơn đạo đời.

(N.C) Hồi chư tăng nào nơi Tây Tạng,

(H.T) Nầy môn đồ đâu bằng Lôi Am;

(N.C) Không dây ai gảy tiếng cầm,

Địch nầy không lỗ phù trầm ai rao.?

(H.T) Phật đâu ở đài cao non thẳm,

Người muốn tìm tâm lặng trí minh;

Dầu thông vạn quyển thiên kinh,

Cũng do một quả tâm linh đặc thành.

(N.C) Tâm tư dục đấu tranh hỗn loạn,

Tâm lợi danh mù quáng lương tri;

Tâm tật đố, tâm sân si,

Biết mình mà chẳng quản chi đến người.

(H.T) Tâm háo thắng quên đời hiểm họa,

Tâm vọng cao quên cả xác phàm;

Tâm sát hại, tâm tham lam,

Khinh khi quả báo vương mang luật hình.

(N.C) Tâm chủ trương thất tình lục dục,

Tâm sao không bình phục linh quang;

Chợ đời chen lấn nhộn nhàng,  
 Lỡ danh đạo đức, lỡ làng nghĩa nhân.  
 (H.T) Tâm bác ái chẳng mang nghiệp chướng,  
 Tâm từ bi không vướng oan khiên;  
 Tâm không ham lợi danh quyền,  
 Thì hơn tránh khỏi lụy phiền chi chi.  
 (N.C) Tâm quảng chúng còn gì nhơn ngã,  
 Tâm đại đồng bạn cả thế gian;  
 Tâm người ẩn chiếc y vàng,  
 Phải chăng linh chuỗi hai hàng nhục tâm.  
 (H.T) Nhớ khi xưa Ta tầm Đại Đạo,  
 Thoát luân hồi chánh giáo hoằng khai;  
 Cũng do một quả tâm nầy,  
 Sóng yên gió lặng mới xây Liên Tòa.  
 (N.C) Đường hành đạo kể ra có một,  
 Cửa Lôi Am then chốt không hai;  
 Vì tâm tự đắc cao tài,  
 Bàng môn tả đạo vẽ bày pháp môn..  
 Hỡi chúng sanh sống còn nơi thế,  
 Nầy môn đồ chó trẻ công tu;

(H.T) Muốn vào tịch diệt hư vô,  
 (N.C) Cứu dân (H.T) học lấy Phong Đô tâm tìm.  
 (N.C) Minh châu hiện nhờ im sóng nước,  
 Bạch tự thông nhờ trước hóa thanh;  
 Niết Bàn muốn sớm lần lên,  
 (H.T) Kim chuyên Tam giáo đắp lên tâm vàng.  
 (N.C) Trống Đại Hùng điểm sang năm tiếng,  
 Chuông Linh Sơn rung chuyển hồi ba;  
 Thuyền từ rước khách ái hà,  
 Hồ sen bát đức xây tòa phật tiên.  
 (H.T) Quy Tam Giáo mỗi giếng Đại Đạo,  
 Thống chơn truyền chánh giáo phục hưng;  
 Hỡi người trong kiếp trầm luân,  
 Mau mau tỉnh thức để nung linh hồn.  
 (N.C) Trên Thượng Đế Chí Tôn sắc chỉ,  
 Tam Giáo Tòa dụng ý ban hành;  
 Bốn Sư nguyện một chí thành,  
 Hư không hữu tận nguyện lành không quên.  
 (H.T) Cảnh Bát Bửu xây nền đắp móng,  
 Bước Tam Gia mở rộng quy nguyên;



TAM QUAN BÁT BỬU PHẬT ĐÀI NGÀY NAY.



(N.C) Dầu rằng hình thức tư riêng,  
Lý chơn thì Phật Thánh Tiên một nguồn.  
Lễ An Vị sắp xong phận sự,  
Ta ban ơn nam nữ đạo tràng;  
Giữ gìn một quả tim vàng,  
Bợn trần gột rửa Tây Phang lần về.  
(H.T) Ban tổ chức mọi bề vẹn phận,  
Giã ơn lành tinh tấn thêm hơn;  
Nữ nam hạnh đạo tiến lên,  
Giã chư môn đệ lần lên Liên Tòa.  
Thăng.■

Ảnh và chú thích của website Ngàn năm Thăng Long:  
Còn gọi là chùa Phật cô đơn vì trước năm 1975, nơi đây là vùng “oanh tạc tự do”, bom đạn phá nát chùa Thanh Tâm cạnh đó, dân chúng bị lừa đi tứ tán, riêng tượng Phật ngồi lại một mình. Đó là tượng Thích Ca Mâu Ni, cao 4,8m, ngang 4m, được đúc từ chùa Xá Lợi và đưa về an vị từ năm 1957, do nhà điêu khắc Nguyễn Thanh Thu hoàn thành năm 1957. Cư sĩ Ngô Chí Bình, ngộ duyên thành tâm thỉnh tượng đưa về cử lễ an vị năm 1961 tại vị trí trước chùa Thanh Tâm hiện nay. Nguyên đây là đất hiến của gia đình cư sĩ Ngô Chí Bình và một số phật tử SG-GĐ cũ.



TƯỢNG PHẬT TẠI BÁT BỬU PHẬT ĐÀI NGÀY NAY.

## MỌI CHÚNG SANH ĐỀU BÌNH ĐẲNG

(TIẾP THEO TRANG 68)

gia cũng phải biết rằng bốn lãnh vực quan niệm là mảnh đất tốt nhất để làm phát sinh giải thoát. Nếu em bé chăn trâu biết bảo trì những vùng thả trâu, không tàn hại phá phách môi trường nuôi trâu, thì người xuất gia cũng phải cẩn thận và dè dặt trong việc tiếp xúc với quần chúng và thu nhận của cúng dường. Nếu em bé chăn trâu biết dùng những con trâu lớn làm gương cho những con trâu con thì người xuất gia cũng phải biết nương vào đức hạnh và kinh nghiệm của các bậc thầy đi trước... Một vị khất sĩ biết làm đúng theo mười một điều vừa nói thì có thể đạt đến quả vị La Hán trong vòng sáu năm tu học.

Xin mượn lời Đức Phật dạy thêm về việc chọn con đường an toàn cho trâu đi để kết luận:

– Nếu con đường có quá nhiều gai góc, trâu có thể sẽ bị thương và những vết thương có thể làm độc. Nếu em bé chăn trâu không biết cách trị thương cho trâu thì trâu có thể lên cơn sốt và lăn ra chết. Sự tu học cũng giống như thế. Không tìm chánh đạo mà đi thì sẽ bị mang thương tích trong thân thể và tâm hồn. Những vết thương do các độc tố tham sân si làm cho ung thối sẽ có thể làm hư hỏng cả sự nghiệp giác ngộ.■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

<http://www.thuvienhoasen.org/phathoctinhyeu1-01-xahoiando.htm/>

<http://dictionary.bachkhoatoanthu.gov.vn/>

<http://phatphap.wordpress.com/lich-su-duc-phat-thich-ca/>

“Theo Gót Chân Bụt Đường Xưa Mây Trắng” – Thích Nhất Hạnh, Nxb Văn Hóa Sài Gòn.■

# THÁNH THẤT THÀNH CÔNG NHỮNG ĐIỀU HUYỀN DIỆU

■ SEN TRẮNG

**T**rong thời đại văn minh, một xã hội duy vật ngự trị, phần lớn con người quan tâm đến vật chất mà ít khi chú ý đến những chuyện liên quan đến tinh thần, tâm linh... Thậm chí người đời còn cho rằng chuyện tâm linh là nhảm nhí, mê tín dị đoan, không có thật.

Nhưng vài thập niên trở lại đây có những điều huyền diệu xảy ra, nghe khó tin, nhưng là sự thật, đã làm cho con người phải suy nghĩ và chiêm nghiệm lại. Như con người có linh hồn không? Chết là hết hay tồn tại ở thế giới khác?... Chuyện xuất hiện các nhà ngoại cảm tìm được hàng vạn mộ liệt sĩ, tìm được những ngôi mộ thất lạc đã rất nhiều năm... là một sự thật hiển nhiên. Dù ai có hoài nghi đến đâu cũng phải thay đổi tư duy cực đoan của bản thân, để hiểu rõ những điều mà mình chưa thấu hiểu ở trong vũ trụ này.

Đạo hữu ở Thánh thất Thành Công ai cũng biết câu chuyện của ông Nguyễn Văn Thiên, sau khi mất một thời gian, vong linh hồi đầu hướng thiện, ông báo mộng nhờ con gái tới Thánh thất Thành Công, xin ơn trên cho vong linh ông được cứu rỗi.

Người con gái rất thương cha nên đến Thánh thất Thành Công xin dâng sớ cầu Đạo nhập môn vô vi cho ông. Sau đó hiến lễ cầu siêu cho ông được năm lần, và ngày rằm tháng 7 cầu siêu chung cho bá tánh một lần.

Một thời gian sau, ông Thiên về báo mộng cho con gái và cháu ngoại biết tin ông đã được vào đạo Cao Đài và đang lo tu luyện, ông không còn bị ai hành hạ nữa. Ông nhắc các con cháu ráng cầu nguyện thêm cho ông mau siêu thoát.

Mới đây, một câu chuyện huyền diệu khác cũng xảy ra tại Thánh thất Thành Công đã củng cố thêm đức tin của những người đang tu học trong Tam Kỳ Phổ Độ:

Ông Nguyễn Văn Lờ là Chánh trị sự của Thánh thất Thành Công. Ông đã thọ pháp tu tịnh ở Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý – cấp Dự Bị. Ông bị bệnh nặng, được bốn đạo Thánh thất cầu giải bệnh. Ông hồi tỉnh, khỏe lại được 3 tháng rồi trở bệnh lại và qua đời. Khi nằm dưỡng bệnh, ông biết mình sẽ không qua khỏi, nên dặn vợ:

– Đám tang ông nên tổ chức đơn giản. Làm đám chay. Các

tuần cửu cũng cúng chay nhẹ nhàng để tránh tội sát sanh.

Vợ ông đã thực hiện đúng như ước nguyện của ông, trong đám tang và các tuần cửu đều cúng và đãi chay. Tuy vậy, vợ ông có tính lo xa, sợ ngày Đại tường tới đây cũng đãi chay thì bà con xóm giềng ít đến dự, như vậy việc khoản đãi mọi người không được chu toàn, sợ mọi người chê trách. Bà âm thầm lo nuôi vỗ béo đàn vịt 25 con cho kịp ngày Đại tường của ông sẽ làm thịt để trước cúng, sau đãi bà con xóm giềng như là đáp lại tình nghĩa mọi người đã giúp đỡ, chia sẻ với gia đình trong suốt thời gian lo việc hậu sự của ông. Bà không nói với ai điều này, chỉ đợi tới ngày đó là thực hiện. Nhìn những con vịt mập mạp phải hơn 2 ký một con, lông trắng phao phao, bà cảm thấy vui vui trong lòng.

Còn hai ngày nữa là tới ngày cúng Đại tường cho ông. Khuya hôm đó bà nghe có tiếng gõ cửa, nhưng mọi người trong nhà ngủ say, chờ một lúc không thấy gõ nữa nên bà cũng ngủ lại. Sáng ra, cô con gái Út của bà bỗng thấy khó chịu quá nên bà chở cô đi khám bệnh. Bác sĩ không thấy cô có biểu hiện bệnh gì hết, nên

bà chở cô về. Về tới nhà, bà bỗng thấy lo lắng bồn chồn, bèn thấp nhang ở bàn thờ ông. Bỗng cô Út cất giọng khác thường, nghe giống giọng ông lúc còn sống:

– Bà pha trà cho tôi uống đi. Lúc này bà chở con Út có thấy nặng hơn bình thường không? Là có tôi nhập vào nó đấy. Cúng Đại tướng cho tôi, bà phải cúng chay đấy, không được cúng mặn. Bà mà làm thịt vịt cúng là tôi phải đi chặn vịt đó ghen.

– Ông ơi, ông sống khôn thác thiêng, đừng nhập vào con Út nữa, tội nghiệp nó.” – Bà nói.

– Được rồi, bà nghe lời tôi,

Đại tướng cúng chay cho tôi, sau đó lập đàn cầu siêu cho tôi mau siêu thoát nhé.”

Bỗng nhiên, cô Út hồi tỉnh trở lại bình thường như vừa trải qua giấc ngủ dài.

Buổi Đại tướng của ông Lờ được gia đình thực hiện cúng chay đúng như bà vợ ông đã hứa. Hơn ai hết, bà và cô con Út hiểu được ngoài sự tồn tại của thế giới hữu hình của chúng ta đang sống, còn có một thế giới khác nữa, họ cũng có nhu cầu riêng và cũng biết những việc của chúng ta đang làm và sẽ làm. Từ những điều rút ra được, bà và các con

trong gia đình, nhất là cô con Út đã phát nguyện ăn chay trường, siêng đi chùa làm công quả, cầu cho ông mau siêu thoát, và cũng là tu hành cho bản thân người đang sống.

Nhiều điều huyền diệu lớn nhỏ liên tiếp cứ diễn ra. Nhân dân xa gần trong vùng này được củng cố thêm đức tin. Thánh thất Thành Công ngày càng đón nhận thêm nhiều người đến xin nhập môn cầu đạo. Những vị Mạnh thường quân cũng hay xuất hiện hỗ trợ mỗi khi Thánh thất Thành Công cần đến. Thật mầu nhiệm thay!■

---

## THÁNH GIÁO

---

Tu phải nhớ gìn lời mình thệ,  
Tu phải thông luật lệ qui điều.  
Tình đạo đồng phải biết thương yêu,  
Nghèo không trách, đừng kiêu khi khá giả.  
Nên cần kiệm để góp phần công quả,  
Nên khoan dung mà hỉ xả cho nhau.  
Lựa lời nói nhã nhận ngọt ngào,  
Tiếng độc ác mau mau chừa tránh.  
Thành đạo bởi nhờ nơi tu tánh,  
Tu tánh thuần, đức hạnh mới cao.  
Phật Tiên xưa cũng thế chớ khác nào,  
Trước tu tánh để vào luyện mạng.  
Tánh mà được hỗn nhiên bình thản,  
Tâm lần hồi bừng sáng minh linh,  
Phát điển quang bao phủ quanh mình,  
Làm cái vỏ vô hình bảo vệ.  
Các thời cúng mõ chuông kinh kệ,  
Phải thành tâm hiến lễ nghiêm trang.  
Đừng miệng thì đọc rót oang oang,  
Tâm phóng ngoại cả ngàn cây số.  
Kể tâm tánh hướng về một chỗ,  
Tai lóng nghe cho rõ tiếng kinh,  
Thân quý ngay chẳng chút nghiêng chình,

Hai mắt đứng chú nhìn Thiên nhân.  
Sự nghèo giàu do nơi số mạng,  
Đừng tự ti rồi không lai vãng thất chùa.  
Cúng hành hương nhiều ít hơn thua,  
Nào phải chỗ bán mua mà so sánh.  
Rối mặc cảm nhiều lần xa lánh,  
Xa Phật Tiên Thần Thánh, xa Trời.  
Rối gần đời lại nhiễm thói đời,  
Bị bạn tác kéo lôi xa Đạo.  
Thánh thất dùng để làm nơi truyền giáo,  
Tháng đôi lần giảng đạo thuyết kinh.  
Dạy tu hành cho cả nhơn sanh,  
Đừng tưởng quấy rối tâm thành bằng hoại.  
Phật ngày trước dưới cội bồ đề giảng dạy,  
Khuyên nhơn sanh ác cải tùng lương,  
Nào có đâu Thánh thất, thánh đường,  
Cũng chẳng có hành hương nhiều ít.  
Trước quốc biến đạo lại phải càng khẳng khít,  
Càng lo tu trước giúp ích cho mình,  
Cho nạn tai sớm được giảm khinh,  
Cho nghiệp lực nhơn sanh tiêu tán.  
ĐỨC THIÊN LA ĐẠO NHƠN, NGỌC MINH ĐÀI, TUẤT THỜI,  
MỪNG 1 THÁNG GIÊNG GIÁP DẦN (23-01-1974).■



# BẢY DANH NHÂN ĐỜI NHÀ LÝ

■ THU LAN S.T.



**Đ**ất nước Việt Nam với dòng giống Rồng Tiên đã sản sinh ra biết bao anh hùng dân tộc hằng lưu lại những sự nghiệp vật chất và tinh thần rất hào hùng, vẻ vang cho hậu thế noi theo cùng thừa hưởng. Là con dân nước Việt, cùng với niềm tự hào trước những thành quả to lớn của ông cha để lại, chúng ta có bốn phận phải nuôi dưỡng, bảo vệ, giữ gìn tinh thần truyền thống cao đẹp đó.

Trong suốt chiều dài lịch sử, trải qua các triều đại Đinh, Lê, Lý, Trần, v.v. có thể nói triều đại nhà Lý đã để lại những dấu ấn lịch sử sâu đậm, mở ra một thời kỳ vẻ vang cho dân tộc Việt, là một bước tiến mới rất quan trọng của tiến trình dựng nước và giữ nước, với những quyết định đúng đắn của các vị minh quân, cũng như những sự giúp đỡ đắc lực của những vị trung

thần trung quân ái quốc và xứng đáng với mỹ từ “Việt Nam văn hiến ngàn năm”.

Dưới thời nhà Lý, nhiều bậc danh nhân lỗi lạc, từ những vị minh quân, đến những bậc trung thần, thậm chí cả những người phụ nữ đã phản ánh tinh thần của dân tộc, khát vọng và ý chí của nhân dân, những triết lý Phật giáo sâu sắc, để lại những dấu son sáng ngời có giá trị tinh thần to lớn. Dưới Vương triều nhà Lý trải qua 8 đời vua có 7 vị danh nhân ngày nay được dân tộc ca ngợi mà người có công đầu mở ra một thời kỳ lịch sử vẻ vang đó là vị minh quân Lý Thái Tổ.

**LÝ THÁI TỔ (1010–1028)** tên thật là Lý Công Uẩn, người làng Cổ Pháp, nay thuộc về huyện Đông Ngạc, phủ Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Tục truyền Công Uẩn không có cha mẹ, mẹ là Phạm Thị đi chơi chùa Tiêu Sơn (làng Tiêu Sơn, phủ Từ



Son), nằm mộng thấy đi lại với thần nhân rồi về có thai sinh ra đứa con trai, lên 3 tuổi đem cho người sư ở chùa Cổ Pháp tên là Lý Khánh Vân làm con nuôi, đặt tên là Lý Công Uẩn. Sau khi triều Tiền Lê suy thoái, Lý Công Uẩn được thiền sư Vạn Hạnh, cùng quan đại thần là Đào Cam Mộc đưa lên làm vua, lấy hiệu là Lý Thái Tổ, lập nên nhà Lý. Đây là vị vua hiền từ, hết lòng lo cho dân, ở ngôi được 19 năm. Là người đầu tiên có công lớn trong việc dời đô ra Thăng Long (1010) (nay là Hà Nội). Việc dời đô ra Thăng Long của nhà vua đã chứng tỏ một tầm nhìn chiến lược sâu rộng trong việc xây dựng một sự nghiệp lâu dài, phản ánh thế đi lên của vương triều và đất nước với biểu tượng rồng bay. Ngoài ra đích thân nhà vua tổ chức xây dựng kinh thành, cung điện, lập phố xá. Vua rất trọng đãi những người đi tu, xuất vàng bạc của triều đình dựng nên nhiều chùa tháp, đền miếu; nhà vua từng sai quan là Nguyễn Đạo Thanh và Phạm Hạc sang Tàu lấy Kinh Tam Tạng đem về để vào kho Đại Hưng. Nhà vua hết lòng chăm lo phát triển văn hóa dân tộc, kiện toàn bộ máy nhà nước, đặt nền móng cho một triều đại tồn tại vẻ vang trên 200 năm.

**LÝ THÁI TỔNG (1028–1054)** Thái tử Phật Mã lên ngôi lấy niên hiệu là Thiên Thành. Vua là một người có thiên tư đỉnh ngộ, thông lục nghệ, tinh thao lược, và là người rất tinh thông Phật học, là một vị vua nhân từ, hết lòng thương dân. Hể năm nào đói kém hay là đi đánh giặc về thì lại giảm thuế cho dân hàng hai ba năm. Ngay đối với kẻ làm nội loạn, nhà vua cũng dùng chữ nhân để đối xử như trường hợp Nùng Trí Cao, sau khi nổi lên cát cứ, bị bắt, vua không những tha tội làm loạn mà còn phong tước cho nữa. Vua luôn tăng cường tổ chức quân đội, quan tâm củng cố nhà nước pháp quyền nên ban hành bộ Hình thư, bộ luật thành văn đầu tiên của thời đại quân chủ. Nhà vua trị vì 27 năm thì mất.

**LÝ THÁNH TỔNG (1054–1072)** Thái tử Nhật Tôn lên ngôi năm 1054, đổi tên nước Đại Cổ Việt thành Đại Việt. Ông cũng là một vị vua nổi tiếng nhân từ, yêu dân như yêu con. Có một năm trời rét

lắm, nhà vua bảo những quan hầu rằng: “Trẫm ở trong cung ăn mặc thế này còn rét, nghĩ những tù phạm giam trong ngục, phải trói buộc, cơm không có mà ăn, áo không có mà mặc, vả lại có người xét hỏi chưa xong, gian ngay chưa rõ, nhờ rét quá mà chết thì thật là thương lắm.” Nói xong, vua truyền lấy chăn chiếu cho tù nằm và mỗi ngày cho hai bữa ăn. Lại có một hôm khi vua ngự ở điện Thiên Khánh xét án, có Động Thiên Công Chúa đứng hầu bên cạnh. Thánh Tông chỉ vào công chúa mà bảo các quan rằng: “Lòng trẫm yêu dân cũng như yêu con trẫm vậy, hiềm vì trẫm họ ngu dại, làm càn phải tội, trẫm lấy làm thương lắm. Từ rày về sau tội gì cũng làm nhẹ bớt đi.” Thật là tấm lòng của một vị minh quân hết lòng thương yêu dân chúng. Vì thế dưới triều này trong nước ít có nội loạn, cuộc sống thanh bình. Ngài còn là người có công khai hóa văn học, lập Văn Miếu, làm tượng Chu Công, Khổng Tử và thất thập nhị hiền để thờ. Nước ta có Văn Miếu thờ Khổng Tử và chư hiền khởi đầu từ đây. Vua còn chú trọng xây cất chùa Tháp, nổi tiếng là tháp Báo Thiên, khuyến khích nông nghiệp, có công mở rộng bờ cõi.

**LÝ NHÂN TỔNG (1072 –1127)** Vua Thánh Tông mất vào năm 1072, thái tử Càn Đức, là con của Vua Lý Thánh Tông cùng bà Ý Lan, mới 7 tuổi lên làm vua, lấy hiệu là Lý Nhân Tông, có Quan Thái sư là Lý Đạo Thành làm phụ chính. Nhà vua trị vì 52 năm, lập được nhiều công trạng. Đây là một vị vua sống cần kiệm, chăm lo việc sửa sang trong nước, ham chuộng văn hóa, tổ chức khoa cử. Năm Ất Mão 1075 nhà vua cho mở khoa thi tam trường để tuyển chọn người văn học vào làm quan. Đây là kỳ thi đầu tiên ở nước ta, chọn được 10 người. Ngoài ra, nhà vua còn sáng lập trường đại học để tuyển mộ, đào tạo nhân tài. Vào năm Bính Thìn (1076) nhà vua cho lập Quốc Tử Giám để bổ những người văn học vào dạy (đây được xem như là trường Đại Học đầu tiên của nước ta). Đến năm 1086 nhà vua cho mở khoa thi chọn người văn học vào Hàn Lâm Viện. Vua vừa là một nhà thơ đề cao cả Phật giáo lẫn Lão giáo, mà

còn là một nhạc sĩ, tiếp thu tinh hoa âm nhạc Champa để làm phong phú thêm âm nhạc Việt.

**LÝ THƯỜNG KIỆT (1019–1105)** là một danh tướng nổi tiếng nhất dưới triều nhà Lý. Ông là một người ham học, tinh thông võ nghệ được Lý Thánh Tông và Lý Nhân Tông tin dùng. Từ năm 1069–1076 đánh tan quân Champa và quân Tống, góp phần lớn vào sự nghiệp bảo vệ độc lập và toàn vẹn lãnh thổ Đại Việt. Ông là người lãnh đạo quân sự rất tài giỏi, nổi tiếng với bài thơ bất hủ “Nam quốc sơn hà”<sup>1</sup> để cổ vũ quân sĩ, thôi thúc lòng quân hăng hái đánh giặc.

Ngày nay, tại Thanh Hóa và Hà Nam có đền thờ Lý Thường Kiệt. Đặc biệt ở Hà Nam, vùng Thi Sơn, Kim Bảng nhân dân còn lưu hành điệu hát dặm và múa dặm ở Quảng Sơn, là những điệu dân ca, dân vũ nổi tiếng được biểu diễn hằng năm tại Hội Đền Quyển Sơn để vinh danh ông.

Ngoài các bậc nam nhân được tôn vinh trên, còn có hai phụ nữ cũng không kém tài xuất chúng được lưu danh, đó là:

**LÝ NGỌC KIỀU (1041–1113)** pháp hiệu là Diệu Nhân, là cháu nội của Lý Thái Tông. Theo Thiền Uyển Tập Anh, trước khi xuất gia, Ngọc Kiều đã có nhiều trần trở, công chúa từng than: “Ta xem thế gian, hết thấy các pháp cũng như mộng huyễn, hưởng gì bọn sang quý tạm bợ lại có thể nương dựa được sao?” Nàng vốn là một công chúa được nuôi dưỡng trong cung, sống cuộc đời vương giả được yêu chiều, nên khi trở thành “phu nhân”

của một thủ lĩnh ở núi rừng xa lạ, công chúa đã phải trải qua mọi nỗi sinh ly tử biệt, thấu hiểu những khổ đau mà chúng sinh phải gánh chịu trong cuộc đời. Chính vì sự trải nghiệm ấy, nên vào năm 21 tuổi, khi chồng mất, công chúa đã có một thái độ dứt khoát: “Đem cho hết các đồ trang sức, xuất gia, đến thụ giới với Thiền sư Chân Không tại hương Phù Đồng, học hỏi tâm yếu.” Nhờ tinh thông Phật học, bà trở thành vị nữ thiền sư nổi tiếng điều khiển Ni viện Hương Hải. Là một bậc thầy nhiệt thành đem tâm yếu Đại thừa chỉ dẫn cho những ai muốn cầu học, Sư bà thường giảng giải cho các đệ tử rằng: “Chỉ trở về nguồn tự tính thì dù phương pháp “đốn” hay “tiệm” đều có thể tùy đó mà nhập. Hãy luôn tĩnh lặng trong sạch, tránh xa thanh sắc, ngôn ngữ.” Diệu Nhân coi Kinh Kim cương là bộ kinh chủ yếu dẫn dắt quá trình tu tập của mình. Khi có người hỏi một câu trong Kinh Duy Ma Cật: “Tất cả chúng sinh bệnh nên ta cũng bệnh, vậy sao gọi là khi nào cũng tránh xa thanh sắc?”, Sư bà đã giảng giải rằng nếu lấy sắc và thanh mà cầu Phật thì là theo “tà đạo”, bởi vì “Đạo vốn không lời”, người tu hành “Xưa nay không đi” phải ngồi tĩnh lặng suy tư.

Diệu Nhân là một thiền gia uy tín đương thời, trước khi về cõi vĩnh hằng bà đã để lại một chỉ dẫn về cách tu tập và cũng có thể xem là tuyên ngôn của bà về quan niệm sống chết, về quy luật tự nhiên của cuộc sống con người.<sup>2</sup> Sư

---

1. Nguyên bản tiếng Hán:

南國山河

南國山河南帝居

截然定分在天書

如何逆虜來侵犯

汝等行看取敗虛

Bản phiên âm Hán-Việt:

Nam quốc sơn hà

Nam quốc sơn hà Nam đế cư,

Tiệt nhiên định phận tại thiên thư.

Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm,

Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư.

(Sông núi nước Nam vua Nam ở

Vằng vặc sách trời chia xứ sở

Cớ sao giặc dữ phạm đến đây

Chúng mày nhất định phải tan vỡ.)

---

2. Sinh, lão, bệnh, tử,

Tự cổ thường nhiên.

Dục cầu xuất ly,

Giải phục thêm triền.

Mê chi cầu Phật,

Hoặc chi cầu thiền.

Thiền Phật bất cầu,

Uống khẩu vô nghiệm (ngôn).

(Sinh, lão, bệnh, tử,

Tự cổ đương nhiên.

Muốn cầu siêu thoát,

Lại trói buộc thêm.

Mê, thì cầu Phật,

Hoặc, thì cầu thiền.

Thiền Phật chẳng cầu,

Mím miệng ngồi im.)

bà cũng quan niệm: Thiền vốn là vô ngôn ! Điều chính yếu là mọi người phải phá bỏ mọi “chấp trước”, như thế sẽ đạt tới giác ngộ. Diệu Nhân đã góp vào một cái nhìn sáng suốt, một thái độ ung dung tự tại góp phần làm nên tinh thần lạc quan, trí tuệ và cứng cáp của văn học thiền thời Lý, một trong những đặc sắc riêng của thơ thiền thời Lý Trần mà văn học thiền qua các giai đoạn sau không thể đạt đến được. Sau này, bà trở thành người đứng đầu thế hệ thứ 17 của dòng Thiền phương Nam.

**Ỗ LAN (?-1117)** quê ở hương Thổ Lỗi, lộ Bắc Giang. Xuất thân từ một cô gái hái dâu chăn tằm, nhờ thông minh, tài sắc, nết na được Lý Thánh Tông đón về cung lập làm nguyên phi, về sau là mẹ của Vua Lý Nhân Tông, được tôn là Thái hậu Linh Nhân. Năm 1069, khi vua Lý Thánh Tông thân chinh đi đánh giặc ngoại xâm, Bà ở nhà góp phần cai quản việc nước, chăm lo quốc sự, thu phục nhân tâm, trị nước có kỷ cương khiến thần dân thán phục, nước nhà được yên vui, tạo điều kiện cho vua Lý Thánh Tông đánh thắng Champa.

Bà vốn xuất thân là một thôn nữ, nên rất thông cảm và thấu hiểu nỗi đau của người phụ nữ nông dân vì nghèo khổ phải đem thân gán nợ cho nhà giàu, nên cho xuất của trong kho chuộc về, và xây dựng chồng con hạnh phúc cho họ. Ngô Sĩ Liên đã có lời bàn: “Con gái nghèo đến nỗi phải dợ mình làm mướn, con trai nghèo đến nỗi không vợ đó là cùng dân của thiên hạ. Thái hậu (tức Ỗ Lan) đổi mệnh cho họ cũng là việc nhân chính vậy.” Bà không những sửa sang việc quốc chính, tăng cường quân đội, bố phòng, chăm lo việc mở mang dân trí, việc thi cử học hành và còn ban hành nhiều điều ích quốc lợi dân. Bà còn khuyên vua làm điều thiện, trị điều ác, quan tâm hiểu thấu những việc gian nan của người nông dân. Tuy sống trong lầu son gác tía, nhưng bà thường chăm sóc đến đời sống cùng cực của nông dân lao động, phát chẩn thóc lúa cho người nghèo. Bà là người sùng đạo Phật, ưa làm việc từ thiện, lập nhiều đình chùa, thường

lui tới các đình chùa, trao đổi với các tăng ni thuyết giáo đạo Phật. Bà cũng có làm những bài kinh, câu kệ còn truyền lại đến ngày nay. Vì là một nữ nông dân nghèo, được hưởng phú quý vinh hoa, nên bà vẫn cho là điều “sắc sắc, không không” là phù vân...<sup>3</sup> Sau này, mặc dù trở thành một phụ nữ vương giả, với cuộc sống vàng son, nhưng không làm vẩn đục tâm hồn bà, thật là một phụ nữ hiếm có trong lịch sử nghìn năm trước. Bà mất vào ngày 25-7 Đinh Dậu, Hội tường đại khánh năm thứ 8 (1117) đời Lý Nhân Tông. Khi bà mất, được phong thụy là Phù Thánh Linh Nhân Hoàng thái hậu, mai táng ở Thọ Lăng, phủ Thiên Đức. Hiện nay còn miếu thờ bà ở hai xã Cẩm Đối và Cẩm Cầu huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương.

Tóm lại, các danh nhân đời Lý vốn thấm nhuần tư tưởng Phật giáo, luôn lấy Đạo, lấy tình thương trong việc trị nước an dân, phát huy truyền thống ngàn đời với ý thức xây dựng ý chí và niềm tin dân tộc bằng đạo lý nhân nghĩa; lấy sự anh minh, thanh bạch, trung chính, yên dân như những giá trị chung để tạo nên bộ mặt của thời đại. Mỗi ngôi nhà của người Việt đều có một bàn thờ tổ tiên để tưởng nhớ đến nguồn cội, để tìm về Nhân bản.

Tìm về nhân bản chính là sứ mạng vi nhân mà người tín đồ Cao Đài nói riêng, toàn thể dân tộc Việt nói chung phải thực hiện để trở về với Đạo, với tình thương, như lời Đức Đông Phương Lão Tổ đã dạy tại Trúc Lâm Thiền Điện, Tuất thời 17-7 Tân Hợi (06-9-1971):

*Sông kia nước vẫn nhớ về nguồn,  
Tâm đạo con người chẳng dễ buông,  
Cội rễ bao giờ xa vẫn đoái,<sup>4</sup>  
Công trình xây dựng bởi tình thương.■*

3. Sắc là không, không tức sắc  
Không là sắc, sắc tức không  
Sắc? Không? thôi mặc cả,  
Mới thấu được chân tông.  
(Bản chữ Hán trong Thiền Uyển Tập anh, Hoa Bằng dịch.)

4. đoái: Tưởng tới, nghĩ tới.



# tương tri

■ HUỆ KHẢI

## HÒN ĐÁ

Đây là chuyện tôi nghe. Một người đàn ông thành công trên trường đời, đang trong độ tuổi sung mãn, rất hăng hái, và đương nhiên đầy tự tin với nhiều ước muốn lớn.

Một hôm ông phóng xe khá nhanh trên đường vắng. Chiếc xe hơi mới tinh là niềm hãnh diện của ông. Nó phô bày một cách cụ thể sự thành đạt của ông trước mắt mọi người.

Chợt từ bên đường có cái gì đó vụt bay ra. Ông chưa kịp định thần nhìn cho rõ thì... Một âm thanh chói chói vang lên. Thôi rồi! Kẻ nào mới ném hòn đá vào đầu xe!



Lập tức ông giảm tốc độ và tập xe vào vệ đường.

Quả như ông lo sợ. Hòn đá đã làm móp, trầy xước ở đầu xe. May mà không vỡ đèn hay kính.

Nhìn quanh, ông bắt gặp ngay thủ phạm. Một chú bé con đang run rẩy, sợ hãi, nước mắt tèm lem. Ông xông tới, túm chặt kẻ phá hoại. Ông nạt nộ, quát tháo. Ông vung nắm tay lên như muốn đánh, càng làm đứa trẻ rúm ró lại. Ông hét: “Tại sao? Tại sao mà ném đá?”

Chú bé khóc nức lên, giọng đứt quãng, lộn xộn. Nhưng rồi ông cũng hiểu ra. Chú đẩy xe lăn cho anh chú. Xe lật. Anh chú và xe cùng lộn nhào xuống cái hố thấp ven đường. Chú không đủ sức nâng cả xe và anh lên, nên không kéo được xe và người ra khỏi hố. Chú đứng rất lâu bên vệ đường, chờ có người giúp. Đường vắng, thỉnh thoảng vài chiếc xe lao vút qua. Chú vấy tay lia lịa và cố gào to lên cầu cứu. Chẳng ai thèm dừng lại. Cuối cùng, khi thoáng thấy xe ông từ xa, chú bèn cúi xuống nhặt lấy hòn đá...

Bao nhiêu phần nộ chột tan biến. Theo chân chú bé, ông bước xuống hố nâng kẻ bị nạn dậy. Rút khăn tay ra, ông lau bụi đất và mấy chỗ xước rướm máu trên mặt nạn nhân. Rồi chú bé cùng với ông hè hụi kéo xe lăn cùng với anh chú lên mặt đường.

Câu chuyện quả thật chẳng thú vị lắm. Tuy nhiên lời bình

luận của người kể chuyện khiến tôi không khỏi trầm ngâm.

Người ấy bảo rằng Thượng Đế vẫn hay thủ thủ bên tai ta, rót khế vào lòng ta lời khuyên tiếng dạy. Nhưng ta thường không chú ý nghe vì ta còn đang quá mải mê với công việc của mình, nhất là khi đời ta đang lên hương, ta đang mãn nguyện với cái mà đời gọi là thành đạt.

Thế nên, trong đời này có rất nhiều người chỉ khi nào gặp một biến cố thì họ mới thấm thía mà thức tỉnh. Bấy giờ họ mới chịu lắng nghe tiếng nói của Thượng Đế.

Họ phải đợi Thượng Đế ném cho một hòn đá...■

## **ĐẠI HẠ GIÁ**

Đây là chuyện tôi nghe. Ngày nọ người ta kháo nhau quý sú đang bán hàng đại hạ giá. Mọi thứ đồ nghề chuyên dùng của quý được bày lũ khủ ở chợ trời, ai cũng có thể tới xem và tùy thích chọn mua bao nhiêu cũng được. Lại nghe đâu nếu mua nhiều, quý sú còn có khuyến mãi đặc biệt.

Biết chuyện, Thượng Đế bèn vi hành tới gian hàng ấy. Đóng vai khách nhàn du, Ngài chấp tay sau lưng, lững thững dạo qua những kệ hàng đầy ắp những món dụng cụ được bày theo từng nhóm. Nghĩa là mỗi kệ chỉ bày một thứ dụng cụ với đủ kích cỡ khác nhau. Mỗi món đều được đánh theo miếng thẻ ghi rõ tên gọi và giá bán. Tuy

nhien, đó chỉ là giá tham khảo. Khách hàng có thể tha hồ mặc cả. Quý sú rất chiều khách, ai trả giá kiểu gì cũng được chấp thuận lệ!

Thượng Đế gật gù, thầm thừa nhận quý sú rất giỏi nghề chiêu dụ với tài trưng bày hàng hóa rất hấp dẫn. Thành thử Ngài thấy nhiều người thoát đầu quả tình chẳng định bụng mua sắm gì hết, chỉ tò mò muốn ghé mắt xem cho biết, nhưng rốt cuộc họ không cầm lòng được, đã thò tay chọn mua nhiều món, như là cầm thù, ganh tỵ, ghen tuông, lừa đảo, dối trá, kiêu ngạo...

Lạ thay, có một món dụng cụ đã mòn vẹt rất nhiều, được trưng bày riêng biệt.

Một người đứng cạnh Thượng Đế hỏi quý sú: “Cái gì đây? Sao không ghi tên gọi trên thẻ?”

Đáp: “Vì nó có nhiều tên gọi khác nhau, không đủ chỗ ghi hết trên thẻ.”

Lại hỏi: “Thí dụ?”

Đáp: “Chán nản, ngã lòng, nhụt chí, yếu đuối, sợ hãi, vãn vãn và vãn vãn.”

Hỏi tiếp: “Cái này xài nát rồi mà sao giá lại mắc hơn hết so với các món khác?”

Quý sú đáp: “Nó là đồ nghề lợi hại nhất của ta. Ta dễ dàng dùng nó khai, mở tâm hồn con người. Chỉ cần cạy được một kẽ hở nhỏ thôi, ta có thể mặc tình sai khiến kẻ đó. Đây, nhìn xem, nó mòn vẹt rất nhiều vì ta cứ xài luôn tay.”

Quý sứ mỉm cười tự đắc: “Lợi hại hơn cả là phần đông thiên hạ không dè rằng món đồ nghề này vốn là bửu bối độc đáo của ta.”

Người nọ quay sang hỏi Thượng Đế: “Tôi có nên mua không nhỉ?”

Thượng Đế mỉm cười, đọc một đoạn ngắn trong Isaiah (40: 29–31): “Thượng Đế ban sức mạnh cho người mệt mỏi, kiệt lực. Ai không khỏe thì Ngài thêm sức. Kẻ trai trẻ cường tráng nào mà mệt mỏi, nhọc nhằn, loạng choạng, ngã nghiêng, nếu biết cậy trông nơi Thượng Đế, họ sẽ được thêm sức, và họ sẽ bay vút lên như cánh chim bằng...”■

## TẮM MẠNG NHỆN

Đây là chuyện tôi nghe. Sau trận chiến ác liệt, một người lính lạc khỏi đồng đội trong lúc rút lui. Lẻ loi giữa rừng núi, anh không khỏi sợ hãi khi lắng tai nghe ngóng và đoán biết đối phương đang chia làm nhiều toán nhỏ túa đi nhiều hướng, lùng sục khắp nơi. Nhanh như cắt, anh lúi ngay vào một cái hang vừa nhác thấy.

Hang nhỏ hẹp, không hẳn rất hay thú dữ, nhưng chẳng được sâu lắm. Miệng hang lại quá trống trải, chỗ ẩn nấp của anh vì thế rất dễ bị đối phương phát hiện. Tuy nhiên anh không còn cơ hội chọn lựa nào khác. Từ xa có một tốp ba người lăm lăm tay súng, thận

trọng từng bước dò dẫm tiến về phía anh.

Anh chỉ còn biết nhắm nghiền hai mắt lại, tập trung tư tưởng, dốc lòng khẩn nguyện, cầu xin Thượng Đế thương xót phù hộ, bảo vệ tánh mạng nếu như phần số anh hôm nay chưa dứt.

Trong hang tối om, nhưng nhìn ra miệng hang thì tỏ. Và anh ngạc nhiên thấy dường như có cái gì đó mỏng manh, phản chiếu ánh sáng loang loáng, đang chuyển động qua lại rất nhanh. Định thần nhìn kỹ, anh nhận ra một con nhện khá lớn đang thoăn thoắt đan những sợi tơ giăng qua miệng hang.

Chắc không là ngẫu nhiên. Thượng Đế đã đáp lời khẩn nguyện của anh chẳng? Anh nghĩ thế và bất chợt mỉm cười cay đắng. Anh đang cần một bức tường đá kiên cố che chắn cho anh thì mĩa mai thay, Thượng Đế lại ban cho mấy sợi tơ mong manh như sương khói! Thượng Đế quả thật rất hài hước!

Tiếng chân tới gần miệng hang càng rõ. Anh nín thở, hờm sẵn súng. Một bóng người dừng lại trước miệng hang lúc này đã được tấm mạng nhện giăng kín. Y nhìn tấm mạng nhện rồi lẹ làng bỏ đi. Tấm mạng nhện nguyên vẹn, nên y nghĩ rằng chưa có ai chui vào hang.

Anh lính bưng tỉnh. Lòng đầy ăn năn, anh chấp tay cầu

nguyện Thượng Đế lần nữa: “Xin Thầy từ bi xá bỏ lỗi lầm vì con khờ dại, không hiểu được quyền phép mầu nhiệm của Thầy.”

Người kể chuyện nói thêm rằng trong đời ta không khỏi có những lúc nguy nan, khốn đốn. Vững đức tin thì ta có thể cầu xin Thượng Đế cứu giúp. Tuy nhiên, cách Ngài giúp thường không đúng theo ý ta mong muốn.■

## THƯỢNG ĐẾ KHÔNG CÓ?

“Thầy đã đưa tay đến với các con, các con phải đưa tay tới với Thầy. Thầy sẽ dìu dắt các con đến gần Thầy và trở về cùng Thầy. Thầy cùng các con là một, sống trong lẽ thiên nhiên, trong mùa xuân vĩnh cửu.”<sup>1</sup>

Đây là chuyện tôi nghe. Một người đến tiệm hớt tóc quen để cắt tóc, cạo râu và lấy ráy tai.

Trong lúc hai bàn tay thoăn thoắt làm việc, ông thợ luôn miệng trò chuyện rôm rả với thân chủ. Những mẫu chuyện đầu Ngô mình Sở dẫn dắt thế nào đó mà bỗng dưng họ lại sa đà qua đề tài... thần học: Thượng Đế có hay không có?

Thợ hớt tóc vừa đưa một đường kéo ngọt sốt tĩa chỏm tóc lòa xòa trước trán thân chủ vừa phán một câu chắc nịch: “Trên đời này làm gì có Thượng Đế!”

1. Huyền Khung Cao Thượng Đế, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 10-02-1975.

Vốn là một tín đồ, thế nên khách không khỏi phật ý, bèn vặn lại: “Tại sao nói thế?”

Thợ hớt tóc nói luôn một mạch: “Thì cứ ra phố mà xem. Nhiều trẻ em phải lang thang kiếm sống. Lắm người già yếu còn phải còng lưng dầm mưa dãi nắng bán rong. Bao kẻ không nhà đêm đêm vẫn mượn vỉa hè nằm co ro, lăn lóc. Chưa kể là vào các bệnh viện lúc nào cũng thấy chen chúc và đẩy đẩy nghịch cảnh đau lòng... Nếu quả thật trên đời này có một Đấng Thượng Đế từ bi luôn thương xót chúng sinh, thì có sao những mảnh đời khổ ải đó lại không được Ngài cứu vớt?!”

Khách làm thinh, lòng bức bối. Khi trả tiền xong, khách bước ra khỏi tiệm hớt tóc và tình cờ bắt gặp bên kia đường một người râu tóc lùm xùm, thậm thụt, rõ ra đã lâu ngày không hớt không cạo.

Khách liền quày trở vào tiệm: “Anh biết chứ? Trên đời này làm gì có thợ hớt tóc!”

Thợ hớt tóc sững sốt: “Nói vậy mà nghe được à?! Thế tôi là ai? Ai vừa mới hớt tóc cho anh ở đây?”

Khách kéo thợ hớt tóc ra cửa, chỉ sang bên kia đường: “Đấy! Thợ hớt tóc không hề có, vì nếu có thì người kia đã không phải để râu tóc lùm xùm, thậm thụt như vậy.”

“Sai bét! Thợ hớt tóc vẫn luôn có, nhưng tay đó không chịu bước vào tiệm hớt tóc thì đâu có đông có nhiều thế nào chẳng nữa, thợ hớt tóc cũng đành bó tay.”

Khách mỉm cười: “Chính xác! Thượng Đế cũng vậy mà thôi. Ngài luôn luôn đưa tay ra chờ đợi chúng ta nhưng chúng ta không chịu tìm đến mà nắm lấy tay Ngài. Chúng ta luôn tìm đủ cách phủ nhận Thượng Đế, và kiêu ngạo với tài hèn sức mỏng của mình. Đó là nguyên do sâu xa của mọi nỗi đau khổ trên thế gian.”■

---

ẢNH MINH HỌA: TÁC PHẨM “LẮNG NGHE” CỦA HỌA SĨ LƯƠNG LƯU BIÊN.





# Tìm hiểu đôi nét về lịch sử văn hóa thời đại Hùng Vương

■ XUÂN MAI

**T**rước khi những bộ sách về lịch sử của dân tộc được biên soạn thì trong dân gian đã lưu truyền những huyền thoại, những truyền thuyết về thuở khai thiên lập địa; thuở dựng nước thời Hùng Vương. Đó là những truyền thuyết, những câu chuyện về họ Hồng Bàng và sự tích con Rồng cháu Tiên, chuyện về bọc trăm trứng, chuyện Sơn Tinh – Thủy Tinh, chuyện bánh chưng, bánh dày, chuyện trầu cau, dưa hấu, truyện Thánh Gióng... Tập hợp những truyền thuyết đó có thể được xem như một bộ sử dân gian vừa đượm màu sắc huyền thoại, vừa chứa đựng những cốt lõi lịch sử trong ký ức hồi cổ và truyền khẩu qua nhiều thế hệ.

Từ trước đến nay chúng ta thường nghĩ rằng mỗi “đời” vua Hùng là giai đoạn sinh sống của một vị vua thuộc họ Hồng Bàng, cho nên với 18 đời vua mà thời gian kéo dài đến 2622 năm thì có vẻ rất vô lý.

Gần đây các công trình nghiên cứu của các sử gia về Hùng Vương và sự tích “Hùng Triệu Ngọc Phả” do Nguyễn Như Đỗ sống vào thời nhà Lê đã ghi như sau: “Thời đại Hùng Vương kéo dài 2622 năm gồm 47 đời vua.” Theo Hùng Vương Ngọc Phả thì chữ “Đời Vua” dùng trong tài liệu này phải hiểu là chữ “thế” trong Hán tự không phải là một đời người mà là “một dòng gồm nhiều đời”. Riêng thế (hay đời) tức là chi Hùng Vương

thứ 18 – chi cuối cùng của thời đại Hùng Vương đã gồm 3 đời vua trị vì suốt 150 năm.

Dưới thời kỳ phong kiến, một số nhà sử học đã đưa thời đại Hùng Vương vào các công trình sử học và xem đó như một phần lịch sử của dân tộc, chẳng hạn như quyển Việt Sử lược thời Trần, Du Địa chí ở thời Lê. Đặc biệt nhà sử học Ngô Sĩ Liên khi biên soạn công trình đồ sộ Đại Việt Sử Ký Toàn Thư đã đưa thời Hùng Vương thành một phần quan trọng trong tác phẩm này.

Mặc dù đã có những nhận thức rất tiến bộ nhưng do các nguồn tư liệu còn hạn chế nên phần lớn các nhà sử học dưới thời kỳ phong kiến vẫn không khỏi băn khoăn nghi ngờ về thời đại Hùng Vương. Tình trạng đó kéo dài cho mãi đến nửa cuối thế kỷ xx khi mà việc nghiên cứu về thời đại Hùng Vương đã trở thành một vấn đề khoa học nghiêm túc, đã được triển khai nghiên cứu theo phương pháp liên ngành như khảo cổ học, dân tộc học, văn hóa học... và đã thu được rất nhiều kết quả. Trong đó khảo cổ học đã đóng một vai trò quan trọng.

Thời đại Hùng Vương có một ý nghĩa quan trọng trong lịch sử. Đây là thời đại hình thành nên những giá trị về văn hóa để rồi trở thành những hằng số trong tiến trình phát triển của dân tộc Việt Nam. Trong vài chục năm gần đây, với những phát hiện về văn hoá Đông Sơn, các nhà khoa học mới có thể dựng nên bức tranh



toàn thể về thời đại Hùng Vương dựa vào chứng cứ vật chất khai quật được trong lòng đất. Chính văn hoá Đông Sơn là nền tảng cho thời này, khi mà niên đại của nó cũng khá trùng hợp với những gì sử sách chép lại về thời Hùng Vương, tức vào khoảng thế kỷ 7 trước Công nguyên.

Những thành tựu nghiên cứu về thời đại Hùng Vương đã góp phần chứng minh một sự thật lịch sử rằng mọi người dân sinh sống trên mảnh đất Việt Nam đều có chung một nguồn cội, là dòng dõi Rồng Tiên với dòng máu Lạc Hồng luôn chảy trong huyết quản của mỗi người dân đất Việt. Đó cũng là yếu tố quan trọng hàng đầu giúp gắn kết toàn dân tộc thành một khối thống nhất, đoàn kết thương yêu để đưa đất nước vượt qua muôn vàn thử thách. Và ngày giỗ Tổ hàng năm đã trở thành một ngày hội lớn của người dân Việt Nam.

“Dù ai đi ngược về xuôi,  
Nhớ ngày giỗ Tổ mồng Mười tháng Ba.  
Khắp miền truyền mãi câu ca.  
Nước non vẫn nước non nhà ngàn năm.”

Trong Cao Đài giáo, Đấng Quốc Tổ đã từng giảng đàn dạy đạo cho tín hữu, kêu gọi con cháu Lạc Hồng hãy biết lo tu hành mới cứu được Nam bang, đã góp thêm một minh chứng rằng: Thời Hùng Vương là có thật chứ không chỉ trong truyền thuyết.

*Huân Cung Đàn Trung Nguơn Ất Tỵ (1965)  
Lý Đại Tiên, ...*

*Giờ này có vị Tổ Quốc muốn lai đàn, Bần Đạo cũng rộng cho. Vây Bần Đạo ban ân lành tam ban nam nữ tiếp lĩnh. Bần Đạo thăng.*

TIẾP ĐIỂN

THI

LẠC nghiệp phục hồi chẳng có lâu,  
LONG hoàng trở mặt giải đời sầu,  
QUÂN dân nhứt trí hành đạo đức,  
GIÁNG bút đêm thanh thỏa chí sầu.

LẠC LONG QUÂN, Ta chào môn đệ của Đức Chí Tôn tam ban. An tọa nghe ta luận đôi lời cho thỏa dạ.

Ta từ ở cõi vô hình muốn đến với phàm gian

*phải dùng qua phần huyền vi diệu bút để tỏ lời cùng chư môn đệ của Chí Tôn.*

BÀI

Đàn thanh tịnh Lão lai nhắc nhở,  
Cháu Rồng Tiên cởi mở dòng sầu,  
Nhìn xem khắp cả hoàn cầu,  
Chia đôi chủng tộc khắp bầu kiến khôn.  
Nhìn vận quốc hoàng hôn phủ dạng,  
Đau lòng ta ai hân cho ta?  
Ngó lên than với Trời Cha,  
Hỏi sao nỡ để dòng ta xáo nhôi.  
Trách như thế, ôi thôi nghĩ lại,  
Nhịp cung cầu ta phải lo ta,  
Nhìn xem hình bóng không xa,  
Dân Nam cơ cực ấy là quả chung.  
Kẻ nắm mỗi chân dân chẳng trọn,  
Nỡ lòng xu để bọn mị dân,  
Đảo điên trí não tinh thần,  
Rút chơn còn dấu lại phân bua rằng:  
Lấy hết trí chuẩn thẳng vị quốc,  
Lấy hết tài bồi đắp non sông.  
Cả kêu con Lạc cháu Hồng,  
Ghi tên sổ Đạo cứu dòng Nam bang...

Đức Lê Sơn Thánh Mẫu có chỉ rõ Đại Nam Thánh Mẫu là Âu Cơ đời Lạc Long Quân. Bà Âu Cơ khi xưa giảng sanh khai lập nước Nam chịu nhiều cay đắng rồi tu hành trở về cảnh cũ. Sau này được Thiên đình phong chức Đại Nam Thánh Mẫu. Từ đó đến nay, trên bốn ngàn năm lịch sử.

Nguyệt Minh Đài, 12-3 năm Giáp Tuất (1934)

Mẹ mừng các con!

THI

ĐẠI đồng khêu đuốc “Nữ Chung Hòa”,  
NAM Việt chói ngời chín phẩm hoa;  
THÁNH luật, Mẹ ban đời thới thanh,  
MẪU tử khuyên dựng nước âu ca.  
DẠY đời tỉnh mộng theo đường chánh,  
ĐẠO thúc người mê lánh nẻo tà,  
NỮ liệt rõ ràng nên Tứ đức,  
PHÁI ân quy hiệp các con nhà.

## SỰ PHÁT TRIỂN DƯỚI THỜI HÙNG VƯƠNG

Thời Hùng Vương dưới ánh sáng của các tài liệu khảo cổ học đã cho thấy một xã hội đã khá phát triển, lúc bấy giờ, người Việt đã biết cày bằng耒耜 cày đồng, gặt lúa bằng耒耜 liềm đồng trên những cánh đồng thẳng tắp cò bay của các lưu vực sông mầu mỡ phù sa.

Về mặt ẩm thực (theo PGS-TS Trịnh Sinh), người xưa không còn ở giai đoạn “lấy bột cây mà ăn” nữa mà đã trồng lúa. Dấu vết hạt gạo đã tìm được, các vỏ trấu cũng còn vương lẩn trong đất làm khuôn đúc đồng. Họ không những chỉ trồng lúa tẻ mà còn biết trồng lúa nếp. Bằng chứng là phát hiện các mảnh chõ đồ xôi trong khu mộ táng Làng Vạc. Chính sự có mặt của hạt gạo nếp cũng phù hợp với một truyền thuyết trong thời Hùng Vương là truyền thuyết bánh chưng, bánh dày.

Đời sống tinh thần của người thời Hùng Vương cũng hết sức phong phú, có ngày hội mà các nam thanh, nữ tú lại được trang sức đẹp với các vòng ngọc, hạt cườm thuỷ tinh, các vòng ống đeo dây cổ tay, cánh tay và cổ chân. Những chiếc vòng này lại được gắn nhiều chiếc chuông nhỏ.

Vấn đề y phục thời Hùng Vương đặc biệt quan trọng, là một trong những yếu tố quan trọng thể hiện bản sắc văn hóa của dân tộc và là một trong những yếu tố cần, nhằm chứng tỏ nền văn hiến của Việt Nam, bắt đầu từ thời đại của các vua Hùng. Sự khẳng định bản sắc văn hóa qua y phục dân tộc, không phải chỉ đơn giản thể hiện nền văn minh mà còn là khẳng định tính độc lập và văn hoá đặc trưng của dân tộc đó.

Thí dụ: Triều đại Mãn Thanh khi xâm chiếm Trung Hoa, một trong những việc làm đầu tiên của họ là buộc tất cả người Hán phải ăn mặc theo y phục dân tộc của họ.

Thời Hùng Vương, họ cũng đã tạo ra được bộ váy đẹp cho người phụ nữ (tượng phụ nữ trên cán dao găm) hoặc đàn ông thì đóng khố.

Hình bên là một cụm hình, được ghép bởi hình chiếc cán dao bằng đồng từ thời Hùng

Vương – có niên đại được xác định là 300 năm tr.CN, được tìm thấy ở Lăng Ngâm – Hà Bắc, trên có tạc người phụ nữ với y phục thời Hùng Vương và hình vẽ miêu tả y phục của một phụ nữ miền Bắc. (Theo Nguyễn Vũ Tuấn Anh – Trung tâm Nghiên cứu Lý học Đông phương).

Như vậy, có thể khẳng định: Dưới thời Hùng Vương, ông cha ta đã có những y phục dân tộc tương tự như y phục phổ biến của người Việt còn tồn tại ở các vùng thôn quê Việt Nam. Qua đó chúng ta cũng nhận thức được rằng: Y phục trong xã hội thời Hùng Vương đã mang tính văn hoá đặc thù của dân tộc Việt và xã hội này phải có một nền văn minh phát triển để chế tác ra những cấu trúc y phục đó.

Đúc đồng thành thạo: Phát triển nhất của người thời Hùng Vương chính là chỗ họ đã rất thành thạo trong việc đúc đồng. Các nhà khoa học đã rất ngạc nhiên khi biết người xưa chỉ bằng kinh nghiệm, đã biết cách pha chế đến 12 loại hợp kim, trong đó quan trọng nhất là hợp kim đồng-thiếc-chì. Họ đã đúc được những chiếc trống đồng Ngọc Lũ, Cổ Loa khá hoàn thiện, mà cho đến hiện nay, các thợ thủ công lành nghề cũng vẫn chưa đúc thành công được những trống đồng theo đúng như xưa.

Không chỉ là sự thành thạo trong việc đúc đồng mà còn là thông qua những chiếc trống đồng với những hoa văn phong phú mang đậm nét nghệ thuật, người xưa đã chuyển tải tư duy, nhận thức để lại cho đời sau như là một phương cách lưu truyền nền văn hóa đương thời cho hậu thế.

Thí dụ như: Trong số trống Đông Sơn đã được phát hiện, Ngọc Lũ là trống có kích thước to nhất, có hoa văn phong phú nhất, thể hiện kỹ thuật đúc đồng cao cấp của người thợ tài hoa thời đại Hùng Vương, do một cụ già phát hiện được năm 1893 khi đắp đê sông Hồng và đưa về để ở chùa làng – chùa Đọi (Long Đọi Sơn) thuộc làng Ngọc Lũ, tỉnh Hà Nam. Từ đó chiếc trống đồng Ngọc Lũ được cả thế giới biết tiếng và trở thành một trong những di vật đồng thau tiêu biểu nhất.

Những hoa văn khắc trên trống đồng (hay gấm) không chỉ được quan niệm như là những hình họa trang trí, mà còn mang ý nghĩa về mặt nghệ thuật, nhưng mặt quan trọng nhất mà hoa văn ký tải là tư duy của người xưa. Người xưa đã biết dùng kinh Dịch để chuyển tải tư duy dưới hình thức những hoa văn trang trí, những người vẽ đồ án hoa văn thời Hùng Vương đã biết kết hợp hài hòa giữa tư tưởng và nghệ thuật. Họ chính là những nhà tư tưởng, những triết gia của thời đại của đất nước Việt Nam. Cách trình bày kinh Dịch dưới dạng hoa văn cho thấy họ có tư duy linh hoạt, sáng tạo. Chúng ta có thể điểm qua một vài nội dung thể hiện kinh Dịch được trình bày trên mặt trống đồng Ngọc Lũ như sau:

Mặt trống Ngọc Lũ kể từ trung tâm trở ra có 16 vành. Chính giữa mặt trống là hình mặt trời có 14 tia. Ta chú ý hai vành 8 và 10. Vành 8 có hai nhóm, mỗi nhóm có 10 con hươu cách nhau bằng hai tổp chim bay, một tổp có 6 con, một tổp 8 con. Hươu đi, chim bay. Hươu đục đi trước theo sau là hươu cái, cứ nối tiếp nhau hết đục đến cái. Đây là cách thể hiện hình tượng âm dương luôn vận động, biến dịch trong vũ trụ.

Vành 10 có tất cả 36 con chim gồm 18 chim đang bay, và 18 chim đang đậu, cứ một chim bay kèm một chim đậu làm thành một nhóm. Đây cũng là cách thể hiện hình tượng âm dương trong trạng thái đối lập một động, một tĩnh. Chim bay là động, chim đậu là tĩnh. Động thuộc

dương, tĩnh thuộc âm. Âm dương nối tiếp nhau vận hành không ngừng làm nên cuộc sống.<sup>1</sup>

Con số 36 này có thể hiểu theo một nghĩa khác: Theo Thiệu Khang Tiết, kinh Dịch có 64 quẻ gồm 8 quẻ bất dịch (đảo ngược vẫn là hình quẻ đó) và 28 cặp quẻ phản dịch (đảo ngược thành quẻ khác) nghĩa là  $64=8+(28 \times 2)$  do đó tiên sinh cho rằng kinh Dịch có 36 cung ( $36=8+28$ ). Thượng Kinh có 18 cung gồm 6 quẻ bất dịch và 12 quẻ phản dịch. Hạ Kinh gồm 2 quẻ bất dịch và 16 quẻ phản dịch.

Trên mặt trống Ngọc Lũ còn có hai dải băng răng cửa thuộc vành 12 và 16. Mỗi băng răng cửa do hai lớp tam giác đối đỉnh tạo thành. Tam giác nổi tượng hình cho năng lượng dương, tam giác chìm tượng hình cho năng lượng âm, các tam giác này tạo thành hai lớp răng cửa khớp vào nhau, giống như hai bánh răng cửa trong một cỗ máy đang vận hành ăn khớp với nhau, như ngày và đêm quyện vào nhau dịch chuyển theo thời gian. Nói theo cách của Dịch Truyện là “cương nhu tương thôi nhi sinh biến hoá”. Cương là dương, nhu là âm, âm dương thúc đẩy nhau mà sinh ra biến hoá. (Hệ từ thượng truyện, II, 2).

Ngày nay, tất cả những ngành và liên ngành khoa học, sử dụng những phương pháp chuyên môn của mình, đã tạo ra những luồng sáng khác nhau từ nhiều chiều hướng cùng rọi chiếu vào một điểm, để cuối cùng, dưới ánh sáng của một năng lượng nghiên cứu tổng hợp, đã thấy dẫn

1. Theo Nguyễn Thiếu Dũng, Việt Báo, 30-8-2005.



BỀ MẶT TRỐNG ĐỒNG NGỌC LŨ.



dần hiện ra và liên kết lại, hình ảnh của cả một thời đại bộc lộ dần.

Đây là một thời đại bồi đắp và định hình nền văn minh đầu tiên mang bản lĩnh dân tộc với một loạt thành tựu đặc sắc trong đời sống vật chất, xã hội và tinh thần – từ ngôi nhà sàn mái cong đến con thuyền đuôi én, từ những truyền kể kỳ thú đến chiếc trống đồng kỳ diệu... vừa tỏa rộng ảnh hưởng từ những miền ký ức xa xưa đến hiện tại, vừa in dấu vết trong những thời đại lịch sử tiếp theo đúng như niềm tự hào mà Nguyễn Trãi xưa đã khẳng định: “Nước Đại Việt ta vốn xây nền văn hiến đã lâu...”

## **TÍN NGƯỠNG THỜI ĐẠI HÙNG VƯƠNG**

### **Là tín ngưỡng vật tổ kết hợp với tín ngưỡng nông nghiệp**

Hình ngôi sao – mặt trời giữa mặt trống đồng, hình chim, hươu, cóc, cá sấu... trên trống, trên thạp đồng và trên những hiện vật khảo cổ khác là những biểu tượng của một thứ tín ngưỡng tự nhiên đã có từ thời nguyên thủy, kết hợp với tín ngưỡng nông nghiệp của người Việt cổ trồng lúa nước thời Hùng Vương.

Trong tư duy tín ngưỡng Việt cổ còn đọng lại tín ngưỡng vật tổ có từ rất xa xưa, thuở con người còn sống gần gũi, gắn bó với giới thực vật và động vật và chưa đủ sức mạnh để tách hẳn ra khỏi nó để ngự trị nó. Do đó có những thị tộc, rồi những bộ lạc nhìn nhận một động vật hay một thực vật nào đó là cùng dòng dõi của mình, là tổ tiên hay họ hàng thân thích của mình.

Người Việt ngày nay vẫn tự hào một cách bóng bẩy, đầy ý nghĩa hình tượng rằng mình là “con Rồng cháu Tiên”. Đó là một niềm tự hào bắt nguồn từ tín ngưỡng vật tổ xa xưa.

Hai hình tượng chim và rồng mang ý nghĩa tín ngưỡng vật tổ gắn liền với hệ thống thần thoại xoay quanh cái trục đất (núi) – nước (sông) đã tồn tại khá phổ biến ở các dân tộc miền Đông Nam Á và Nam Thái Bình Dương.

Riêng ở Việt Nam, người Mường và các dân

tộc người ở Tây Nguyên sống ở các vùng trung du, cao nguyên và rừng núi còn giữ truyền thuyết và tín ngưỡng về chim tổ đậm nét hơn.

Còn người Việt sống ở các miền đồng bằng ven sông ven biển thì nhấn mạnh nhiều hơn đến những truyền thuyết và tín ngưỡng về rắn, rồng, thuồng luồng, giao long.

Theo “Hành trình về thời đại Hùng Vương dựng nước” của tác giả Lê văn Hảo, trong những hình thức tín ngưỡng tự nhiên có tục thờ mặt trời là một tín ngưỡng rất cổ còn được bảo lưu ở thời Hùng Vương. Hình ngôi sao mặt trời được chạm khắc phổ biến trên mặt trống đồng, trên nắp thạp đồng. Những hình người và động vật (hươu nai, chim chóc...) trên mặt các trống Ngọc Lũ, Hoàng Hạ, Sông Đà... đều đi, nhảy, chạy, bay chung quanh hình mặt trời, ngược chiều kim đồng hồ. Trống nào cũng vậy, rõ ràng không phải là ngẫu nhiên. Hình ảnh mặt trời đã để lại dấu ấn sâu sắc trong cuộc sống của người Việt cổ trồng lúa nước đến mức họ đã luôn khắc họa nó ở vị trí trung tâm của trống đồng, văn vật tiêu biểu của nền văn minh Việt cổ.

Cùng với mặt trời, đất và nước là hai thực thể khác có ý nghĩa thiết thân đối với nghề nông và đã được thần thánh hoá từ lâu đời. Đất có thần Đất, thần Bếp, thần Thành hoàng làng.

## **CỘI NGUỒN TÂM THỨC CỦA DÂN TỘC VIỆT**

Thời đại Hùng Vương bắt đầu từ trước đây bốn nghìn năm. Thời đại đó dài đến hai mươi thế kỷ, đã in dấu rất rõ vào các mặt sinh hoạt tinh thần và vật chất của dân tộc ta, và còn để lại dấu tích trong cuộc sống chúng ta hiện nay.

Đặc biệt là cho đến nay trải qua mấy nghìn năm, biết bao thế hệ, biết bao biến đổi mà người Việt Nam ta vẫn tưởng nhớ vua Hùng với tất cả tình yêu và lòng tin... thì sự tưởng nhớ đó phải có sức mạnh lạ thường, phải có gốc rễ rất vững chắc. Sự tưởng nhớ ấy là biểu hiện của sức sống mãnh liệt, một biểu hiện của niềm tự hào dân



tộc, ý thức cội nguồn dân tộc giống nòi: “Con cháu Quốc Tổ Hùng Vương”; lòng biết ơn sâu sắc đến bậc anh hùng đã có công dựng nước, khai sáng lịch sử văn hoá dân tộc.

Ý niệm về đất nước do Mẹ Âu, Bó Rổng, Vua Hùng khai sáng và tạo dựng sẽ mở rộng dần thành ý niệm về lãnh thổ và giống nòi, thành tình cảm dân tộc đoàn kết nhiều nhóm người lại với nhau như anh em ruột thịt. Hình tượng “sinh ra trong cùng một bọc” là cội nguồn của ý niệm về “đồng bào”, một trong những ý niệm đẹp nhất trong tư duy Việt Nam.

Dân tộc Việt Nam rất quý trọng con người. Từ sự trân trọng con người như thế, ngay từ thời đại các Vua Hùng, đã phát sinh ra một tình cảm sẽ trở thành đạo lý, thấm sâu vào phong tục Việt Nam suốt đời này qua đời khác. Vì biết quý con người, nên quý cả các đấng sinh thành ra người, các vị giữ gìn, bảo vệ cho cả con người và cả đất nước. Từ đó có đạo thờ tổ tiên, đạo thờ cha mẹ.

Từ xưa, những con người thời sơ sử bị kẻ thù áp bức đã kêu lên: “Bố ơi, về cứu chúng con!” (theo sách Lĩnh Nam chích quái), thì giờ đây: “lời cha dạy khắc xương để dạ”. Còn mẹ thì lớn lắm. Mẹ ở khắp nơi. Mẹ sinh ra nòi giống (Mẹ Âu Cơ), mẹ sinh ra sông nước (Mẫu Thoải), mẹ sinh ra núi rừng (Mẫu Thượng Ngàn). Dân ta thờ nhiều Thần mà cũng biết thờ các Thánh. Nhiều vị Thánh vốn là Thánh riêng cho từng vùng được nâng lên tầm cả nước như Đức Thánh Trần hay Thánh Mẫu Liễu Hạnh.

Theo giáo lý Đại Đạo – Đại Thừa Chơn Giáo, Đức Chí Tôn đã dạy:

*Ai đã mang mảnh hình hài thì phải biết đội ơn hai đấng: Một là Trời, vì đấng Thanh Cao (Trời) phú cho người một cái bốn tánh thiện lương – tức là phần hồn. Hai là Cha Mẹ, vì người thọ bẩm tinh cha huyết mẹ mà tạo ra một cái hình hài xác thịt – tức là phần xác.*

Tục thờ cúng ông bà của người Việt là một nét văn hóa đặc sắc và việc thờ cúng Quốc Tổ là đỉnh cao của nhân bản.

## KẾT LUẬN

Trong tâm thức người Việt, chuyện Vua Hùng không chỉ là truyền thuyết về bọc trăm trứng mà còn là chuyện về nền văn hóa Việt Nam đậm đà bản sắc dân tộc.

Dân tộc Việt Nam luôn nằm lòng câu “uống nước nhớ nguồn”. Quốc Tổ Hùng Vương được người dân Việt bày tỏ lòng thành kính và thờ phụng tôn nghiêm trang trọng. Trên cả nước hiện nay có tới 1.471 điểm thờ phụng; trên thế giới những nơi có người Việt cư trú như Mỹ, Pháp, Nga, Đức... cũng có các điểm thờ cúng. Xu thế xin được rước “đất núi Hùng”, “nước giếng Ngọc” về thờ tại các đền thờ vọng của nhân dân Việt Nam đã trở thành nhu cầu bức bách của tâm linh. Ai cũng muốn ngôi đền phải có được sinh khí “quốc hồn” trong đó.

Năm 2009 vừa qua, vào dịp giỗ Tổ Hùng Vương năm Kỷ Sửu, chính quyền và nhân dân TP. HCM đã về khu di tích lịch sử Quốc gia Đền Hùng (tỉnh Phú Thọ) thỉnh linh khí Quốc Tổ Hùng Vương về thờ cúng tại khu tưởng niệm các vua Hùng trong công viên lịch sử văn hóa dân tộc TP. HCM, để hàng năm nhân dân thành phố được đến viếng lễ bày tỏ lòng tri ân công đức tiền nhân; thờ cúng tổ tiên; cầu cho mọi người được sống an lành; đoàn kết thương yêu trên tinh thần “phúc-lộc-thọ-cường; quốc thái dân an”.

Kỷ niệm ngày Giỗ Tổ Hùng Vương năm nay, chúng ta hãy đốt nén hương lòng, kính cẩn hướng về Quốc Tổ, về những bậc tiền nhân dựng nước. Hãy cùng góp tay, góp sức để huyền thoại ngày xưa trở thành lịch sử, để yêu thương hơn và để cuộc sống tốt đẹp hơn. Và điều quan trọng hơn nữa là: Dốc phụng mệnh Trời đem giáo lý chánh chơn thuần nhứt của Đại Đạo để phổ truyền khắp chốn, đem đạo Trời áp dụng vào trong nếp sống hằng ngày để là tấm gương tốt cho nhơn sanh tỉnh mộng trầm kha tìm vào cửa Đạo như lời Đức Quốc Tổ đã dạy:

*Lấy hết trí chuẩn thẳng vị quốc,*

*Lấy hết tài bồi đắp non sông.*

*Cả kêu con Lạc cháu Hồng,*

*Ghi tên sổ Đạo cứu dòng Nam bang...■*



# NGOẠI GIAO ĐẠI VIỆT

■ LÊ CHÍ THẬT

Khi nói đến sự thịnh suy, tồn vong của quốc gia, là nói đến tiềm lực chính trị–kinh tế–xã hội, đường lối đối nội, đối ngoại của quốc gia đó.

Trải dài lịch sử hơn bốn ngàn năm dựng nước và giữ nước, từ các vua Hùng cho đến nhiều thế hệ nối tiếp nhau, Việt Nam đã trải qua nhiều thăng trầm biến cố của lịch sử. Mỗi giai đoạn lịch sử đều có những dấu ấn chứng nhân, anh hùng hào kiệt hay những chiến tích lẫy lừng.

Đại Việt là một nước nhỏ giáp ranh và có quan hệ với những nước láng giềng như: Trung Quốc; Chiêm Thành; Ai Lao; Chân Lạp; Xiêm La... Các nước này đều có xu hướng tranh giành ảnh hưởng, bành trướng lãnh thổ, mở rộng biên cương.

Không kể nước láng giềng khổng lồ Trung Quốc luôn chực chờ thôn tính và Việt Nam đã từng trải qua hơn 1000 năm Bắc thuộc, Chiêm Thành ba lần đánh Giao Châu và bắt giam sứ giả thời đó, dẫn đến cuộc xung đột giữa hai quốc gia. Thế kỷ XIV vua Chế Bồng Nga bốn lần cầm quân đánh Thăng Long...

Các cuộc kháng chiến của Đại Việt chống xâm lược đều là những phản ứng tự vệ. Để tồn tại và phát triển, Đại Việt đã tự vạch cho mình một đường lối ngoại giao thích hợp, khác hẳn chính sách đối ngoại của các nước láng giềng thời bấy giờ, là giữ vững độc lập, chủ quyền, lãnh thổ, sống hòa mục với các nước, trước hết là các nước láng giềng, góp phần bảo vệ an ninh khu vực.

Phan Huy Chú đã nêu rõ sự quan tâm của các nhà lãnh đạo Đại Việt đối với quan hệ láng giềng:

“Trong việc trị nước, hòa hiếu với nước láng giềng là việc lớn mà những khi ứng thù lại rất quan hệ không thể xem thường cho nên nghĩa tu hiếu (sửa việc giao hiếu), đạo giao lân (giao thiệp với nước láng giềng), chính là đem lòng thực mà kết giao, người có quyền trị nước phải nên cẩn thận.”<sup>1</sup>

Khi đất nước bị xâm phạm thì con dân Đại Việt triệu người như một kiền quyết chiến đấu bằng mọi phương tiện quân sự, chính trị, ngoại giao để bảo vệ đất nước. Nhưng để chấm dứt

---

1. Phan Huy Chú, Lịch triều hiến chương loại chí.

chiến tranh, sẵn sàng cùng đối phương thương lượng, tìm cách giải quyết vấn đề nhưng không bao giờ xa rời lập trường nguyên tắc giữ vững độc lập chủ quyền. Sau những cuộc chiến thắng đánh đuổi ngoại xâm, đường lối ngoại giao hòa giải lại được thực hiện trên tinh thần: “Sống hòa mục với các nước láng giềng.”

Lịch sử đã tô đậm chiến công vang dội của vua tôi nhà Trần, ba lần đại thắng quân Nguyên Mông, nhưng ngay sau khi đánh đuổi được Ngột Lương Hợp Thai, vua Trần cử ngay một sứ bộ do tướng Lê Phụ Trần làm chánh sứ, Chu Bắc Lãm phó sứ, với nhiệm vụ chủ yếu là hòa giải với Mông Cổ.

Với thiện chí đó, hai bên thỏa thuận giữ quan hệ bình thường. Đại Việt chịu xưng thần, hai năm triều cống một lần, vua Mông Cổ đồng ý quan hệ theo lệ cũ, các tướng biên giới của Mông Cổ không được xâm phạm biên giới của Đại Việt.

Năm 1261, Hốt Tất Liệt sai Lê Bộ Lang Trung Mạnh Giáp sung chức An Nam Tuyên Dụ Sứ, Lễ bộ Viên Ngoại lang Lý Văn Tuấn làm phó sứ giả:

“Tuyên dụ quan lại, sĩ thứ nước Khanh, phạm y quan, điển lệ và phong tục, việc gì cũng theo cựu lệ bản quốc, không nên thay đổi; hướng chi gan dầy nước Cao Ly sai sứ thần qua, ta đã ban lời chiếu chỉ đều y như vậy. Trừ ra các biên tướng tại các sứ Vân Nam cấm không được tiện quyền dấy binh, lấn cướp bờ cõi, làm rối loạn nhân dân.” (Trích chiếu văn của vua Nguyên Thế Tổ Hốt Tất Liệt gửi vua Trần Thái Tông<sup>2</sup>).

Năm 1267, vua Nguyên lại gửi chiếu cho vua Trần:

“Phạm những nước đã quy phục với Trung Quốc thì vua phải làm thân hành đến châu, cho con em ở tại Trung Quốc làm tin, biên nạp dân số, cung ứng quân dịch, nạp thuế khóa, còn đặt quan Đại – Lỗ – Hoa Xích (Darugatri) cai trị... Khanh lo làm tròn mấy khoản đó thì trăm còn

gì nói nữa, nếu chưa làm trăm cũng không trách, Khanh cứ lo làm tròn bốn phận.”<sup>3</sup>

Thế kỷ XV, để trả đũa việc vua Chiêm Thành là Trà Toàn đem trăm ngàn quân đánh Hóa Châu, vua Lê Thánh Tông đem ba trăm ngàn quân đến Vijaya, kinh đô Chiêm Thành, bắt sống vua Trà Toàn nhưng không đựng đến nửa phía nam của nước này. Nhà vua thừa sức chiếm cả nước này nhưng chỉ chiếm kinh đô, vạch biên giới ở đèo Cù Mông rồi rút quân về nước. Sau cuộc chinh phạt Chiêm Thành, đáp lại việc Ai Lao gây rối ở biên giới, nhà vua chỉ huy mười tám vạn quân băng qua các tỉnh Lào tiến đến biên giới Mianma rồi rút quân về nước. Trong trường hợp này, rõ ràng nhà vua có thể chiếm cả nước Lào nhưng ông không làm thế và đã rút quân về nước.

Ba thế kỷ sau, vua Quang Trung đã tiêu diệt 29 vạn quân Thanh sang xâm lược Đại Việt sau đó lại thông hiếu với triều đình nhà Thanh. Trong tình hình hòa bình khu vực được củng cố, nhà vua cử một phái bộ đến Viêng Chăn để bàn việc việc thông hiếu giữa hai nước nhưng vua Viêng Chăn lúc đó là Nanthà Xến vốn là người thân Xiêm đã bắt sứ giả rồi giao cho chính quyền Bangkok.

Để trừng trị thái độ thiếu thiện cảm đó, vua Quang Trung đã phái Đốc trấn Nghệ An Trần Quang Diệu và Đề đốc Bùi Thị Xuân mang ba vạn quân đi đánh Lạn Xạng. Đi ngang Ai Lao đến kinh đô Viêng Chăn thì Nanthà Xến đã chạy trốn sang Xiêm, quân Tây Sơn truy kích đến bờ sông Mê Kông, biên giới Lào – Xiêm, nhưng không bắt được. Trần Quang Diệu rút quân về nước, không chiếm một thước đất nào của Lào, mặc dầu lúc đó quân ta đã làm chủ cả nước Lào.

Đối với Trung Quốc là một nước láng giềng khổng lồ ở phương Bắc, Phan Huy Chú đã phác họa chính sách đối ngoại của nhà nước

2. Lê Tắc An Nam chí lược, bản dịch của Viện Đại Học Huế – 1961.

3. Lê Tắc An Nam chí lược, bản dịch của Viện Đại Học Huế, 1961.



Đại Việt với nước này như sau: “Nước Việt có cả cõi đất phía Nam mà thông hiếu với Trung Hoa, tuy nuôi dân dựng nước có quy mô riêng, nhưng ở trong thì xưng đế mà ở ngoài thì xưng vương, vẫn chịu phong hiệu, xét lý thể thực phải như thế.”

Ngoại giao là để củng cố hòa bình. Lịch sử đã chứng minh trong nhiều trường hợp, nhờ phương pháp ngoại giao đã chấm dứt chiến tranh, khôi phục lại hòa bình.

Trải bao thăng trầm lịch sử đã xác tín con dân Đại Việt đấu tranh để sinh tồn, tự bảo vệ non sông gấm vóc của ông cha khó nhọc gây dựng. Hồn thiêng sông núi, địa linh nhân kiệt, đã sản sinh những nông dân anh hùng cần cù như Lê Lợi, những chiến sĩ gang thép, những tướng lĩnh tài ba như Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn, Lý Thường Kiệt, Bà Trưng, Bà Triệu... những nhà ngoại giao khôn ngoan, xuất chúng như: Lê Phụ Trần, Phùng Khắc Khoan... đã bảo vệ đất nước một cách oanh liệt vẻ vang, đồng thời nâng cao uy danh dân tộc.

Lý Giác, sứ giả của vua Tống, sau khi tiếp xúc với đất nước con người Đại Việt, đã ca ngợi Đại Việt là “Trời ngoài trời”:

“Thiên ngoại hữu thiên ứng viễn chiếu,  
Khê đàm ba tĩnh kiến thiềm thu.”

Tam dịch:

Ngoài trời trời nữa nên xa chiếu,  
Sóng lặng kho đàm kiến thiềm thu.

Và Ngô Thời Nhậm, một nhà ngoại giao của vua Quang Trung, đã reo vang: “Hạnh tai sinh Nam bang.” (May thay ta sinh ở nước Nam).

Nhìn lại lịch sử, Đại Việt là một nước nhỏ, quan hệ chủ yếu với Trung Quốc, cho nên không có hiểu biết về ngoại giao của các nước khu vực khác, không có trường đào tạo ngoại giao... khi được cử sứ bộ sang Trung Quốc, các quốc vương Đại Việt chỉ có cách lựa chọn người thích hợp trong số các vị trạng nguyên, bảng nhãn, thám hoa, tiến sĩ... hay các trọng thần có khả năng và kinh nghiệm.

Điều may mắn cho Đại Việt là các nhà nho

và các quan thông thạo văn hóa lịch sử Trung Quốc, nắm lòng tứ thư ngũ kinh, đồng thời quán triệt sách lược lớn của triều đình, các sứ giả Đại Việt đều quan tâm vấn đề giữ hòa mục vì lợi ích cả hai nước.

Sau khi Lê Lợi thắng quân Minh, Nguyễn Trãi khẳng định rõ đường lối của Đại Việt:

“Nghĩ vì kế lâu dài của nhà nước  
Tha kẻ hàng mười vạn sĩ binh  
Sửa hòa hiếu cho hai nước  
Tắt muôn đời chiến tranh.

Trạng nguyên Giáp Hải viết:

Xong việc nên công còn mong gì hơn  
Ấy là vua thái bình, dân thái bình.”

Đi sứ nhà Nguyên, Hoàng giáp Nguyễn Trung Ngạn viết:

“Núi sông ý dẫu chia Nam Bắc  
Hồ Việt cùng chung nghĩa đệ huynh.”

## **HẠT GIỐNG CAO ĐÀI ĐƯỢC GIEO TRÊN MẢNH ĐẤT VIỆT**

Như vậy, không phải ngẫu nhiên mà Đức Thượng Đế khai mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ trên đất nước Việt Nam. Qua các sử liệu đã dẫn chứng và trình bày, chúng ta có thể khẳng định tinh thần hiếu hòa đã được khắc sâu trong tâm khảm của con người Đại Việt. Là con dân Đại Việt, chúng ta thừa hưởng truyền thống hào hùng, nhân cách cao quý, phẩm giá sáng ngời của các bậc tiền nhân lưu lại. Những yếu tố tốt đẹp đó là nguyên nhân chính, để Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế là Đấng Chúa Tể Càn Khôn cai quản muôn loài vạn vật, đã lâm phạm và chọn mảnh đất Việt này để gieo hạt giống Cao Đài, ngõ hầu khai cơ cứu độ toàn thể nhân loại.

Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế dạy:

*Các con là dân tộc Việt cũng như các dân tộc khác sanh trưởng tại quả địa cầu này. Tình thương Tạo Hóa cũng ban đồng cho các con cũng như các con khác. Nhưng dân tộc các con đã đau khổ quá nhiều, non sông tổ quốc các con đã bị giày xéo lâu đời, nhưng các con được trội hơn chúng về đức tin, về lòng đạo đức, ngưỡng mộ*



*Thượng Đế và các Đấng Trọn Lành. Tình thương các con không thiếu, lòng hiếu hòa các con có thừa, do đó dân tộc các con mới hạnh ngộ Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Trên bốn mươi năm rồi, Thầy đem giống đạo đến gieo trên mảnh đất hiền hòa nhưng đau khổ này để các con chung nhau vun xới tưới nước bón phân để hạt giống đó sớm nảy mầm đâm tược đơm bông kết quả. Chỉ có giống này mới cứu đời vạn linh trong thời kỳ mạt kiếp này mà trước tiên là cứu dân tộc các con.*<sup>4</sup>

Buổi đầu khai mạc văn phòng Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Thầy và các Đấng Thiêng Liêng đã vạch rõ, nói rõ về đường lối hành đạo, sứ mạng của Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý là vô tư hành đạo cho Đại Đạo trên tinh thần thuần chơn vô ngã. Muốn thực hiện được

4. Thiên Lý Đàn, Tuất thời, 30-10 Mậu Thân (19-12-1968).

trọng trách to tát đó, Ôn Trên đã ban cho chúng ta một bí quyết đó là hai tiếng “Nhân hòa”. Chỉ có hai tiếng thôi là tiền đề, là tác nhân thúc đẩy cho sự thống hiệp giáo lý, quy nguyên vạn giáo và hóa giải mọi xung đột, mọi rẽ chia của thế giới nhân loại ngày nay.

Đức Lê Đại Tiên dạy:

*Chư hiền đệ hiền muội! Lão chẳng nói chi dài dòng, chỉ nói một câu thôi. Một câu mà chư hiền đệ muội rất cần thiết là: Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý đã mang một sứ mạng cao cả từ Thiêng Liêng giao phó là sứ mạng Nhân hòa. Sự việc đã bắt đầu. Chư hiền đệ muội cần sáng suốt giữ vững lập trường căn bản của người tu.(...)*

*Sự thành công không phải do chỗ tài ba xuất chúng, lập biển đời non, mà do ở nhơn tâm hòa ái đó thôi. Tóm lại là nhân hòa.*<sup>5</sup>■

5. Ngọc Minh Đài, Tuất thời, 22-5 Kỷ Dậu (06-7-1969).

## TIẾN HÓA – GIA TỐC... (TIẾP THEO TRANG 64)

vạch sẵn cho chúng sanh và ban cho chúng sanh một bản chất hướng thượng. Nên dù muốn hay không chúng sanh vẫn ở trong cái vòng xoay chuyển đó, và cái già, cái chết luôn luôn đẩy con người tiến về phía trước mặt. Trong quá trình đưa con người từ cõi giả đến cõi chơn, từ nơi tối tăm đến nơi sáng suốt, từ trong cõi luân hồi sanh tử, đến chỗ trường sanh bất tử, con người có hoàn toàn tự do định đoạt lấy số phận của mình, có quyền tự chủ dời dặt thiên lương của mình. Kinh Thiên đạo có câu:

*Dù cho phải mực Thiên điều,*

*Cũng quyền tự chủ dặt dều thiên lương.*<sup>5</sup>

Do đó, trên cõi thế gian, trình độ tiến hoá không đồng đều, bởi lẽ, kẻ thì tích cực nhanh chân, người thì lơ là chậm bước. Sự tiến hoá trên đường đạo hạnh đều do nơi mỗi người có muốn hay không muốn mà thôi. Nên Đức Chí Tôn đã dạy:

5. Kinh Giải Oan.

*Thầy đến độ rồi các con là lập thành một trường công đức cho các con nên đạo. Vậy đặc đạo cùng chẳng là tại các con muốn cùng chẳng muốn.*<sup>6</sup>

Nếu con người cứ vững tâm tiến bước theo đường Đạo, thì sự tiến hoá sẽ thành tựu viên mãn. Đức Thượng Đế đã khẳng định rằng:

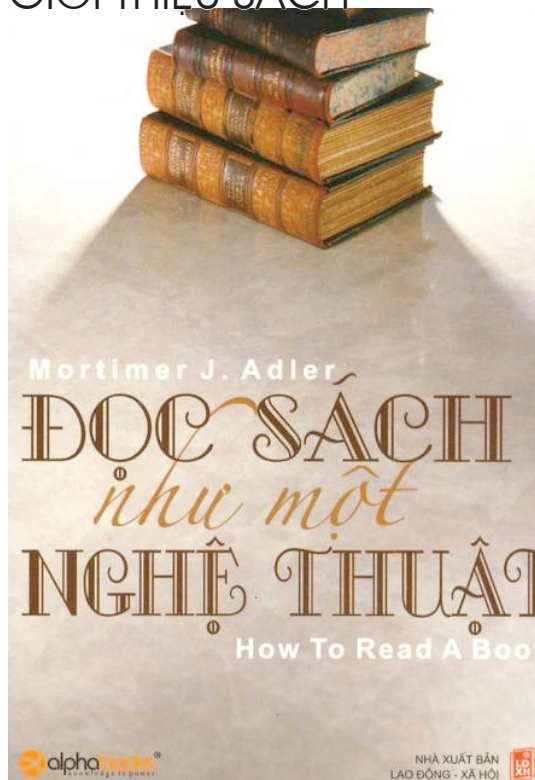
*...Các con duy có trông cậy nơi Thầy, bước đường cứ thẳng thẳng đi lên tới, đừng gấp quá, mà cũng chớ thối lui, thì một ngày kia sẽặng toại kỳ sở nguyện.*<sup>7</sup>

Con người được đặc ân hơn vạn vật ở chỗ không chỉ tiến hoá theo con đường tự nhiên – bị động – mà còn có quyền năng tiến hoá theo con đường thiên nhiên – chủ động – để tăng tốc tiến hoá, đạt được cứu cánh giải thoát trong thời gian ngắn nhất.■

6. Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

7. Ibid.

## GIỚI THIỆU SÁCH



# ĐỌC SÁCH NHƯ MỘT NGHỆ THUẬT

■ TÁC GIẢ: MORTIMER J. ADLER • DỊCH GIẢ: HẢI NHI • 332 TRANG •  
NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG—XÃ HỘI • THANH LONG ST.

Đọc sách là một nhu cầu cần thiết, quan trọng cho đời sống tinh thần của con người. Đọc sách không chỉ là động tác cầm một quyển sách và âm thầm đọc từ dòng đầu đến dòng cuối, mà bao gồm trong nó nhiều thao tác kỹ thuật từ đơn giản đến phức tạp, được coi như là một nghệ thuật phản ánh “Văn hóa đọc” đã được đề cập rất nhiều trong nhiều quyển sách. Để thấu đạt nội dung, kiến thức, tinh hoa mà tác giả của một quyển sách muốn truyền đạt, người đọc phải có phương pháp tập trung khi đọc. Gần đây, ở Việt Nam, quyển “How to Read a Book” của tác giả Mortimer

J. Adler đã được dịch và phát hành rộng rãi như một công cụ quảng bá cho việc đọc sách như là một nghệ thuật cần được quan tâm và phổ biến.

Quyển sách với bốn phần được sắp xếp theo trình tự khám phá các góc cạnh của việc xây dựng một phương pháp đọc hợp lý. Nội dung của quyển sách đi sâu vào sự phân tích 4 cấp độ đọc và sau đó trình bày chi tiết những

cách thức cụ thể để một người có thể thực hành việc đọc sách của mình hiệu quả hơn.

Tác giả xem quyển sách này là một quyển sách thực hành. Do vậy, tác giả hoàn chỉnh quyển sách theo trình tự từ đơn giản đến phức tạp các cách thức, phương pháp, phương tiện đọc sách.

Bên cạnh đó, tác giả cũng chỉ cụ thể phương pháp đọc các loại sách chuyên môn như lịch sử, thi ca, triết học, văn học, khoa học viễn tưởng, khoa học tự nhiên, toán học, khoa học xã hội. Mỗi loại tác phẩm, tác giả lại đi vào nội dung cụ thể để thay đổi những quy tắc chung

trở thành những quy tắc đặc trưng của loại tác phẩm mà người đọc đang muốn đọc.

Trong phần đúc kết của quyển sách, tác giả đã đưa ra quan niệm về giá trị của việc đọc sách bằng cách so sánh nó với các phương tiện truyền thông hiện đại: “Các phương tiện giải trí và thông tin trong cuộc sống hàng ngày của chúng ta là những trụ cột tinh thần giả dối. Chúng có thể cho chúng ta cảm tưởng rằng trí óc của ta hoạt động vì chúng yêu cầu ta phản ứng trước những kích thích từ bên ngoài. Nhưng sức mạnh khiến ta tiếp tục hành động từ những kích thích ấy lại rất hạn chế. Chúng giống như ma túy. Chúng ta dần quen với chúng và ngày càng cần nhiều hơn. Cuối cùng, chúng càng lúc càng ít tác dụng cho đến khi không còn gì nữa. Như vậy, nếu thiếu các nguồn lực nội tại, chúng ta sẽ ngừng phát triển về trí tuệ, tinh thần và đạo đức, tức là ta bắt đầu chết đi.”

Chính vì nội dung mang tính thực hành, nên tính thực tiễn của quyển sách khá cao, có thể giúp cho những người có nhu cầu đọc sách một phương pháp tích lũy kiến thức; quyển “Đọc sách như một nghệ thuật” có thể sử dụng như một “công cụ” hay xa hơn là một “giáo trình” nhằm nâng cao kỹ năng đọc sách để người đọc tìm thấy những lợi ích thực tiễn của việc đọc sách đang dần bị mờ nhạt giữa thời buổi công nghệ thông tin đa phương tiện bùng nổ. ■

# 10 loại rau giúp hạ huyết áp

■ BS. ĐỖ MINH HIỀN — VIỆT THU S.T.



Các nghiên cứu y học cho thấy việc khống chế và điều trị bệnh tăng huyết áp cần bắt đầu bằng các biện pháp điều tiết hệ thần kinh trung ương, cải thiện trao đổi tuần hoàn, phòng và giảm xơ cứng động mạch, giảm mỡ máu. Trong quá trình đó chữa bệnh bằng thực phẩm thường có hiệu quả tương đối rõ rệt. Sau đây xin giới thiệu 10 loại rau thường dùng có tác dụng phòng trị bệnh huyết áp

**RAU RÚT (NHÚT)** tính hàn, vị ngọt có tác dụng thanh nhiệt lợi thủy, tiêu thũng giải độc. Rau rút rất tốt cho các bệnh tăng

huyết áp. Y học đã chứng minh rằng chất polysacarid trong rau rút có tác dụng hạ huyết áp và phòng chống ung thư.

**RAU CẢI CÚC (TẦN Ô)** tính mát, vị tê, không độc có tác dụng hòa tỳ vị, an tâm khí, lợi tiểu, tiêu đờm... Cải cúc tốt cho các bệnh tăng huyết áp. Trong cải cúc có chứa những chất kiềm mật có tác dụng hạ huyết áp, bổ não, những chất xơ thô tốt cho tiêu hóa, thông tiện và giảm cholesterol.

**RAU DIẾP** tính mát, vị đắng có tác dụng lợi ngũ tạng, thông kinh mạch, lợi tiểu... Tốt cho các bệnh tăng huyết áp. Trong

thành phần của rau diếp, lượng kali cao gấp 27 lần lượng natri, tỷ lệ này rất có lợi cho sự cân bằng nước trong cơ thể và sự đào thải cặn bã, tăng cường bài tiết nước tiểu, giúp cải thiện tính năng co bóp của người tăng huyết áp. Rau diếp thường dùng ăn sống nên phải chú ý gieo cấy sạch và rửa sạch trước khi ăn để tránh bị tiêu chảy.

**RAU CẦN TÂY** tính mát vị ngọt đắng có tác dụng tỉnh não kiện thần. Cần tây thích hợp với các bệnh tăng huyết áp, tiểu đường, mất ngủ, đau đầu... Rau cần tây có nhiều vitamin P có tác dụng tăng cường hiệu



lực của vitamin C trong việc giảm huyết áp và giảm mỡ máu, có hiệu quả rõ rệt với các bệnh tăng huyết áp nguyên phát, tăng huyết áp do mang thai, sinh nở, tăng huyết áp thời kỳ mãn kinh. Có thể dùng nước ép rau cần tây hoặc nấu nước uống hằng ngày rất tốt. Rau cần còn chứa nhiều chất khoáng, chất xơ có tác dụng trấn tĩnh bảo vệ mạch máu, tăng cường phát triển xương, chống thiếu máu thiếu sắt.

**RAU CẢI THÌA** tính mát, vị ngọt, có tác dụng tán hàn tiêu thũng, thanh nhiệt giải độc... Cải thìa có tác dụng hỗ trợ điều trị đối với các bệnh tăng huyết áp, hở van tim, viêm thận, chảy máu lợi, hoại huyết và bệnh về huyết quản não.

**MỘC NHĨ ĐEN (THƯỜNG GỌI MỘC NHĨ)** tính mát, vị ngọt, có công năng bổ khí ích trí bồi bổ dưỡng sinh, bổ huyết hoạt huyết Mộc nhĩ thích hợp cho các bệnh tăng huyết áp, băng huyết, thiếu máu, đau răng, mất ngủ, viêm amidan. Mộc nhĩ chứa nhiều kali nên rất thích hợp cho người bệnh tăng huyết áp. Trong mộc nhĩ chứa chất axit

tác dụng hạ cholesterol trong máu. Chất keo trong mộc nhĩ có tính kết dính mạnh, có tác dụng kết hút các chất cặn thừa trong cơ thể, bài thải ra ngoài theo đường tiêu hóa. Glucosin trong mộc nhĩ làm giảm khả năng tắc mạch máu não do tăng huyết áp gây nên.

**NẤM HƯƠNG** tính mát, vị ngọt có tác dụng kiện tỳ ích vị, giảm mỡ, giảm huyết áp. Nấm hương rất tốt cho các bệnh tiểu đường, tăng huyết áp, xơ cứng động mạch, thừa mỡ trong máu... Nấm hương chứa nhiều kali, ít natri và chứa chất có tác dụng khống chế lượng cholesterol trong máu và trong gan, ngăn chặn quá trình xơ cứng động mạch. Nấm hương là thực phẩm trị liệu thích hợp với các chứng bệnh như: xơ cứng động mạch, tăng huyết áp, tiểu đường do thừa cholesterol gây nên.

**HÀNH TÂY** tính ấm, vị cay, rất tốt cho các bệnh tăng huyết áp, thừa mỡ máu, tiểu đường... hành tây có thể làm tan bớt búi tắc mạch máu não, ức chế cholesterol trong máu tăng cao do ăn uống các thực phẩm nhiều chất béo. Hành tây có

lượng canxi phong phú nên thường xuyên ăn hành tây sẽ bổ sung lượng canxi trong máu giúp hạ huyết áp. Những chất có trong hành tây có thể giảm bớt sức cản của huyết quản ngoại biên và động mạch vành tim để ổn định huyết áp.

**CÀ CHUA** tính mát, vị chua có tác dụng tốt với các bệnh tăng huyết áp, xuất huyết đáy mắt... Chất xeton trong cà chua có tác dụng hạ huyết áp, lợi tiểu. Hàm lượng vitamin C trong cà chua không cao nhưng khó phá hủy, giúp làm mềm huyết quản nên có tác dụng chống xơ cứng động mạch và chống ung thư.

**CÀ TÍM** tính hàn lạnh, vị ngọt tác dụng thanh nhiệt, hoạt huyết, lợi tiểu, giải độc... Cà tím hàm chứa nhiều vitamin E và P giúp nâng cao sức đề kháng của vi mạch huyết quản, chống xuất huyết. Các chất kiềm trong cà tím giúp giảm bớt lượng cholesterol trong máu, có tác dụng phòng chống bệnh về van tim rất tốt. Vì vậy cà tím là loại thực phẩm tốt cho người bệnh tăng huyết áp, bệnh mạch não, mạch vành...■





# Những điều chưa biết về UNG THƯ

## Common sites and symptoms of Cancer metastasis

■ VIỆT THU G.T.

Sau nhiều năm công bố với mọi người rằng, hóa học trị liệu là cách duy nhất để thử nghiệm và loại bỏ ung thư, cuối cùng, Johns Hopkins cũng đã công bố một cách khác.

### CẬP NHẬT VỀ CĂN BỆNH UNG THƯ TỪ JOHNS HOPKINS

Ai cũng có tế bào ung thư trong cơ thể. Những tế bào này không thể bị phát hiện trong những cuộc kiểm tra tiêu chuẩn, trừ khi chúng nhân ra thành vài tỷ tế bào. Khi bác sĩ thông báo với bệnh nhân ung thư rằng sau khi trị liệu, cơ thể họ không sản sinh thêm tế bào ung thư nào khác, điều này có nghĩa là cuộc kiểm tra không phát hiện ra các tế bào ung thư do chúng chưa phát triển tới mức độ có thể nhận biết.

Tế bào ung thư xuất hiện từ 6 tới 10 lần trong cuộc đời con người.

Khi hệ thống miễn dịch của cơ thể mạnh, hệ thống này tiêu diệt các tế bào ung thư đồng thời ngăn chặn chúng sinh sản và hình thành khối u.

Khi một người mắc bệnh ung thư có nghĩa là người đó

suy dinh dưỡng đa cấp... Điều này có thể do các nhân tố về di truyền, môi trường, thức ăn và lối sống...

Để tránh suy dinh dưỡng đa cấp, thay đổi thói quen ăn uống và bổ sung thực phẩm sẽ giúp tăng cường khả năng miễn dịch.

Hóa học trị liệu bao gồm việc làm nhiễm độc các tế bào ung

thư phát triển nhanh, đồng thời cũng tiêu diệt các tế bào khỏe mạnh trong tủy xương và vùng dạ dày – ruột, và có thể gây tổn thương các cơ quan như gan, thận, tim, phổi, v.v.

Các tia phóng xạ trong quá trình tiêu diệt tế bào ung thư có thể gây thương tổn tới các tế bào khỏe mạnh, các mô tế bào và các cơ quan trong cơ thể.

#### Brain

- Headaches
- Seizures
- Vertigo

#### Respiratory

- Cough
- Hemoptysis
- Dyspnea

#### Lymph nodes

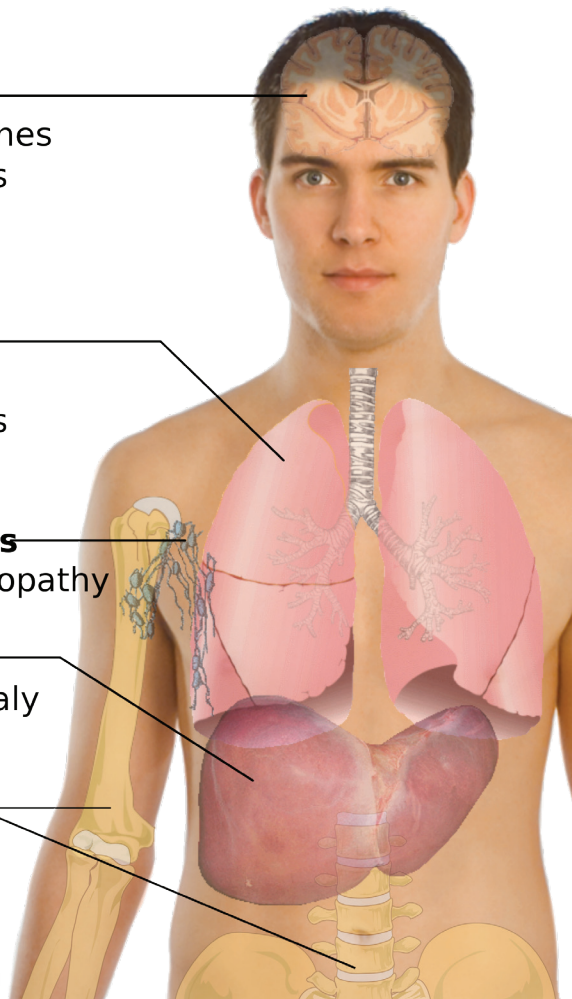
- Lymphadenopathy

#### Liver

- Hepatomegaly
- Jaundice

#### Skeletal

- Pain
- Fractures
- Spinal cord compression



Trị liệu ban đầu bằng hóa học trị liệu và phóng xạ thường làm giảm kích cỡ khối u... Song sử dụng các biện pháp này lâu dài không tiêu diệt được khối u hoàn toàn.

Khi cơ thể nhiễm độc do hóa học trị liệu và tia phóng xạ, hệ thống miễn dịch của cơ thể sẽ trở nên yếu ớt và bị tổn thương, do vậy cơ thể thường không chống đỡ nổi với bệnh tật và các biến chứng.

Hóa học trị liệu và phóng xạ có thể khiến các tế bào ung thư biến chứng và khó tiêu diệt hơn. Phẫu thuật có thể khiến các tế bào ung thư di căn tới vùng khác trên cơ thể...

Một cách hữu hiệu để đối phó với các tế bào ung thư là “bỏ đói” chúng, không cung cấp dưỡng chất khiến chúng có thể sản sinh.

## **TẾ BÀO UNG THƯ CẦN NHỮNG DƯỠNG CHẤT GÌ?**

Đường là một trong những dưỡng chất cho tế bào ung thư. Cắt bỏ đường là cắt bỏ nguồn dưỡng chất quan trọng cho tế bào ung thư. Các sản phẩm thay thế đường như NutraSweet, Equal, Spoonful... làm từ Aspartame và không gây hại. Sản phẩm thay thế từ thiên nhiên là mật ong Manuka và mật đường nhưng với một lượng rất nhỏ.

Muối bột cũng có chất hóa học tẩy trắng màu muối. Lựa chọn tốt hơn là amino Bragg và muối biển.

Sữa khiến cơ thể tiết ra niêm dịch, đặc biệt là ở vùng dạ dày và ruột. Chất niêm dịch là dưỡng chất cho tế bào ung thư. Bằng cách cắt bỏ sữa trong khẩu phần và thay thế bằng sữa đậu nành không đường, tế bào ung thư sẽ bị “bỏ đói”.

Tế bào ung thư sống sót trong môi trường acid. Khẩu phần ăn chứa nhiều thịt cung cấp nhiều acid. Thịt gia súc cũng chứa kháng sinh, hormon tăng trưởng và ký sinh không tốt cho cơ thể, nhất là với bệnh nhân ung thư.

Khẩu phần ăn có 80% rau xanh và nước ép, ngũ cốc, hạt và chút trái cây sẽ giúp cơ thể sản sinh nhiều kiềm. Khoảng 20% có thể là thực phẩm nấu chín, bao gồm cả đậu. Nước ép rau chứa các enzyme sống, dễ dàng hấp thu và ngấm vào các tế bào trong vòng 15 phút, giúp sản sinh các tế bào khỏe mạnh. Để tạo ra các enzyme sống nhằm sản sinh ra các tế bào khỏe mạnh, hãy thử uống nước ép rau (có giá đỡ) và ăn rau sống 2 tới 3 lần/ngày. Các enzyme sẽ bị tiêu diệt ở nhiệt độ 104°F (40°C).

Tránh các chất caffeine như cà phê, trà và sô cô la. Trà xanh chứa chất chống ung thư và là một lựa chọn tốt. Hãy uống nước lọc hoặc nước tinh khiết để tránh chất độc và kim loại nặng trong nước thường. Tránh uống nước cất vì nước này chứa axit. Protein trong thịt khó tiêu hóa

và cần tới nhiều enzyme tiêu hóa. Thịt không tiêu hóa nằm nguyên trong ruột, gây thối và tạo ra chất độc cho cơ thể.

Các tế bào ung thư được bao phủ bằng một lớp protein. Bằng cách hạn chế thịt trong khẩu phần ăn, các enzyme sẽ hoạt động dễ dàng hơn trong việc tấn công lớp protein bao phủ tế bào ung thư và giúp các tế bào hủy diệt tự nhiên của cơ thể tiêu diệt tế bào ung thư.

Một số các chất tăng cường hệ miễn dịch (IP6, Flor ssenc Essiac, anti-oxidants, vitamins, khoáng chất, EFAs...) giúp các tế bào hủy diệt tự nhiên tiêu diệt tế bào ung thư. Một số chất khác như vitamin E tạo ra cơ chế tiêu diệt tế bào, một cách thông thường của cơ thể nhằm đào thải các tế bào gây hại hoặc không cần thiết.

Ung thư là căn bệnh của thể xác và tinh thần. Một tinh thần lạc quan và sáng khoái sẽ giúp các bệnh nhân ung thư giành giật được sự sống. Giận dữ, căm thù và cay đắng khiến cơ thể bị căng thẳng và tạo ra axit. Hãy học cách sống vị tha và đầy yêu thương. Học cách thư giãn và hưởng thụ cuộc sống.

Các tế bào ung thư sẽ không tồn tại được trong môi trường đầy oxy. Tập thể dục đều đặn, hít thở sâu sẽ giúp các tế bào được nạp đầy đủ oxy. Liệu pháp oxy cũng là cách tiêu diệt các tế bào ung thư. ■



# Súp Bắp Chay

■ BẠCH TUYẾT

Xu hướng chung ngày nay của thế giới, là quay về sống hòa nhập cùng với thiên nhiên. Các món ăn chay với rau, củ, quả càng ngày càng nhiều hơn trong thực đơn ẩm thực của con người. Ăn chay ngày nay không chỉ với đậu hũ, tương, chao... Các món chay ngày càng được chế biến phong phú hơn nhiều; với các món đậu cho chúng ta chất đạm, các món dầu thực vật cho chúng ta chất béo, rau quả cho chúng ta nhiều sinh tố, muối khoáng...

Rau quả củ không chỉ giúp cho chúng ta hấp thu được nhiều chất dinh dưỡng mà còn giúp cho chúng ta có thể trị bệnh nữa. Cho nên, ăn chay không chỉ dành riêng cho các nhà tu hành mà ngày càng rất phổ biến trong xã hội. Với những nguyên liệu thiên nhiên như: nấm, bắp, rong biển, các

thứ rau, đậu... đều có thể chế biến thành những món ăn bổ dưỡng, ngon miệng.

Trang gia chánh kỳ này xin giới thiệu một món súp đầy đủ chất dinh dưỡng, có thể dùng trong bữa ăn hàng ngày hoặc làm món khai vị trong các bữa tiệc. Đó là Súp Bắp.

## DÀNH CHO 10 NGƯỜI ĂN

### NGUYÊN LIỆU GỒM CÓ

- 8 trái bắp Mỹ
- 1 miếng tàu hũ ky tươi
- 200 gr nấm rơm
- 200 gr nấm bào ngư
- Bột nêm, một ít dầu mè, ngò rí, hành tím, tiêu, đường
- 2 muỗng súp bột năng hoặc bột sắn

### CÁCH CHẾ BIẾN

Bắp lột vỏ rửa sạch, tách hạt, phân nửa cho vào máy sinh tố xay nhuyễn với một chút nước, còn lại để nguyên hạt. Lường

khoảng 1 tô lớn nước (1/2 nồi nước) cho bắp hạt vào nấu cho mềm, kể cho bắp xay vào nấu chín. Tàu hũ ky cắt sợi nhuyễn. Nấm bào ngư xé sợi nhỏ, nấm rơm cắt sợi nhuyễn. Bắc chảo lên bếp cho 1 ít dầu và 1 ít củ hành tím băm nhuyễn vào xào cho thơm, kể cho nấm bào ngư, nấm rơm và tàu hũ ky vào xào sơ, nêm lần lượt 1/2 muỗng cà phê đường, 1 muỗng súp bột nêm, trộn đều, rồi cho hỗn hợp đã xào vào nồi khi bắp đã mềm. Nêm lại cho vừa ăn. Hòa tan 2 muỗng súp bột năng hay bột sắn với 1 chén nước, rồi cho từ từ vào nồi súp đang nấu sôi – vừa cho bột vừa quậy nhẹ tay theo một chiều, thấy khi súp hơi sệt và trong là đã chín, không nấu đặc quá sẽ không ngon, rồi cho 1 ít dầu mè vào.

Múc ra tô cho ngò rí cắt nhuyễn lên mặt cùng với tiêu xay. Món này dùng nóng rất ngon.■

# Cố vấn Tổng thư ký Nữ Chung Hòa liễu đạo

**N**gày 12-4 Canh Dần (25-5-2010), Đạo tỷ Nghi Phong, nguyên Tổng Thư Ký và đương kim Cố vấn Tổng Thư Ký Nữ Chung Hòa Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo đã quy thiên lúc 12 giờ, hưởng thọ 89 tuổi. Nhân viên Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo và đạo hữu Thánh thất Bàu Sen cùng chung lo tang lễ tại tư gia. Sau đó, ngày 14-4 Canh Dần (27-5-2010) tiến hành lễ di quan đến Dĩ An, Bình Dương hỏa thiêu.

## TIỂU SỬ ĐẠO TỶ NGHI PHONG (1922 – 2010) CỐ VẤN TỔNG THƯ KÝ NỮ CHUNG HÒA CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO

Đạo tỷ Nghi Phong, thế danh Công Thị Tiếp, sinh ngày 03-10-1922 tại Thới An Đông, Cần Thơ. Thân phụ là Công Hữu Khả, thân mẫu là Đặng Thị Tỏ.

Thuở nhỏ học rất giỏi, khi trưởng thành, Đạo Tỷ đã từng làm việc tại Tòa Đại sứ Việt Nam tại Nam Vang.

Năm Mậu Thân 1968, Đạo Tỷ làm lễ nhập môn tại Thánh tịnh Ngọc Minh Đài, và bắt đầu trường trai, thọ pháp, hành Đạo tại Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý. Ngày rằm tháng 7 năm Canh Tuất, Đạo Tỷ được Đức Mẹ ban ơn, cho Thánh danh với lời dạy:

*Mẹ ban ơn lành con Công Thị Tiếp được Đạo danh là Nghi Phong. Con rán tu thêm nữa nghe con.*

Đạo tỷ Nghi Phong đã gắn bó hành Đạo tại Cơ Quan suốt 38 năm với các chức vụ:

1969-1971: Phó Ban Thư Viện

1972-1987: Trưởng Ban Thư Viện

1986: Tổng Thư Ký Nữ Chung Hòa

Từ năm 2005, vì lý do sức khỏe, Đạo tỷ không đến được Cơ Quan hành đạo, đến năm 2006,

Đạo tỷ được Ông Trên ban ơn chuyển sang chức vụ Cố vấn Tổng Thư ký Nữ Chung Hòa cho đến ngày liễu Đạo 12-4 Canh Dần.

Đạo tỷ bắt đầu thọ pháp Dự bị tại Cơ Quan từ năm 1969, tiếp tục:

- Sơ Thiên: 1971
- Thập Nhị Cẩm Đoạn: 1972
- Sơ Thiên Tiến Đạo:  
Nội công Hấp Khí I: 1981  
Nội công Hấp Khí II: 1981
- Nhị Cơ: 1974
- Nhị Cơ Tiến Đạo: 1982
- Tam Muội Chánh Định: 1985

Với quyết tâm tu học, một lòng vì Thầy vì Đạo, Đạo tỷ Nghi Phong đã được các Đấng Thiêng Liêng ban ơn:

*Nghi Phong hiển muội nghe:*

*Bờ giác sang rồi cứ bước đi,*

*Âm thầm lập đức chẳng nề chi,*

*Đời còn nhiều nỗi tang thương lắm,*

*An ủi sớm hôm học đạo thì.*

(Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 10-12 Canh Tuất, 06-01-1971)

*Nghi Phong con, môt bòn công quả,*

*Tự mình lo hối hả đảm đương,*

*Tâm thành ví tợ tâm hương,*

*Truyền thần mẫn tuệ tình thương cho đời.*

(Đức Mẹ, Chơn Lý Đàn, 26-01 Quý Sửu, 28-02-1973)

*Nghi Phong! Tâm thành kính của con thật xứng đáng với Đạo danh Nghi Phong, Mẹ mừng cho con đó.*

(Đức Mẹ, Vĩnh Nguyên Tự, 15-8 Quý Sửu, 11-9-1973)

*Nghi Phong quyết tâm thành tu học,*

(XEM TIẾP TRANG 91)



# Chị Hai đã về trời!\*

## ■ THIÊN CHỊ

Hội Thánh Cao Đài Ban Chính Đạo báo tin Chị Lớn Chánh Phối Sư Hương Bình đã qui tiên lúc 11 giờ ngày 22 tháng 4 Canh Dần (04-06-2010) tại Thánh thất Thủ Đô Hà Nội. Di cốt chuyển về Hội Thánh tại Bến Tre ngày 26 tháng 4 Canh Dần. Lễ truy điệu và nhập tháp cử hành lúc 7 giờ ngày 27-4 CD (09-6-2010).

Phái đoàn Cơ Quan & Nữ Chung Hòa do Đạo Trưởng Hiệp Lý Minh Đạo Đạt Trí làm trưởng đoàn đã tham dự Lễ tang Chị Lớn Hương Bình tại Hội Thánh Ban Chính Đạo.

(\*) Chị vẫn xưng “Chị hai” với đàn em như thế.



**V**âng! Chị là con Trời, xuống thế gian để phụng sự đạo Trời; xong nhiệm vụ thì Chị về trời.

Đúng vậy, khi Chị đến cầu đạo tại đền Thánh Mẫu, Mẫu không nhận và phán rằng “Ta truyền linh cho họ Ngô, tuổi 20 này không phải là người của Mẫu, Ta không nhận. Không phải người của Phật, không cho cạo đầu. Là người của Ngọc Hoàng Thượng Đế, tìm đâu có Ngọc Hoàng Thượng Đế thì trả về.”<sup>1</sup>

Cuối cùng, chính Chị và thân quyến đều

không ngờ Chị đã ngẫu nhiên tìm đến mái nhà thờ Trời: Thánh thất Thủ đô Hà Nội. Thế là kể từ ngày 12 tháng Chạp năm Canh Dần (19-01-1951), Chị thờ Thầy là “Cha”, “Anh Sáu” là anh, đạo hữu Thánh thất là anh chị em. Chị đã quyết tâm hiến trọn đời mình cho Đạo.

Lần đầu tiên gặp Chị, tôi còn nhớ dáng người rần rỏi, giọng nói mạnh mẽ mà rất chân tình... Chị quan tâm chu đáo cho đồng đạo ở xa đến thăm Thánh thất. Chị có thể thổ lộ tâm tư đối với Đạo liên miên hằng vài giờ không nghỉ.

Chị không nói giáo lý dài dòng đâu! Chị là một công dân gương mẫu, là con người của đức tin tuyệt đối, hoài bão lớn nhất của Chị là “thương yêu đoàn kết toàn đạo”. Đừng ai kể cho Chị điều gì đã làm sút mẻ tình thương này, Chị sẽ than thở nghẹn ngào!

Mỗi lần các phái đoàn Cao Đài từ miền Nam ra Hà Nội, Chị muốn mời qui tụ hết về Thánh thất, Chị sắp xếp khéo léo để mọi người đều hân hoan, hòa ái.

Hôm Hội Thánh làm lễ Tấn phong Quyền Chánh Phối Sư cho Chị vào đầu năm 2009, sức khỏe Chị đã yếu nhiều, nhưng nhìn Chị quỳ trước Thiên bàn nghiêm cẩn nghe sắc lệnh, ai cũng cảm nhận nơi Chị một thần thái của Quyền pháp Đạo.

Nay Chị đã về trời, đạo nghiệp Chị để lại không chỉ là những gì được bảo tồn, xây dựng cho Thánh thất; mà đức tin sáng ngời, tâm

1. Theo lời thân thích, gia đình Chị cho Chị thử đội bát nhang (Rằm tháng 7), đi trình đồng (20-8 Canh Dần) ở đền Vọng Tiên, Chị được Thánh mẫu dạy như trên (Xem Lịch sử Cao Đài Miền Bắc-Lê Anh Dũng, <http://www.nhipcaugiaoly.com/post?id=564>).

2. Lúc đó là Giáo hữu Tô Văn Pho, người cai quản Thánh thất.

# THEO•DÒNG



**08-01 CD (21-02-2010)** Thánh thất Tân Sơn Nhì (Quận Tân Phú) tổ chức trang trọng lễ Vía Đức Chí Tôn năm Canh Dần trùng dịp Kỷ niệm 84 năm ngày thành lập Thánh thất và 11 năm liên giao hành đạo. Anh Lớn Khai Thế Nguyễn Văn Lãnh đại diện Hội Thánh Cao Đài Ban Chính Đạo về chứng lễ và thuyết minh giáo lý để tài “Đại lễ kỷ niệm Đức Chí Tôn” (hình 1).

Cùng ngày, đại diện Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo và Nữ Chung Hòa đến Thánh thất Đô Thành (Hậu Giang – Quận 6) viếng giác linh Giáo sư Hương Luận (Nguyễn Thị Luận, liễu đạo ngày 06-01 Canh Dần, thọ 91 tuổi (hình 2).

**11-01 CD (24-02-2010)** Phái đoàn Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Thành phố Hồ Chí Minh đến Cơ



Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo chúc mừng lễ Thượng ngươn Rằm tháng Giêng Canh Dần 2010 (hình 3).

**12-01 CD (25-02-2010)** Thánh tịnh Ngọc Linh (Long Thành) thiết lễ kỷ niệm Hoa Đài lần thứ 50, Canh Tý 1960 – Canh Dần 2010. Truyền Trạng Thanh Căn trình bày đề tài “Lý Đạo trong lễ hội Hoa Đài” (hình 4).

Cùng ngày, tại Thánh đường Hồi Giáo, đường Nguyễn Trãi, Quận 5, các đại biểu Phật Giáo, Cao Đài, Minh Lý Thánh Hội... đến dự lễ kỷ niệm ngày sinh Maulid Mabi Muhammad (s.a.w).

**19-01 CD (04-3-2010)** Thánh thất Bình Chánh thiết lễ khánh thành.

**23-01 CD (08-3-2010)** Hội Thánh Cao Thượng







Bửu Tòa, Bạc Liêu tổ chức lễ kỷ niệm lần thứ 51 ngày quy Thiên của ngài Chơn sắc Trần Văn Tía, đặc vị Đồng Thăng Chơn Như.

**08, 09-02 CD (23, 24-3-2010)** Hội Thánh Cao Đài Tiên Thiên tổ chức trang trọng lễ khánh thành ngôi Điều Trị Bưu Điện Tòa Thánh Châu Minh Bến Tre (hình 5).

**CHIỀU 156 08-02 CD** Hội Thánh Tiên Thiên có buổi họp trụ bị “Hội nghị giao lưu các Hội Thánh và tổ chức Cao Đài lần III” sẽ diễn ra vào sáng 09-02 Canh Dần với sự hiện diện của các Hội Thánh: Minh Chơn Đạo, Tiên Thiên, Ban Chính Đạo, Tổ Đình Chiếu Minh, Bạch Y Liên Đoàn Chơn Lý, Chiếu Minh Long Châu, Hội Thánh Truyền giáo, Cao Thượng



Bửu Tòa và Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo (hình 6).

**RẦM-02 CD (30-3-2010)** Tại trụ sở Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, lễ kỷ niệm thành đạo của Đức Thái Thượng Đạo Tổ đã được tổ chức trang nghiêm. Tổng Thơ ký Thiện Chí thuyết giảng đề tài “Từ Luật Cảm ứng đến thể Thiên nhưn hiệp Nhứt” (hình 7).

**19-02 CD (03-4-2010)** Đại diện Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo dự lễ Kỷ niệm thành lập Thánh thất Trung Hiền trùng dụng Lễ Vía Đức Quan Thế Âm Bồ Tát.

**13-3 CD (26-4-2010)** Thánh Đức Tổ Đình Chiếu Minh long trọng thiết lễ Thánh Đản Đức Ngô Minh Chiêu lần thứ 78 và Đại hội công nhận





Pháp môn Cao Đài Chiếu Minh Tam Thanh Vô Vi lần thứ I, nhiệm kỳ 2010–2015 (hình 8) với 8 nhà đàn trực thuộc:

- Thánh Đức Tổ Đình Cần Thơ.
- Đàn Minh Cảnh Tây Ninh.
- Thánh tịnh Chiếu Minh Bình Dương.
- Đàn Khai Nguyên Phú Quốc (Cao Đài Hội Thánh).
- Đàn Toàn Chơn thành phố Hồ Chí Minh.
- Đàn Cam Ranh Khánh Hòa.
- Đàn Khuyết Linh Bến Tre.
- Đàn Pháp Bửu Tây Ninh.

**RẦM-3 CD (28-4-2010)** Hội Thánh Cao Đài Cầu Kho Tam Quan (Bình Định) tổ chức “Đại hội Đại biểu nhơn sanh Toàn phái, nhiệm kỳ III (2010–2015) với danh sách nhân sự Hội Đồng Chương Quản Lương Đài Hội Thánh gồm 19 người. Phái đoàn Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo và Nữ Chung Hòa do đạo huynh Phó Tổng Thư ký Huệ Ý và Phó Chủ tịch Bạch Hạnh dẫn đầu đến dự và Giáo sĩ Huệ Ý được mời thuyết trình đề tài: “Từ giá trị tâm linh đến giá trị tâm linh siêu việt” (hình 9).

**RẦM-3 CD (28-4-2010)** Phái đoàn Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo tham dự lễ tái thiết Vĩnh Nguyên Tự – Cần Giuộc – Long An. Đạo huynh Thiện Chí Tổng Thư ký Cơ Quan được mời thuyết trình đề tài: “Nguyên nhân Đức Thượng Đế khai Đạo”.

**26-3 CD (09-5-2010)** Lễ Khánh thành ngôi Tam đài Đạo Pháp Thánh thất Trung Bảo – Đồng Nai.

**12-4 CD (25-5-2010)** Đạo tỷ Nghi Phong, thế danh Công Thị Tiếp, nguyên Tổng Thư Ký và Cố vấn Tổng Thư Ký Nữ Chung Hòa Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo đã quy thiên lúc 12 giờ, hưởng thọ 90 tuổi. Linh cữu được quàng tại tư gia. Nhân viên Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo và đạo hữu Thánh thất Bàu Sen cùng chung lo tang lễ.

## NỮ CHUNG HÒA GIAO LƯU HỌC TẬP THÁNH GIÁO

**22-01 CD** Tại Cao Thượng Bửu Tòa, Bạc Liêu, Giáo sĩ Kim Dung bình giảng bài 5 quyển Lòng Từ Mẫu.

**01-4 CD (14-5-2010)** Tại Minh Kiến Đài, Gò Vấp, Giáo sĩ Thanh Bình bình giảng bài 7, Thánh giáo Ất Tỵ 1965.

**14-4 CD (27-5-2010)** Tại Thánh tịnh Ngọc Chiếu, Lái Thiêu, quyển Văn Hóa Vụ trưởng Hồng Phúc bình giảng bài 8, Thánh giáo Ất Tỵ 1965.

### CHÚ THÍCH

Hình 1: Giáo Hữu Đầu Họ Đạo đọc diễn văn khai mạc.

Hình 2: Đại diện Cơ Quan trước linh sàng.

Hình 3: Ban Thường Vụ và Hiệp Thiên Đài tiếp đón Phái đoàn Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận 1.

Hình 4: Đạo trưởng Đạt Trí phát biểu trong buổi lễ tại TT. Ngọc Linh.

Hình 5: Trước giờ hành lễ khánh thành ngôi Điều Trì Bửu Điện.

Hình 6: Buổi họp trừ bị chiều 8-02 Canh Dần.

Hình 7: Tổng thư ký Thiện Chí trên diễn đàn.

Hình 8: Ban hành lễ pháp môn Trung ương Cao Đài Chiếu Minh Tam Thanh Vô Vi ra mắt đạo tâm quan khách.

Hình 9: Hội đồng Chương quản Lương Đài Hội Thánh Cao Đài Cầu Kho Tam Quan nhiệm kỳ III (2010–2015).■



đạo vững chắc, tình đạo thiết tha hòa ái, là những giá trị tinh thần cao quý Chị trao lại cho đàn em.

Chị rất xứng đáng là bậc Thiên ân tiền định sứ mạng Cao Đài giữa thủ đô Hà Nội và đã được Hội Thánh Cao Đài Ban Chính Đạo tuyên dương bốn chữ “TRUNG KIÊN VỊ ĐẠO”.

Giờ này Hội Thánh Bến Tre đang truy điệu Chị, Chị Lớn Chánh Phối Sư Hương Bình, các Hội Thánh Cao Đài toàn Đạo đều tiếc thương Chị, đồng đạo ở Hà Nội càng thổn thức tưởng nhớ Chị biết bao!

Chúng em tin tưởng Chị đã về phục mệnh Thầy Mẹ nơi cõi trời.

TP. HCM, ngày 27 tháng 4 Canh Dần (09-6-2010).■

## Cổ vấn...

(TIẾP THEO TRANG 86)

*Cửa huyền môn lửa lọc sớm chiều,  
Nghệp trần chẳng có bấy nhiêu,  
Chỉ lòng đoan niệm chặt chiu khí thần.*

(Đức Đông Phương Chưởng Quản, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 21-11 Canh Thân, 27-12-1980)

Năm Bính Dần 1986, Đạo Tỷ Nghi Phong được Đức Giáo Tông ban ơn giữ trách vụ Tổng Thư ký Nữ Chung Hòa :

*Bổ túc Ban Chấp Hành cho đủ,  
Do yêu cầu Thường Vụ đã xin;  
OAI NGHIÊM TAM TRẦN đệ trình,  
TỪ TÔN KIM MẪU thuận tình chuẩn phê,  
Chức Phó Nhứt danh để Hồng Cẩm,  
Bạch Hạnh lên phụ phẩm Phó Nhì,  
Điền vào thay chỗ khuyết khuy,  
Đức, tài, công, chính thực thi đại đồng.  
Tổng Thư Ký : Nghi Phong xứng hạnh,  
Nguyễn Thị Lành làm Chánh Văn Phòng;  
Vô tư, vô kỷ lập công,*

*Trên đường sứ mạng, GIÁO TÔNG dắt dìu.*

(Đức Giáo Tông Đại Đạo, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 03-5 Bính Dần, 09-6-1986).■

## Học tu theo...

(TIẾP THEO TRANG 30)

*ngã nên không lìa được chấp ngã. Còn chấp ngã<sup>30</sup> là còn mê vọng, tham sân si. Còn mê vọng tham sân si là còn nhân quả chuyển luân không dứt.<sup>31</sup>*

Vì vô minh mà chấp ngã. Phải khai huệ để lìa ngã. Muốn khai huệ phải tham thiền.

Đức Quán Thế Âm dạy:

*Tham thiền là phương tiện quý giá nhất để được phát huệ, nhận chân mọi cội nguồn của các sự kiện xảy đến.<sup>32</sup>*

Khi tham thiền là chủ sử lực căn:

*... con người là cái kho chứa đầy chủng tử. Nếu vắt bỏ hết những thấy, nghe, hiểu, biết theo thể sự thường tình thì minh linh phát hiện soi sáng tất cả chướng ngại trong pháp giới chúng sanh để phá tan màn đêm lực thức cho tất cả chúng sanh hồi đầu thị ngạn.<sup>33</sup>*

Tự Ngã là chủ nhơn ông bị 6 thuộc hạ là lục căn: nhãn, nhĩ, tỉ, thiệt, thân, ý lôi vào vòng luân hồi sanh tử.

*Sáu căn duyên với cảnh ngoài,*

*Tình nương theo ý phiêu nhai đất người...*

Do đó, để thoát khỏi luân hồi, thấy tánh thành Phật. thì phải:

*Bế căn, chỉ niệm, tâm tình hườn hư!*

Chúng ta học tu theo tấm gương và lời dạy của Đức Quán Thế Âm Bồ Tát trước để tự cứu mình, sau góp phần vào sứ mạng tận độ trong Tam Kỳ Phổ Độ để trọn làm con thảo của Đức Chí Tôn và học trò Tiên của các Đấng Tôn Sư.

Cầu và nguyện xin được như thế.■

30. Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo dạy:

“Thời trung là đạo tạo nên đời,  
Chỉ đức chí tâm chẳng đổi dời,  
Vượt khỏi thị phi vô ngã chấp,  
Thuyền từ vững lái chốn ngàn khơi.”

(Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-7 Kỷ Mùi, 06-9-1979).

31. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-7 Đinh Tỵ (29-8-1977).

32. Minh Lý Thánh Hội, 02-4 Kỷ Dậu (17-5-1969).

33. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-7 Đinh Tỵ (29-8-1977).